

**Phần III****Phản giải đáp Bài tập phân loại hàng hóa**

<b>Phần, Chương</b>	<b>Mã H.S</b>	<b>Tên hàng hoá và Mô tả</b>	<b>Lưu ý</b>
<b>P. I</b>		<b>Động vật sống và các sản phẩm từ động vật</b>	
1	95	Bò tót dùng cho các cuộc đấu bò	Chú giải 1(c) của Chương 1
2	03	Lát cá thu để xuất khẩu	
3	02	Tim gan lợn dùng làm thực phẩm dùng cho người	
4	02	Cánh gà tây	
5	02	Bột thịt bò dùng để nấu súp	
6	04	Trứng chim cú đã luộc chín	
7	04	Pho mát dê	
8	05	Bột phế liệu cá dùng cho nuôi gia súc	
9	05	Tinh dầu thơm của cà cuống	
10	05	Lông vịt xuất khẩu	
<b>C. 1</b>		<b>Động vật sống</b>	
1	010410.10	Cừu thuần chủng dùng để làm giống nhập khẩu từ Mông cổ. Lưu ý: cừu này là giống thuần chủng để lai tạo, nghĩa là mục đích chủ yếu dùng để làm giống.	Lý luận tương tự Bài số 1 của Chương 1 ( đọc Chú giải 1 của Chương 1).
2	010410.90	Cừu sống dùng để giết thịt, nặng 30 kg	Lý luận tương tự Bài số 1 của Chương 1 ( đọc Chú giải 1 của Chương 1).
3	010420.90	Dê nhập khẩu từ Trung Quốc, nặng 34 kg dùng để giết thịt	Lý luận tương tự Bài số 1 của Chương 1 ( đọc Chú giải 1 của Chương 1).
4	010592.90	Gà trống sống nặng 500 gram, dùng để giết thịt.	Xem tên Phần và Chương. Nhận thấy " Động vật sống" thuộc Chương 1. Tìm thấy " Gia cầm sống" rơi vào nhóm 0105. Loài" Gallus domesticus" là gì. Thấy nó bao gồm gà mái, gà trống, gà con...
5	010600.10	Chim bồ câu sống, còn non, dùng để làm thực phẩm.	Xem tên Phần và Chương. Nhận thấy " Động vật sống" thuộc Chương 1. Tìm thấy " Gia cầm sống" rơi vào nhóm 0105. Loài" Gallus domesticus" là gì. Thấy nó bao gồm gà mái, gà trống, gà con...



6	010512.10	Gà tây trọng lượng 180gram, để làm giống	Xem tên Phần và Chương. Nhận thấy " Động vật sống" thuộc Chương 1. Tìm thấy " Gia cầm sống" rơi vào nhóm 0105. Loài" Gallus domesticus" là gì ? . Thấy nó bao gồm gà mái, gà trống, gà con...
7	010600.90	Ếch, Baba, rùa sống xuất khẩu sang Trung quốc , đựng trong sọt tre loại 20kg, dùng để làm thực phẩm. Số lượng 10 sọt.	Xem tên Phần và Chương. Nhận thấy " Động vật sống" thuộc Chương 1. ta nhận thấy " ếch, rùa, baba " thuộc vào nhóm 0106.00 " Các động vật sống khác".
8	0101.29.10	Ngựa đua thể thao nhập khẩu từ Ba Lan	Đọc qua tên sản phẩm chúng ta thấy ngựa là động vật sống vậy nó phải thuộc Phần I, Chương 1 (sử dụng Qui tắc 1), thuộc phân nhóm 010129.10 (lưu ý nếu Ngựa loại này mà nhập khẩu để phục vụ cho các gánh xiếc lưu động thì nó phải nằm trong nhóm 95.08.
9	9508.10.00	Khi và voi Ma nút xuất xứ châu Phi nhập khẩu để phục vụ cho liên hoan xiếc quốc tế (lưu ý: loại khi này thường đi cùng với gánh xiếc lưu động). Số lượng: 10 con.	áp dụng Qui tắc 1, thoát nhìn qua chúng ta tưởng loại khi này phải nằm vào Phần I " Động vật sống và các sản phẩm từ động vật sống" và nó phải nằm trong Chương 1, nhóm 0106.00. Nhưng khi đọc chú giải 1(c) " <i>Chương này không bao gồm động vật thuộc nhóm 95.08</i> " thì loại khi này không được phân loại trong Chương này được vì loại khi này được nhập khẩu để phục vụ cho gánh xiếc lưu động, nên nó phải được xếp trong Nhóm 9508.10
10	0511.99.90	Động vật chết (bò giống) trong quá trình vận chuyển đường biển, không thể giết thích để tiêu dùng của con người mà chỉ có thể được dùng để làm phân bón. Loại bò này có xuất xứ châu Phi trọng lượng	áp dụng Qui tắc 1, xem qua tên của chúng chúng ta thấy động vật loại này có thể được xếp vào Chương 1 và những con bò này nhập khẩu phục



mỗi con 50 kg. Số lượng 15 con.

			<p>vụ cho mục đích làm giống thì phân nhóm 0102.21.10 là thích hợp nhất. Nhưng trong quá trình vận chuyển thì những con vật này bị chết vì một lý do nào đấy. Đọc các Chú giải Chung của Chương 1. Chú giải này nói " Chương này không bao gồm động vật chết...". Vậy nó phải nằm trong Phân nhóm 0511.99.90. Nếu Chúng có thể thích hợp để cho người tiêu dùng thì phải nằm trong Phân nhóm 0102.90. 90</p>
11	950800.00	Rắn hổ mang của người dụ rắn biểu diễn rong nhập khẩu từ Ấn Độ	Chú giải 1(c) của Chương 1. Chương này bao gồm tất cả các động vật sống trừ: <i>Động vật thuộc nhóm 95.08</i>
12	010310.00	Lợn con dùng để làm giống nhập khẩu từ Trung Quốc, nặng 3 kg. Số lượng 50 con.	Chú giải 1 của Phần I " <i>Trong phần này, khi đề cập đến một giống hoặc một loại thuộc loài động vật cần phải kể đến cả giống hoặc loại đó còn non (trừ một số trường hợp hoặc yêu cầu khác)</i> ".
13	010392.00	Lợn rừng đực (hoang dã) Đông Nam á trọng lượng 70kg.	Chú giải nhóm 0103.
14	950800.00	Ngựa sống (của gánh xiếc lưu động)	Thoạt nhìn chúng ta có thể phân loại vào Chương 1, vì ngựa ở đây còn sống và thường đi với các gánh xiếc lưu động phục vụ cho mục đích giải trí . Đọc qua những Chú giải của Chương này trong đó Chú giải 1(c) chương1 "Chương này bao gồm tất cả các động vật sống trừ: <i>Động vật thuộc nhóm 95.08</i> ". <i>Chúng ta phải đặt ra câu hỏi Động vật thuộc nhóm 95.08 là ? . Đọc qua Nhóm 95.08 "</i> <i>Vòng ngựa gỗ.....bầy thú xiếc lưu động, nhà hát lưu động. Vậy lô hàng này phải được phân loại vào nhóm</i>



			95.08.
<b>C. 2</b>		<b>Thịt và các cơ quan nội tạng của động vật dùng làm thực phẩm</b>	
1	020820.00	Đùi ếch đông lạnh xuất khẩu trong thùng gỗ	
2	020734.00	Gan gia cầm đông lạnh, dùng để làm thực phẩm.	
3	020900.00	Mỡ lợn, chưa nấu chảy ( đã rán)	Xem tên Phần và Chương. Thấy " Mỡ động vật" thuộc vào Chương 15. Đọc Chú giải Chương: Chú giải 1(a) ghi rõ là mỡ lợn không thuộc Chương 15 mà thuộc vào Nhóm 0209. Trờ lại Chương 2 và đọc Chú giải: Chú giải 1 (c) khẳng định rằng việc phân loại nêu trên là đúng.
4	020732.00	Thịt ngỗng tươi, không được cắt thành miếng	
5	020110.00	Thịt trâu, bò các loại nửa con không đầu, ướp lạnh	
6	020319.00	Thịt heo (đùi), ướp lạnh	
7	020430.00	Thịt cừ non cả con, không đầu, ướp đông, nhập khẩu từ úc	
8	0504.00.00	<b>Dạ dày bò dùng để làm vỏ xúc xích.</b>	<b>Chúng ta thấy sản phẩm này phải nằm trong Phần I và Thuộc Chương 2 vì dạ dày của bò là một bộ phận nội tạng của động vật nên chỉ có thể xếp vào Chương 2. Nhưng khi đọc Chú giải 1(b) " Chương này không bao gồm ruột, bong bóng hoặc dạ dày của động vật (thuộc nhóm 05.04) hoặc tiết động vật (thuộc nhóm 05.11 hoặc 30.02)". Vì mục đích của sản phẩm này là dùng để làm vỏ xúc xích ,vậy nó chỉ có thể được phân vào nhóm 0504.00.00</b>
9	020622.00	Gan bò, ướp đông	
10	410121.00	Da bò ngâm muối để xuất khẩu, loại nguyên con	
<b>C. 3</b>		<b>Cá và động vật giáp xác (tôm, cua...); động vật thân mềm và các động vật không xương sống, sống dưới nước</b>	



			<b>khác</b>	
1	030621.00	Tôm hùm đá sống (loài Palinurus, đựng trong sọt gỗ. Trọng lượng ròng 500 kg , Nhập khẩu từ Việt nam		Chú giải 1(a) Chương 1
2	030741.00	Mực lột nang, ướp lạnh, xuất khẩu sang Nhật bản (loài Sepia officialis).		Chú giải 1(a) Chương 1
3	030710.00	Sò huyết ướp đông		Chú giải 1(a) Chương 1
4	030510.00	Bột cá dùng cho người của Trung Quốc		
5	030240.00	Cá trích chặt đầu, tươi		Chú giải 1(a) Chương 1
6	030199.00	Cá trắm cỏ nhập khẩu từ Ấn Độ		Chú giải 1(a) Chương 1
7	030420.00	Cá ngừ khúc ướp đông, xuất khẩu sang Liên minh châu Âu (E.U)		Chú giải 1(a) Chương 1
8	160414.90	Cá ngừ hun khói		Chú giải 1 Chương 16
9	030110.10	Cá Hoàng Đế (nước ngọt) dùng để làm cảnh		Chú giải (a) Chương 1
10	030530.00	Cá hồi chiên , rán (dried salmon)		Cá đã trải qua 2 hoặc hơn các khâu sau đây (rán, ướp muối hoặc nước muối, hun khói) vẫn được phân loại trong nhóm 03.05 như là cá rán.
11	030110.10	Cá Mất lồi, màu vàng, nhập khẩu từ Nhật Bản. Số lượng 100 con, vận chuyển bằng đường hàng không (cá nước ngọt).		Chú giải (a) Chương 1
12	030541.00	Lát thịt cá hồi Thái Bình Dương (loài Oncorhynchus Nerka), không xương, ngâm nước muối, đựng trong thùng gỗ. Tổng trọng lượng 24 kg.		
13	030371.00	Cá Sardin (Sardina pilchardus), ướp đông trong sọt nhựa loại 15 Kg.		
14	030269.00	Cá bống thệ nguyên con, ướp lạnh trong sọt nhựa để xuất khẩu (lưu ý loại cá này chưa được tẩm gia vị).		
<b>C. 4</b>		<b>Sữa và các sản phẩm từ sữa; trứng chim; trứng gia cầm; mật ong tự nhiên; thực phẩm có nguồn gốc động vật, chưa được ghi hoặc chi tiết ở các chương khác.</b>		
1	040700.20	Trứng vịt muối Cần Thơ xuất khẩu (chưa bóc vỏ)		
2	040700.11	Trứng chim cút tươi để làm giống		
3	040811.00	Lòng đỏ trứng chim, đã sấy khô		
4	040120.19	Sữa tươi, trong đó hàm lượng chất béo là 3%, sản phẩm này đã được chế biến.		
5	040130.90	Kem tươi (Fresh cream), hàm lượng chất béo chiếm 8% trọng lượng, chưa pha thêm bất cứ chất ngọt hoặc được nào nhập khẩu từ Hà Lan, loại này chưa qua		



6	020711.00	bất kỳ một quá trình chế biến nào cả. Cánh gia cầm (gà), chưa chặt mảnh, đã được ướp lạnh	
7	040640.00	Pho mát vân xanh, nhập khẩu từ Pháp	
8	040390.90	Sữa đặc có đường, đã được pha thêm hương liệu, hoa quả (hộp 397gram, đựng trong thùng các tông, 1 thùng 24 hộp hiệu Ông Thọ xuất khẩu.	
9	040900.00	Mật ong tự nhiên Tây Nguyên xuất khẩu sang Thái Lan trong chai 1 lít nhãn hiệu " Queen bee"	
10	041000.10	Yến sào Khánh Hoà xuất khẩu, hiệu "Seabird"	
<b>C. 5</b>		<b>Các sản phẩm khác từ động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở chương khác.</b>	
1	050100.00	Tóc (người) chưa tinh chế	
2	050800.00	Vỏ động vật thân mềm, thô	
3	050300.00	Lông đuôi của bò đực (hair obtained from ox tail)	Xem tên Phần và Chương. Chúng ta thấy nhận thấy " Tóc" rơi và Chương 5. Chúng ta nhận thấy rằng không đề cập đến " lông đuôi bò đực có nên phân vào nhóm "Loại khác" 0511 không ?. Đọc Chú giải 4 của Chương 5: "Bòm ngựa" kể cả lông đuôi của trâu, bò: gà thuộc nhóm 0503
4	050510.00	Lông vịt, chưa qua chế biến, dùng để làm gối xuất khẩu sang Đài Loan.	
5	050710.11	Ngà voi chưa qua chế biến, dùng để làm bàn phím của đàn pianô.	Chú giải 3 Chương 5
6	050790.00	Mai rùa, chưa qua gia công	
7	050790.00	Răng nanh lợn lòi (lợn rừng), chưa qua gia công	
8	051110.00	Tinh dịch Bò (làm giống)	
9	050800.00	San hô	
10	050900.00	Bột biển tự nhiên (gốc động vật)	
11	050400.90	Da dày lợn	Chú giải 1(a) Chương 5
12	050800.00	Vỏ cua, ở dạng thô, dùng để trộn ở dạng bột	Chú giải 1(b) Chương 3



<b>P. II</b>		<b>Các sản phẩm thực vật</b>	
<b>C. 6</b>		<b>Cây sống và các loại cây dễ trồng khác; củ, rễ và các loại tương tự, hoa cắt rời và lá trang trí.</b>	
1	070310.10	Hành tây nhập khẩu dùng để làm giống	Chú giải 1 của Chương 6
2	060240.00	Cây hoa hồng ghép	
3	060310.00	Hoa Tuy Líp tươi nhập khẩu từ Hà Lan	
4	060310.00	Lọ hoa hình bầu dục trong đó người ta để một bó hoa tươi, chũm hàng dùng làm quà tặng	Chú giải 2 của Chương 6
5	060491.00	Phân xếp loại như thế nào đối với cây thông Nô-en, ở dạng tươi	Chú giải nhóm 06.04 của Chương 6 Tránh nhầm với cây thông Nô-en bằng nhựa (Chương 39).
6	070951.00	Nấm tươi, chiều cao khoảng một cen-ti-met.	Chú giải 1 của Chương 6
7	121190.10	Địa y sấy khô để làm vị thuốc bắc	Tránh nhầm với nhóm 06.04 của Chương 6. Đọc Chú giải Chung của Chương 6 (Chương 6 không bao gồm các loại rễ, củ, thân cành dùng để làm dược phẩm, nước hoa, thuốc trừ sâu, thuốc tẩy hoặc các mục đích tương tự).
<b>C. 7</b>		<b>Các loại rau và một số loại củ, rễ ăn được</b>	
1	071420.00	Khoai lang	
2	070960.10	Ớt quả Jamaica, đựng trong sọt tre	
3	070700.10	Dưa chuột, tươi	
4	070920.00	Măng tươi	
5	070951.00	Nấm mỡ	
6	070930.00	Cà tím tươi	
7	071290.90	Rau muống khô	
8	070910.00	Cây Atiso (dùng làm nước giải khát)	Tránh nhầm với Chương 6
9	071040.00	Bắp ngô non (dùng làm rau)	
10	071220.00	Củ hành tây được bảo quản bằng hơi lưu huỳnh (chống héo)	
11	a. 070920.00 b. 071490.00	a. Măng tây, luộc chín bằng nước và ướp đông; b. Củ từ, luộc chín bằng nước và ướp đông	Hai mặt hàng bên được xếp vào Chương 7 vì do dù chúng đã được nấu chín bằng nước và sau đó được đông (Theo phần Chú giải Chung của Chương 7).
<b>C. 8</b>		<b>Các loại quả hạt ăn được, vỏ quả họ</b>	

**chanh, vỏ dừa**

1	080300.10	Chuối tươi xuất xứ Cốt Đivoa	
2	080430.00	Dứa quả xuất xứ Cốt Đivoa, loại A	Tránh nhầm với dứa đóng hộp
3	080430.00	Lê quả nhập khẩu từ Trung Quốc	
4	080450.10	Xoài tượng xuất xứ Mali	
5	080720.00	Đu đủ Brazin	
6	080131.10	Nhân hạt điều khô Đồng Nai, chưa qua chế biến	
7	081090.90	Quả thanh long Sông Bé, tươi	
8	080119.00	Dừa quả tươi Philippin xuất khẩu	
9	081310.00	Mơ khô xuất khẩu	
10	080410.00	Chà là ả rập	
11	080240.00	Hạt dẻ, chưa bóc vỏ	
12	081110.00	Dâu tây ướp đông	
13	110630.00	Quả chà là nghiền vụn có được phân xếp loại vào đây hay không ?	Quả chà là nghiền vụn không được xếp vào Chương 8 (Chú giải (i) "Chương 8 không bao gồm bột mịn và bột thô của hoa quả thuộc Nhóm 11.06).

**C. 9 Cà phê, chè Paragoay( maté) và các loại gia vị**

1	090111.00	Hạt cà phê Arabica II (cà phê chè) và Robusta thô nhập khẩu từ Brazin, đóng thành bao 60 kg, loại này chưa rang, chưa khử cafein.
2	090300.00	Chè Paragoay, loại hảo hạng
3	090500.00	Bột Vani do Trung Quốc SẢN XUẤT
4	090620.10	Quế xay vụn
5	090411.00	Hạt tiêu Sarawak (Mã lai xia) và Muntok đen trắng, chưa xay xát
6	090190.00	Chất thay thế Cà phê, có chứa 15% cà phê
7	090610.10	Quế vỏ Madagatca
8	091010.00	Gừng Nigiêria
9	090950.00	Hạt thì là ấn Độ
10	091099.00	Hạt cần tây ấn Độ ASTA
11	090122.00	Cà phê hòa tan đã khử chất Cafein do các nước G7 sản xuất
12	090230.00	Chè đen đã ủ men đóng gói bằng hộp sắt tây, trọng lượng 1 hộp 500 gram. Chè loại này đã được ướp sen
13	090122.00	Cà phê sữa VINAMILK, đóng gói nhỏ để bán lẻ loại 100 gram.
14	090700.00	Đinh hương Comones

**C. 10 Ngũ cốc**





TAILIEUXNK.COM

- 1 100630.00 Gạo Mỹ đã xay xát, hạt dài, 10% tấm
  - 2 100110.00 Lúa mì trắng úc
  - 3 100510.90 Bắp hạt vàng dùng để chăn nuôi. Thử xem ngô trắng dùng để làm giống phân loại vào phân nhóm nào vào đâu ?
  - 4 100630.00 Gạo thơm 100% loại A xuất khẩu sang Iran, giá 520 USD/tấn. Thử xem thóc dùng để làm giống phân loại vào phân nhóm nào vào đâu ?
  - 5 100890.00 Nếp Ô Môn
  - 6 100630.00 Gạo dài Long An 108, 5 % tấm
  - 7 100200.00 Lúa mạch đen
  - 8 100640.00 Tấm
  - 9 100510.10 Hạt ngô giống lai BIOSEED 9681
  - 10 100810.00 Kiều mạch
  - 11 100620.00 Gạo lứt mới xay bỏ trấu (gạo vàng)
  - 12 100820.00 Kê hạt dùng để nuôi chim cảnh
- C. 11 Các loại sản phẩm xay xát, malt, tinh bột, inulin, gluten.**
- 1 110510.00 Hàng viện trợ bảo lụt do một hội từ thiện nước ngoài gửi cho nhân dân vùng bị nạn là Khoai tây bột đóng thành bánh, chỉ cần hấp qua là ăn ngay, vậy phân xếp loại vào đâu ?
  - 2 110720.00 Malt bia do Đan Mạch sản xuất, chưa rang
  - 3 110220.00 Bột ngô dùng để chăn nuôi Mỹ sản xuất
  - 4 110814.00 Tinh bột sắn
  - 5 110100.10 Bột mì Trung Quốc
  - 6 110812.00 Tinh bột ngô
  - 7 110610.00 Bột mịn đậu Hà Lan
  - 8 110620.90 Bột mịn củ dong riềng
  - 9 110520.00 Khoai tây lát
  - 10 110900.00 Gluten lúa mì sấy khô
- C. 12 Hạt và quả có dầu; các loại hạt quả khác; cây công nghiệp; cây dược liệu; rơm và rạ**
- 1 120100.10 Đậu tương hạt dùng để làm giống.
  - 2 120220.20 Lạc nhân Trung quốc HSU-JI (loại đã vỡ mảnh)
  - 3 120210.90 Lạc vỏ Nghệ An để xuất khẩu để ép dầu lạc
  - 4 120600.10 Hạt hướng dương dùng để làm giống
  - 5 121190.10 Gỗ thân cây Sa nhân dùng để làm thuốc, được cắt thành vảy nhỏ để tiện pha chế vào các vị thuốc bắc
  - 6 080290.00 Hạt sen khô, sấy bằng nhiệt để chống



		mốc.	
7	121291.00	Củ cải đường tươi	
8	121292.00	Mía cây thu hoạch bằng cách đốt tại ruộng để làm tăng hàm lượng đường	
9	121120.00	Rễ nhân sâm	
10	120720.10	Hạt bông dùng để làm giống	
<b>C. 13</b>		<b>Cánh kiến đỏ, gồm các loại: nhựa cây và các chiết xuất khác từ thực vật.</b>	
1	130213.00	Cao (extract) cây Hu bông (Houblont)	
2	130211.00	Nhựa cây thuốc phiện (opium sap)	Xem tên Phần và Chương. Thấy " <i>nhựa thực vật và chiết xuất</i> " thuộc Chương 13 và Nhóm 1302. Đọc các Chú giải của Phần II và Chương 13: Chú giải 1 của Chương chỉ ra rằng nhóm 1302 chỉ áp dụng cho nhựa cây thuốc phiện nhưng Chú giải 1(f) thì nói rằng trừ dược phẩm có nhựa cây thuốc phiện. Vậy thì chúng ta tìm xem " <i>nhựa thuốc phiện</i> " có phải là 1 loại dược phẩm không ?. Thấy rằng nhựa cây thuốc phiện thô không thể dùng được như dược phẩm nhưng các chiết xuất qua chế biến từ nhựa cây thuốc phiện có thể được phân vào nhóm 1302. Kết luận ta xếp " <i>Nhựa cây thuốc phiện</i> " vào phân nhóm 1302.10
3	130212.00	Cao cam thảo	
4	<u>130110.10</u> hoặc 130110.90	Công ty ABB là công ty chuyên sản xuất các loại máy biến thế. Phục vụ cho sản xuất máy điều chỉnh điện áp, họ phải nhập khẩu loại nhựa cánh kiến đỏ. Bạn thấy lô hàng nhập này có thích hợp với mục đích sản xuất hay không ? Nếu đúng, ta sẽ phân xếp loại vào đâu ?	
5	130190.00	Hãy phân xếp loại nhựa thông được nhập khẩu để dùng cho các dụng cụ âm nhạc ? Thử đoán những dụng cụ này là loại gì ? Vị trí xếp loại ?	
6	130219.10	Chất chiết xuất quả dâu dùng pha chế thạch đông (đồ giải khát)?	Đây là một loại chiết xuất từ các loại cây dùng để sản xuất đồ uống.
7	22.07	Xác định công dụng của Cánh kiến đỏ	Công dụng:



	hoặc 22.08	hoà tan trong cồn ? Vị trí xếp loại của chủng hàng này có thuộc Chương 13 hay không ?	Không thể xếp cánh kiến đồ hoà tan trong cồn vì cánh kiến đã qua giai đoạn xử lý vào Chương 13 được theo Chú giải của Nhóm 13.01. Vậy sản phẩm này chỉ có thể xếp loại vào Chương 22 " Đồ uống, rượu và giấm"
8	170490.00	Người ta có lô hàng nhập khẩu là chiết suất từ cam thảo phục vụ làm mứt kẹo có chứa thuốc bắc, hàm lượng đường 18%. Hãy xếp loại chủng hàng trên	Chú giải 1 (a) của Chương 13. ở đây lượng đường chiếm đến 18% lớn hơn 10% trong Chú giải đề cập đến.
9	330290.90	Hỗn hợp các chiết xuất thực vật để làm thơm nhà vệ sinh	Chú giải 1(h) của Chương 13. Nên chỉ có thể xếp sản phẩm này vào Chương 33 và Chú giải (ii) của Nhóm 13.02.
10	330790.90 hoặc <u>330749.90</u>	Hộp thảo mộc nhân tạo có mùi hoa hồng dùng để làm thơm tay dùng trong nhà vệ sinh	Chú giải 1(h) của Chương 13. Nên chỉ có thể xếp sản phẩm này vào Chương 33. Lưu ý đây là thành phẩm.
<b>C. 14</b>		<b>Vật liệu từ thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm các từ thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi nào khác.</b>	
1	140110.10	Cọc tre tiện tròn đầu, độ dài 02 mét, xuất khẩu, dùng làm đồ trang trí nhà hàng	
2	140120.00	Song mây thô, mới được sơ chế để bảo quản trong vận chuyển đến Bun-ga-ri	
3	121120.00	Rễ nhân sâm dùng làm vị thuốc bắc bồi bổ sức khoẻ.	
4	63	Bông hỗn hợp dùng để nhồi gối trong đó bông gạo chiếm tỷ lệ 65% và bông nhân tạo là 35%	Mặc dù bông gạo chiếm đến tỷ lệ 65% chúng ta không thể phân sản phẩm này vào Chương 14 theo Chú giải 1 của Chương 14 mà phân vào Chương 63.
5		Một hợp tác xã thông qua Công ty xuất nhập khẩu A để xuất đi rom lúa đã nhuộm màu dùng để làm thảm	Không thể phân loại rom nói trên vào Chương 14 theo Chú giải 1 của Chương 14.



<b>P. III</b>		<b>Mỡ động vật hoặc thực vật; các sản phẩm lấy từ mỡ hoặc dầu động vật hoặc thực vật; mỡ chế biến làm thực phẩm; các loại sáp động vật hoặc thực vật.</b>	
<b>C. 15</b>			
1	Chương 2	"Mỡ gia cầm chưa rán" được phân loại trong chương nào sau đây (Chương 2/15/19/21).	Chương 2 theo Chú giải 1(a) của Chương 15.
2	Không	Có thể phân loại sản phẩm chế biến ăn được có tỷ trọng bơ lớn hơn 15% vào trong Phần III được không.	Không thể phân loại sản phẩm này vào trong Phần III được theo Chú giải 1(c) của Chương 15. Các sản phẩm này phải được phân loại vào Chương 21.
3	151311.10	Dầu dừa thô Philippin dùng trong kỹ thuật	
4	151219.11	Dầu hướng dương giá CIF cảng Rotterdam - Hà Lan, tinh chế của Nga dùng trong kỹ thuật.	
5	150890.90	Dầu lạc hiệu "Boatsailing" tinh chế, thành phần hóa học không thay đổi, đựng trong chai nhựa, loại 1 thùng 6 can, can 2kg dùng để chế biến thức ăn.	
6	150710.00	Dầu đậu tương thô	
7	150420.00	Dầu cá Menaden tinh chế, Mỹ sản xuất	
8	151490.90	Dầu thực vật thành phẩm (hạt cải) hiệu Tường An đựng trong chai nhựa loại 2 lít dùng trong nấu nướng	
9	150200.90	Mỡ cừu, chưa rán dùng trong nấu ăn.	Chú giải 1(c) Chương 2
10	150100.11	Mỡ lợn dạng nước (đã rán) dùng trong công nghiệp.	Chú giải 1(c) Chương 2



P. IV		<b>Thực phẩm chế biến; đồ uống, rượu mạnh và giấm; thuốc lá và các chất thay thế thuốc lá chế biến</b>	
C. 16		<b>Các sản phẩm chế biến từ thịt, cá động vật giáp xác hoặc động vật thân mềm hoặc động vật không xương sống, sống dưới nước khác.</b>	
1		Nếu thực phẩm chế biến có chứa nhiều loại thịt và cá thì sẽ phân loại phân loại theo thành phần nào chiếm tỷ trọng lớn hơn có đúng không ?	Phân loại theo thành phần chiếm tỷ trọng lớn hơn theo Chú giải 2 của Chương 16.
2	160300.10	Nước ép từ thịt gà hiệu "Lucky" đựng trong chai ( sản phẩm tinh chiết). Loại này thường được thêm muối và một số chất để bảo quản. Công dụng là dùng để nấu xúp và một số thức ăn nước. Sản phẩm này do Hồng Kông sản xuất. Số lượng 100 thùng.	
3	160412.10	Cá trích cơm đóng hộp, loại nguyên con, trọng lượng 250gr, trong có dầu và có chứa gia vị vừa để bảo quản, vừa để ăn, nhãn hiệu "Hạ long". Cá trích đã được chế biến.	
4	1605.29.90	<b>Pho mát kẹp vào giữa cá tuyết (codfish). Thành phần:</b> . Pho mát 74% . Miếng cá tuyết mềm 26% (. Cá tuyết nghiền 22% . Tinh bột, Sorbitol, muối, hương vị 4%) Sản phẩm này không được đóng hộp.	Xem qua tên Phần và Chương. Chúng ta thấy có thể phân loại vào 2 nhóm sau :04.06 (Pho mát và sữa đông dùng làm pho mát ) và 16.04 (cá khác được chế biến). Thực phẩm được phân vào Chương qui định rằng chúng chứa hơn 20% trọng lượng cá (Xem Chú giải 2, Chương 16) và sản phẩm này không được đóng hộp. Vì thế, chúng ta xếp sản phẩm này vào nhóm 1604.20.99"Cá khác được chế biến)
5	1605.29.90	<b>Cơm gà hải sản đông lạnh, đóng thành gói dùng để bán lẻ. Thành phần như sau:</b> . Gạo nấu chín có thêm gia vị 62% . Thịt gà 12% . Thịt cua 7% . Tôm prawn 7% . Rau 12%	Vi trọng lượng thịt gà, cua và tôm chiếm 26%, theo Chú giải 2 Chương 16 và Chú giải 1(a) Chương 19, Chế phẩm này không được phân vào nhóm 19.04 nhưng phân vào Chương 16 là hợp lý. Có 2 nhóm có thể phân vào đó là



			<p>16.02 ( Sản phẩm từ thịt (thịt gà) hoặc 16.05, sản phẩm từ động vật không xương sống (tôm, cua). Chú giải 2 của Chương 16 qui định các chế phẩm có chứa hai hoặc hơn sản phẩm nói trên thì xếp vào nhóm tương ứng với thành phần chiếm đa số' vì thế nó được phân vào nhóm 16.05 . Đề cập đến Phân nhóm, Do trọng lượng thịt Cua và Tôm , theo Qui tắc phân loại 6 (áp dụng các các qui tắc ở cấp nhóm và phân nhóm, trong trường hợp này, việc áp dụng Qui tắc 3), Là chế phẩm từ tôm xuất hiện vị trí cuối cùng vì thế sản phẩm này được phân loại vào Phân nhóm 1605.29.90</p>
6	160430.10	Trứng cá muối dùng cho người để ăn điểm tâm đựng trong gói.	Chú giải 1(c) Chương 3 Chương 3 không bao gồm: Trứng cá muối hoặc các loại thay thế trứng cá muối chế biến từ cá (nhóm 16.04)
7	160520.90	Các loại tôm đông (tôm con) đã luộc chín và bóc vỏ đóng trong túi, trọng lượng 200 gam.	
8	1601.00.10	Hãy phân xếp loại mặt hàng thức ăn hiệu "La Hay" đóng hộp trong có chứa: - Thịt gà nấu ca-ri chiếm tỷ trọng 10% - Xúc xích lợn chiếm tỷ trọng 12% - Khoai tây thái lát chiếm tỷ trọng 30% - Đậu Hà lan luộc để nguyên hạt 48% Sản phẩm này đã được làm chín nếu có thể sử dụng ăn ngay được.	Vì trọng lượng thịt gà nấu ca-ri, xúc xích lợn chiếm 22%, theo Chú giải 2 Chương 16 và Chú giải 1(a) Chương 19, Chế phẩm này không được phân vào nhóm 19.04 nhưng phân vào Chương 16 là hợp lý. Có 2 nhóm có thể phân vào đó là 16.02 ( Sản phẩm từ thịt (thịt gà) hoặc 16.01, xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt. Chú giải 2 của Chương 16 qui định các chế phẩm có chứa hai hoặc hơn sản phẩm nói trên thì xếp vào nhóm tương ứng với thành phần



			chiếm đa số' vì thế nó được phân vào nhóm 16.01. Cụ thể là phân nhóm 1601.00.10
9	160250.90	Chả bò cuốn gồm thịt bò và gia vị có được phân xếp loại vào chương này hay không ?	
10	160290.10	Kheo chân cừu, trong nước sốt bằng rượu vang, muối, gia vị và nước tương ma-gi đóng hộp sẽ được phân xếp loại vào vị trí nào ?	
11	160415.10	Cá thu đóng hộp nhãn hiệu Hạ long. Nếu cá thu loại được hun khói (được làm chín trước khi hoặc trong quá trình hun khói) có được phân vào Chương 16 không, tại sao ?	Cá hun khói không phân loại được vào Chương 16 theo Chú giải 1 của Nhóm 16.04 của Chương 16 mà nên xếp chúng vào Nhóm 030549.00.
12	1602.31.10	"Paella Valencianna" đóng trong hộp thiếc. Thành phần + Thịt gà (gà tây) 34,5% + Rau các loại: 3,0% + Gạo : 62,5%	Nhiều lúc chúng ta nhìn qua nhãn mác thương mại của sản phẩm không thể phân loại được chúng mà chúng ta phải xem kỹ phần mô tả và công dụng của chúng. Các Chương có thể được phân loại là 16 và 19. Thoạt nhìn chúng ta có thể phân sản phẩm này vào Chương 19 " Sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột...." vì gạo chiếm đến 62,5% trọng lượng. Nhưng khi đọc Chú giải 1(a) của Chương 19 " Các loại thực phẩm có chứa trên 20% trọng lượng là xúc xích, thịt, nội tạng dạng thịt ăn được.....thuộc nhóm 19.02" . Đây chúng ta thấy thịt gà chiếm đến 34,5% (lớn hơn 20%). Vậy nó phải thuộc vào Chương 16. Đọc Chú giải 2 của Chương 16. Nhóm thích hợp của sản phẩm này là 1602.31.10
13	160230.00	Thức ăn thuần chất, đựng trong bình bằng thủy tinh ở dạng bột nhào và dùng để làm thức ăn cho trẻ em. Sản phẩm này	Đọc qua phần mô tả của lô hàng này chúng ta thấy nó phải được phân loại trong



có thành phần như sau:  
+ Thịt bò :20 gram  
+ Cà rốt : 15 gram  
+ Khoai tây: 10 gram  
+ Cà chua: 5 gram  
Tổng trọng lượng : 50 gram.

14 1604.32.00 Trứng cá chép, được tẩm mì chính, gia vị màu, đựng trong lọ thủy tinh. Trọng lượng ròng 125 gram.

Phần IV "*Thực phẩm chế biến.....*". Hai Chương có thể có là 16 và 19. Đọc Chú giải 2 của Chương 16 ta thấy trọng lượng của thịt bò là 20 gram (40% trọng lượng lớn hơn 20% như trong Chú giải 2 nêu ra). Vậy nó phải nằm trong Chương 16 và Phân nhóm của sản phẩm này là 160230.00

Đây là sản phẩm của động vật cá vậy thì nó có thể nằm ở trọng 2 Chương 3 và 16. Đọc các Chú giải 1(a), 1(b), 1(c) và 2 của Ch 3. Ta thấy Chú giải 1(c) nói "*Ch 3 không bao gồm trứng cá muối hoặc các loại thay thế trứng cá muối chế biến từ trứng cá (thuộc nhóm 16.04)*". Vậy sản phẩm này chỉ có thể được phân loại trong Ch 16 và phân nhóm 1604.32.00 là thích hợp nhất và chúng ta cũng thấy sản phẩm này đã được tẩm mì chính và gia vị màu nên nó cũng không thể nằm trong Ch 3.

**C. 17 Đường và các loại mứt kẹo có đường.**

1 170111.10 Đường mía thô Cuba dùng để tinh chế.  
2 170410.00 Kẹo Cao su Doublemean Mỹ sản xuất  
3 170490.00 Kẹo chống ho có chứa chiết suất cam thảo với tỷ lệ đường sa-ca-rô.

4 170490.00 Đường sản xuất tại châu Âu dùng để uống cà phê, đóng hộp 400 viên, trọng lượng 200 gr

5 180690.10 Kẹo Sô-cô-la Thụy sĩ có tỷ trọng bơ ca cao 18%, đường 20%, hạnh nhân 28% và các chất phụ trợ khác, loại không có nhân. Chú giải (a) của Chương 17

6 170490.00 Nước tương gλυy-cô dùng để truyền cho bệnh nhân bị mất nước

7 170310.00 Người ta nói rằng mật mía sẽ được phân xếp vào nhóm 17.03, vậy bạn hay lý giải Mật thuộc nhóm 17.03 chỉ thu được duy nhất và là sản





		<p>những cơ sở để đưa ra vị trí xếp loại này căn cứ vào những cơ sở thể hiện trong phần lý luận của Phần hay của Chương, nếu cần, có thể sử dụng cả các chương khác để minh hoạ.</p>	<p>phẩm phụ của từ quá trình tinh chế hoặc chiết xuất đường củ cải và đường mía hoặc từ quá trình sản xuất đường fructose - từ ngô. Mật mía có thể được phân biệt so với các loại mật khác của nhóm này trên cơ sở chất thơm và thành phần hoá học. Tránh nhầm với mật ong tự nhiên phân vào Nhóm 04.09 của Chương 4.</p>
8	1702	<p>Bạn hãy định nghĩa bằng các tài liệu khoa học các loại đường lac-tô-da, sa-ca-rô, man-tô, glucô, fructose.</p>	<p>- Lac-tô-da (cũng được biết đến dưới cái tên "đường sữa") có công thức hoá học là <math>C_{12}H_{22}O_{11}</math> thường hay thấy ở trong sữa và được sản xuất thương mại từ sữa nước. Đường Lac-tô-da thương mại được tinh chế có màu trắng, hơi ngọt, ở dạng bột tinh thể. Đường Lac-tô-da tinh khiết về mặt hoá học nếu ở dạng khan hoặc hydrát thường ở dạng tinh thể không màu, cứng có thể hấp thụ chất thơm.</p> <p>- Saccarô thu được từ nhiều nguồn trừ đường củ cải và đường mía. Nguồn quan trọng nhất là đường cây thích (maple), thu được từ nhựa của các loại cây thích, chủ yếu là từ giống cây <i>Acer saccharum</i> và <i>Acer nigrum</i> ở Canada và vùng Đông - Bắc Mỹ. Nhựa được cô đặc và tinh thể hoá chưa được tinh chế để giữ lại một số thành phần không phải là đường.</p> <p>- Man-tô - Glucô - Fructose</p>
9	170310.00	<p>Mật mía thu được từ quá trình tinh chế đường.</p>	



10	170290.20	Mật ong nhân tạo có thể được phân loại vào Chương 04 được không ?	Tránh nhầm với mật ong tự nhiên thuộc Nhóm 04.09.
11	230320.00	Bã mía và phế liệu từ quá trình sản xuất đường sẽ được phân loại vào Chương nào và cụ thể là Phân nhóm nào ?	Có 3 Chương có thể phân loại là 17,23 và 46. Đọc các chú giải chúng ta sẽ phân loại sản phẩm này vào Phân nhóm 230320.00
<b>C. 18</b>		<b>Ca cao và các sản phẩm chế biến từ ca cao</b>	
1	180100.00	Ca cao hạt rang	
2	180632.10	Kẹo đường có chứa ca cao. Loại không có nhân.	Xem tên Phần và Chương. Nhận thấy "kẹo đường" thuộc Chương 17 nhưng "Chế phẩm có ca cao" thuộc Chương 18. Trở lại Chương 17 và đọc Chú giải Chương: Chú giải 1(a) nói rõ là sản phẩm nói trên thuộc nhóm 1806. Kết luận : 180632.10
3	210500.00	Kem Sô cô la chế biến theo thực đơn của Mỹ.	Chú giải 1 của Chương 18
4	180690.10	Bánh kem nhiều lớp trong đó có một lớp ca cao, tỷ lệ về trọng lượng là 49,5% là ca cao.	Lưu ý: tỷ lệ về trọng lượng ca cao lớn hơn 40% nên phải xếp sản phẩm này vào Chương 18
5	180631.10	Bánh bit-qui trong có nhân gồm sô-cô-la và hạnh nhân, đóng hộp trọng lượng 250 gam.	
6	220870.11	Rượu mùi sô-cô-la, độ cồn 40oC, sản xuất và đóng chai tại Nhà máy rượu Hà nội.	Chú giải 1 của Chương 18
7	180200.00	Người ta hiểu thế nào là "mảnh vụn phế liệu của ca cao" ?	
8	180620.00	Bột ca cao có trộn thêm bột sữa được gói sẵn trọng lượng trên 2 kg.	
9	040310.10	Sữa chua hiệu "Con bò", chứa tỷ lệ 60% ca cao.	Chú giải 1 của Chương 18
10	180400.00	Bơ ca cao	
11		Các sản phẩm sau đây: Kẹo có chứa ca cao, Ete đường, viên ngậm chống ho có bọc đường được phân loại vào chương nào trong số các chương sau đây : 18 / 29 / 17.	Kẹo có chứa ca cao phân loại vào Chương 18, Ete đường vào Chương 29, Viên ngậm chống ho có bọc đường vào Chương 17 theo Chú giải 1(a) và (b) của Chương 17. Về viên ngậm chống ho xem thêm Cuốn Tóm tắt ý kiến phân loại.



C. 19		Các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, sữa, bánh các loại	
1	190219.10	Mì gà ăn liền thập cẩm hiệu " Hạnh phúc" xuất khẩu sang Séc (gói 85 gram, thùng 100 gói), loại không có trứng.	
2	190590.90	Bánh Snack tôm, cua mặn do Thái Lan sản xuất (gói loại 100gram )	
3	190530.10	Bánh qui mặn, ngọt các loại, loại đựng trong hộp sắt tây do Thái Lan sản xuất.	
4	190110.00	Bột dinh dưỡng hiệu Cerelac (400gram/hộp) do Hồng Kông sản xuất (trong đó tỷ trọng ca cao 30%) dùng cho trẻ em.	
5	190211.40	Mì ống spaghetti kiểu "Italy" do các nước ASEAN sản xuất (loại có trứng)	
6	190510.00	Bánh mì giòn	
7	190590.20	Bánh đa nem xuất khẩu	
8	190410.20	Bông ngô có tằm đường	
9	210500.00	Kem trứng làm từ lòng trắng trứng và đường có được phân loại vào Chương này hay không ?	Chúng ta không thể phân sản phẩm này vào Chương 19 được mà phải phân vào Chương 21, Nhóm 21.05
10	1605.58.00	ốc sên dạng chế biến thành từng nhân, nằm trong từng vỏ ốc, toàn bộ để trong một hộp bọc giấy kín để dễ hâm nóng. Thành phần gồm 48% thịt ốc sên và những gia vị và chất độn chiếm tỷ lệ 52%	Có 2 Chương có thể được phân loại vào là Chương 16 và Chương 19. Xem qua phần mô tả chúng ta thấy trong thành phần của sản phẩm nói trên có 48% thịt ốc sên. Tức là lớn hơn 20% trọng lượng như Chú giải 2 của Chương 16 và Chú giải 1(a) của Chương 19 đã đề cập đến, vậy chúng ta chỉ có thể phân loại sản phẩm này vào Chương 16. Theo mô tả thì sản phẩm này và đọc Chú giải của Nhóm 16.05 thì nó phải được phân vào Phân nhóm 1605.58.00 là hợp lý nhất.
11	160232.00	Cơm gà nấu ca-ri ăn liền đông lạnh làm từ gạo đã nấu chín có kèm theo các thức ăn như thịt gà, đóng trong túi ny long kín 250Gr. Trong đó tỷ trọng thịt gà chiếm 30,4% do Singapore sản xuất.	Xem qua chúng ta thấy có thể phân sản phẩm này vào 2 Chương (16 và 19). Nhưng tỷ trọng thịt gà trong món này chiếm 30,4 nên chỉ có thể phân vào Chương 16 theo Chú giải 2 của Chương 16 và



			Chú giải 1(a) của Chương 19.
<b>C. 20</b>		<b>Các sản phẩm chế biến từ rau quả hạt và các phần khác của cây</b>	
1	200290.10	Nước cà chua ép có tỷ trọng theo chiết suất khô dưới 7%, sản xuất ở Mỹ, đóng hộp 200ml	Chú giải 4 của Chương 20
2	200970.10	Nước táo ép đóng chai 1000ml, hiệu Con chim có thể tiêu dùng được ngay. Có nồng độ rượu 0,2% (Chưa lên men hoặc pha thêm đường)	
3	200911.10	Nước cam ép ướp đông hiệu FANTA, có thể dùng ngay.	
4	200820.10	Dứa hộp xuất khẩu	
5	070990.00	Bắp ngô non tươi xuất khẩu (dùng làm rau)	
6	210410.00	Chế phẩm rau quả, được làm giàu Vi-ta-min, đóng trong hộp 4 định suất, dùng để nấu cháo hoặc nấu xúp cho trẻ em từ 06 tháng tuổi đến 12 tháng tuổi. Khi nấu xong phải thêm nước và sữa vào.	Chú giải 1(c) của Chương 20
7	200490.90	Hãy xếp loại củ từ đã được luộc bằng nước và ướp lạnh, đóng bao 400 gr	
8	200811.90 hoặc 200899.00	Bơ chiết suất từ "quả lạc" ( <b>peanut butter</b> ), loại bơ này có thành phần chính là một chất bột nhão được làm ra bằng cách xay xát và nghiền lọc nhân đã được rang, có hoặc không có muối hoặc các loại dầu thêm vào, đóng trong hộp kín 150 gr, xuất khẩu sang Tây Âu	Chú giải (b) của Nhóm 20.08
9	090240.00	Chè đen đã được ướp hương sen	Chú giải 1(c) của Chương 21
10	190590.90	Bánh nhân hoa quả (hoa quả được chế biến với bột nhão)	Chú giải <b>loại trừ</b> (b) của Chương 20 " <i>Chương này không bao gồm các sản phẩm như "bánh nhân hoa quả, được chế biến với bột nhão (thuộc nhóm 19.05)"</i>
11	200410.10	Lát khoai tây được nấu chín trong dầu và sau đó được ướp đông và đóng trong gói kín dùng để làm thức ăn, nhãn hiệu " <b>Knodel</b> " và " <b>Klosse</b> " do Đức sản xuất.	
12	200600.10	Tâm sen bọc đường, đóng trong bao nilông xuất khẩu sang thị trường E.U.	
<b>C. 21</b>		<b>Các sản phẩm chế biến ăn được khác</b>	
1	210111.10	Cà phê cô đặc hiệu "Nestle" do Thụy Điển sản xuất đựng trong hộp sắt tây (Loại cà phê này được làm từ cà phê thật	



		đã loại trừ cafiên ), ở dạng bột và thường được gọi là cà phê uống liền.	
2	210390.10	Bột ngọt hiệu MIWON được đóng thành gói loại 454 gram , thùng 40 gói, để bán lẻ, do inđônêxia sản xuất	
3	210310.00	Magi dùng để ăn chay	
4	210500.00	Kem sôcôla	
5	210390.30	Nước mắm	
6	210690.99	Kẹo Chewing Nicôtin, dạng thanh bao gồm 2 hoặc 4 mg nicôtin kết với nhựa trao đổi iông, pôlyme tổng hợp, các bonát nát ri, sorbitol và hương liệu, nói chung có vị khói thuốc lá, cho người muốn bỏ thuốc lá sử dụng	
7	210690.00	Hộp Trà sâm uống liền nhập khẩu từ Hàn Quốc	
8	210390.90	Nước sốt làm từ trai hên với thành phần như sau: - Trai đã luộc chín và xắt nhỏ: 30%; - Tinh bột : 40%; - Sốt đậu Hà lan: 8% - Đường: 1,9% - Gia vị cay: 0,1%	- -
9		<b>Hãy xếp loại sản phẩm sau: Chế phẩm tổng hợp thực phẩm đông nhất, được đóng thành gói để bán lẻ có trọng lượng 240 gam dùng làm thức cho trẻ em có thành phần như sau:</b> - Thịt: 30%; - Rau: 45% ; - Hoa quả: 5% - Cá: 20% <b>Nếu trọng lượng của một đơn vị của mặt hàng trên là 280Gr thì ta sẽ phân xếp loại ra sao ? Hãy giải thích lý do ?</b>	<b>Chú giải 3 của Chương 21, nếu Sản phẩm này có trọng lượng là 280 Gr thì không thể xếp loại vào Chương 21 được vì theo Chú giải 3 qui định là trọng lượng không được quá 250 Gram khi đó chỉ có thể vào Chương 16 vì - trọng lượng của thịt và cá chiếm đến 50% (lớn hơn 20% theo Chú giải 2 của Chương 16 và Chú giải của Chương 19).</b>
10	210690.99	Viên ăn kiêng làm từ các loại cây thảo mộc	
11	210210.10	Men bia	
<b>C. 22</b>		<b>Đồ uống, rượu mạnh và giấm</b>	
1	220830.00	Rượu REMY MA RIN, loại thùng 12 chai; 0,7 lít/chai do Pháp sản xuất	
2	220890.10	Rượu Vốt ka nhập khẩu từ Nga, chai loại 0,75 lít	
3	220890.00	Nước khoáng tự nhiên, không pha thêm bất cứ chất gì, loại đựng trong chai nhựa	



4	220290.00	PET ,loại chai 500- 600 ml, thùng 12 chai. Nước giải khát ENERGY REDBUL (hiệu " <b>Bò húc</b> ") do Thái lan sản xuất, thùng 24 lon*250ml.	
5	220210.20	Nước ngọt COKE, FANTA, SPRITE	
6		Bia lon TIGER (1 thùng 24*330ml) ướp lạnh	
7	220300.90	Bia DAB Đức. loại bình 5 lít, 2 bình/1 thùng	
8	220410.10	Rượu sâm banh hiệu MA RTINI BIANCO 1 lít 1 chai, Pháp sản xuất 12 độ, có ga nhẹ	
9	220290.90	Nước uống nhân sâm (ginseng drink) (loại nước uống bổ cho sức khỏe) Thành phần: . Chiết xuất từ cây nhân sâm: 1% . Chiết xuất thuốc: 8% . Mật ong 2% . Đường fructoza 8% . Cồn 0,4% . Nước 80,6%	Như chúng ta biết thuật ngữ" Đồ uống không có cồn" nghĩa là đồ uống có lượng cồn không quá 0,5% (Chú giải 3 Chương 22). Vì thế, sản phẩm này phải được phân loại và nhóm 2202.90 như là đồ uống không có cồn.
10	220830.10	Rượu JOHNIE WALKER RED LABEL loại thùng 24 chai; chai 0,7 lít (một loại rượu Whisky)	
11	220290.00	Đồ uống Snow Lotus ( Sen tuyết) bao gồm nước tinh lọc, mật ong, đường glucôza, chè, hoa sen tuyết, cây lô hội và vi khuẩn cấy đóng trong chai loại 1 lít dùng để giải khát do Hàn Quốc sản xuất.	Nhóm 22.02
<b>C. 23</b>			
<b>Phế thải, phế liệu từ công nghiệp lương thực, thực phẩm; Cây cỏ khô chế biến cho gia súc</b>			
1	a. 23.04 đến 23.06	a. Khô dầu có được xếp loại vào Chương này hay không ?.	Bánh khô dầu có thể được phân loại vào Chương này được trong các Nhóm từ 23.04 đến 23.06. Bánh khô dầu như đã mô tả ở phần đề bài phải được phân loại vào phân nhóm 230630.00
	b. 230630.00	b. Nếu là khô dầu ở dạng viên thu được từ quá trình chiết xuất dầu hương dương thì phân loại vào phân nhóm nào ?	Vì đây là hỗn hợp đầu cá và râu mực đều là động vật nên chỉ có thể phân loại vào
2	230120.90	Hỗn hợp đầu cá và râu mực được xay thành bột, đóng bao 30Kg dùng để chăn nuôi.	



3	230910.00	Hộp thức ăn với thành phần cơ bản là cá, có trọng lượng 100 gr/hộp dùng cho nuôi mè	nhóm 23.01 và cụ thể là Phân nhóm 230120.90 Đây là một loại chế phẩm không phải chỉ có cá (mặc dù thành phần cơ bản vẫn là cá. Ngoài ra còn có các thành phần khác nên chúng ta không thể xếp vào nhóm 23.0. Đề bài cũng cho biết sản phẩm này dùng để nuôi mè nên chúng ta phải đưa vào nhóm 23.08 " Chế phẩm làm thức ăn cho động vật nuôi", cụ thể là phân nhóm 230910.00
4	230320.00	Bã ép củ cải đường thu được từ quá trình tinh chế đường.	
5	230700.00	Chúng ta có thể phân loại "Bã rượu vang" Chương 22 được không ?, nếu không thì xếp vào đâu ?	
6	230990.90	Thức ăn để nuôi chim và cá cảnh các loại.	Vì chim cảnh là một động vật nuôi nên chỉ có thể phân loại sản phẩm này vào Nhóm 23.09
7	152200.90	Cặn dầu từ quá trình xử lý dầu cọ có thể phân vào các Nhóm từ 23.04 đến 23.06 được không ? Nếu không thì phân loại vào đâu ?	Chú giải loại trừ của Nhóm 23.06 " Nhóm này loại trừ cặn dầu ( thuộc nhóm 15.22).
8	230110.00	Tóp mỡ	
9	220900.10	Giảm được phân loại vào đâu ?	
<b>C. 24</b>		<b>Thuốc lá và các nguyên liệu thay thế thuốc lá đã chế biến.</b>	
1	240130.00	Phế liệu thuốc lá cọng	
2	240110.00	Lá thuốc lá chưa tước cọng, chưa qua chế biến, loại DB9 Zimbabwe sản xuất.	
3	240210.00	Xì gà LAHABANA xén 2 đầu	
4	240220.00	Thuốc lá điều hiệu 555 và JET	
5	240399.00	Bột thuốc lá	
6	240399.00	Thuốc lá nhai	
7	240210.00	Xì gà sản xuất ở một nước Châu Phi có tẩm thuốc phiện	
8	240310.90	Lá thuốc lá được lên men trước khi đưa sấy để đóng thùng xuất khẩu sẽ được xếp loại vào vị trí nào ? hãy phân tích và nêu rõ cơ sở đi đến phân xếp loại như thế.	Lá thuốc lá ở đây đã được "lên men và sấy" tức là đã qua chế biến nên không thể phân loại vào Nhóm 24.01 "thuốc lá lá chưa qua chế biến" mà phải đưa vào



9	300490.99	Thuốc lá dùng trong y học được đóng gói dùng để bán lẻ phục vụ cho mục đích hạn chế thói quen hút thuốc lá có được phân loại vào trong Chương 24 không ?	Nhóm 23.03, cụ thể là Phân nhóm 240310.90. Chú giải 1 của Chương 24. Tuy nhiên, thuốc lá bao gồm một số sản phẩm tạo thành đặc biệt để hạn chế thói quen hút thuốc lá những không có tính chất y học vẫn được phân loại trong Chương 24.
10	121190.90	Cây Canabít được sấy khô ( một loại ma túy) có được phân loại vào Chương này không ?	Chú giải (5) của Nhóm 23.03 loại trừ "Cây Canabít" ra khỏi Chương 24 mà xếp nó vào Chương 12
11	293970.00	Có thể phân loại Nicôtin vào Chương 24 không ?	Chú giải loại trừ của Nhóm 24.03 " <b>Nicôtin (Ancaloit được chiết xuất từ thuốc lá) thuộc Nhóm 29.39" bị loại trừ ra khỏi nhóm 24.03.</b> Mà phải xếp vào Phân nhóm 293970.00 " <b>Nicôtin và muối của chúng</b> "





<b>P. V</b>		<b>Khoáng sản</b>	
<b>C. 25</b>		<b>Muối, lưu huỳnh, đất và đá, thạch cao, vôi và xi măng.</b>	
1	252321.00	Xi măng Trắng P500 (PC 40 ) Trung quốc hiệu "TWO RED BULLS"	
2	252329.10	Xi măng đen P500 Thái Lan Kim Cương	
3	252329.90	Xi măng chịu lửa	
4	252310.00	Clanker sản xuất xi măng	
5	252210.00	Vôi sống	
6	253030.90	Đất màu	
7	250700.10	Cao lanh (KAOLIN) đặc chế	
8	250830.00	Đất sét chịu lửa	
9	251612.00	Đá granit dạng khối xuất khẩu	
10	252400.90	Amiăng ở dạng tấm dùng làm bệ thắng (phanh)	
11	950420.90	Phần vẽ dùng khi chơi Bi-a đóng trong hộp nhỏ để bán lẻ.	Chú giải 2(h) của Chương 25
12	960620.00	Phần vẽ của thợ may	Chú giải 2(ij) của Chương 25
13	253040.00	Quặng ô xít sắt có chứa mica tự nhiên	Chú giải 4 của Chương 25
14		Trong số các sản phẩm sau đây sản phẩm nào được phân loại vào Chương 25: cát tự nhiên, được phẩm các loại, đất màu có chứa 80% trọng lượng Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> , đá quý, hồ phách, đá ốp, phần vẽ của thợ may, đá lát đường, đồ gốm vỡ và thạch anh.	Theo Chú giải 2 và 4 của Chương 25 thì các sản phẩm sau đây được phân loại vào Chương 25: Cát tự nhiên, hồ phách, đồ gốm vỡ và thạch anh.
<b>C. 26</b>		<b>Quặng xỉ và tro.</b>	
1	68	Sợi silicat được phân loại vào Chương nào ?, nêu lý do.	Theo Chú giải 1(d) của Chương 26, không thể phân loại sản phẩm này vào Chương 26, mà phải xếp vào Chương 68.
2	261210.00	Loại quặng gì là cơ bản phục vụ cho lò phản ứng hạt nhân ? Vị trí phân xếp loại ?	Quặng uran
3	261690.10	Vảy vàng đãi từ mỏ khai thác ở Cao bằng, còn lẫn tạp chất gồm một số loại quặng kim loại khác ?	
4	260111.00 hoặc 260112.00	Vì sao quặng pi-rit sắt đã nung lại được xếp vào nhóm 26.01.20 ? Phân tích lý do ? Nếu chưa nung thì phân xếp vào đâu ?	
5	260200.00	Hỗn hợp quặng gồm quặng mô-lip-đen chiếm tỷ lệ 32%, quặng măng-gan 28%, quặng sắt 20% và các loại tạp chất quặng 20%	
6	261800.00 hoặc	Xi của công nghiệp luyện kim dùng như nguyên liệu phụ trợ để làm nguyên liệu	



TAILIEUXNK.COM

	261900.00	trái đường nhằm làm tăng độ ổn định cho mặt nền
7	250100.10	Muối ăn
8	250510.00	Cát tự nhiên điôxít silic
9	250610.00	Thạch anh
10	252010.00	Thạch cao dùng trong y tế, mỹ thuật
11	251110.00	Sun fát bari tự nhiên
<b>C. 27</b>		<b>Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm phân tách từ chúng; các loại nhựa đường, các loại sáp khoáng chất.</b>
1	270900.10	Dầu thô Bạch Thổ và Đại Hùng
2	271032.10	Dầu Mazút (FO)
3	270710.90	Benzen để dùng trong phòng thí nghiệm
4	270300.00	Than bùn đóng bánh
5	270810.00	Hắc ín (nhựa đường)
6	271011.10	MOGAS 92 và 83, xuất xứ Singapore
7	270740.00	Naphtha, Cô oét
8	271021.10	Dầu hỏa
9	271039.90	Dầu gốc SN 700, SN 150
10	271011.20	Xăng máy bay (nhiên liệu bay) JET A1
11	271111.00	Khí đốt từ dầu mỏ, hóa lỏng, tự nhiên, khai thác từ mỏ Đại Hùng
12	271600.00	Điện xuất khẩu sang Lào
13	271121.00	Métan tự nhiên (ở dạng khí)
14	271031.10	Dầu DIESEL (dầu D.O)
15	330499.00	Chế phẩm bôi ngoài da dùng cho người hiệu "SKY", đóng trong hộp nhựa màu mận chín, trọng lượng 80 gr, sản xuất tại úc

Đọc tên Phần và Chương.  
Nhận thấy rằng "Hóa chất hữu cơ" thuộc về Chương 29.  
Đọc các Chú giải của Phần VI (không có đề cập đến việc thêm vào hay loại ra sản phẩm nói trên). Đọc các Chú giải Chương 29 : Chú giải 2(c) nói rõ là "Métan" thuộc Nhóm 2711.

Lưu ý: có thể tìm thấy thông tin như trên trong Chú giải 1(a) của Chương 27.

Chú giải 1(c) của Chương 27



P. VI		Sản phẩm của ngành công nghiệp hoá chất hoặc các ngành liên quan	
C. 28		Các hóa chất vô cơ, các hợp chất vô cơ hoặc hữu cơ của các kim loại quý, kim loại nửa quý, đất hiếm của các nguyên tố phóng xạ hoặc của các chất đồng vị.	
1	281700.10	ô xít kẽm	
2	282420.00	Chì đỏ	
3	281000.20	A-xít bô-ric tự nhiên có thể phân xếp vào phân nhóm nào?	Phân loại a xít này vào Phân chương II, cụ thể là Phân nhóm 281000.20
4		Hãy cho ví dụ về những loại cac-bon không thể xếp loại vào Chương 28 ? Giải thích	Các loại cac bon không thể xếp vào Chương 28 là <b>ô xít clo rít các bon (38.24)</b> tan trong benzen. Các chất và hợp chất không được phân loại trong Chương 28 khi chúng ta trong dung môi trừ nước, trừ khi các biện pháp thông thường và cần thiết để đóng gói các sản phẩm này vì lý do an toàn hoặc thuận lợi cho việc vận chuyển (trong trường hợp dung môi không làm cháy các sản phẩm đặc biệt thích hợp cho một vài mục đích sử dụng trừ các mục đích thông thường).
5		Các nguyên tố hoá học riêng biệt có thêm chất ổn định tạo thuận lợi cho việc vận chuyển có được phân loại vào Chương 28 không ?	Các nguyên tố nói trên có thể được phân loại vào Chương 28 theo Chú giải 1(d) của Chương 28.
6	284329.00	Ô-xít bạc được xếp vào Chương nào ? hãy lý giải ?	
7	283719.00	Hãy xếp loại xia-na-mit can-xi (calcium cyanide)?	
8	284329.00	Hỗn hợp hợp kim bạc (gồm bạc và thủy ngân)	
9	280540.00	Thủy ngân.	
10	283421.00	Ni-trat kiềm (potassium nitrate) .	
11	28.44	Khối nhiên liệu đã bức xạ của lò phản ứng hạt nhân được phân loại vào nhóm nào của Chương 28 ?	Theo Chú giải 6(e) " <i>Nhóm 28.44 chỉ áp dụng cho Khối nhiên liệu đã bức xạ của lò phản ứng hạt nhân</i> ".
12	38.18	Silíc đã được kích tạt đã được cắt thành hình đĩa dùng trong ngành điện tử được	Sản phẩm này phải được phân loại vào nhóm 38.18



phân loại vào nhóm nào ?, tại sao ?

theo Chú giải 8 của Chương 28 vì sản phẩm này đã được cắt thành hình nên không thể xếp vào Chương 28 được. Chỉ những sản phẩm loại này chưa được gia công như kéo hoặc ở dạng hình trụ, thanh thỏi,... mới được xếp trong Chương 28.

**C. 29****Hóa chất hữu cơ**

- 1 291421.00 Long nã
- 2 321290.19 Chất nhuộm a-li-da-rin là một hợp chất hữu cơ, sử dụng như chất tạo màu ?
- 3 22 Rượu êtylen có thể phân loại vào Chương này được không, nếu không thì phân loại vào Chương nào ?, tại sao ?
- 4 a. Dạng rắn 3404 Chất pa-ra-fin clo có tính chất của sáp nhân tạo, ở thể rắn ? nếu ở thể lỏng thì phân vào đâu ? (cấp nhóm)
- b. Dạng lỏng 3824
- 5 293627.00 Vitamin C
- 6 29 Kháng sinh penixilin (penicillin) được phân loại vào Chương 29 hay Chương 30 ?
- 7 292141.00 A-xê-tat của a-ni-lin ( aniline acetate)
- 8 35 Enzim có thể được phân loại vào Chương 29 có được không ?, nếu không

Chú giải 1(e) Chương 13 Mặc dù đây là một hợp chất hữu cơ nhưng chúng ta không thể phân loại chất này vào Chương 29 được theo Chú giải 2(f) của Chương 29. Vì đây là chất tạo màu nên chỉ có thể phân loại vào Nhóm 32.12, có thể là Phân nhóm 321290.19

Không được theo Chú giải loại trừ 2(b) của Chương 29. Theo Chú giải này rượu êtylen phải được phân loại vào Chương 22

Chúng ta thấy chất này có thể được phân loại vào nhóm 39.03. Những đọc qua tất cả các Chú giải của Nhóm này thì thấy Chú giải (a) của Nhóm 29.03 nói "*Nhóm này loại trừ Pa-ra-fin clo, nếu chúng là hỗn hợp của các chất chất dẫn xuất đã được clo hoá; pa-ra-fin clo ở thể rắn thì được phân loại vào nhóm 34.04 ( sáp nhân tạo và sáp chế biến), còn ở thể lỏng thì được xếp vào nhóm 38.24 .*"

Theo Chú giải 2(g) của Chương 29 thì không thể



		thì phân loại vào nhóm nào của chương nào (28 / 29/ 30/ 35) ?	phân loại sản phẩm này vào trong Chương 29 mà phải xếp vào Chương 35, cụ thể là nhóm 35.07.
9	291570.20	A-xit stê-a-ric ( stearic acid) có độ thuần khiết 92%	
10	29.21	Các hợp chất có chức ni tơ được phân loại vào nhóm nào ( nhóm 29.15 / 29.16 / 29.17 / 29.18 / 29.21).	29.21
11		Hãy chỉ ra các chất sau đây đâu là chất dẫn xuất đã halogen hoá của hydrocacbon thuộc nhóm 29.03: Bezen, toluen, clorua etyl, tricloeroetylen, a xít acrylic và vinyl axetat.	Clorua etyl và tricloeroetylen
<b>C. 30</b>		<b>Dược phẩm</b>	
1	300640.00	Xi măng dùng để hàn răng (dùng trong nha khoa)	300640.00
2	25.02	Thạch cao đã được nghiền mịn dùng trong nha khoa (phân loại ở cấp nhóm).	Theo Chú giải 1(b) của Chương 30 không thể phân loại sản phẩm này vào trong Chương 30, mà phải là Chương 25, cụ thể là nhóm 25.02.
3	300650.00	Phân xếp loại Túi thuốc cấp cứu	300650.00
4	a. 350290.19	An-bu-min từ máu chưa được chế biến để phòng bệnh hay chữa bệnh sẽ được phân xếp vào đâu ? Nếu chế biến để phòng bệnh hay chữa bệnh thì sẽ phân xếp vào đâu ?	Nếu chưa được chế biến để phòng bệnh hay chữa bệnh thì xếp vào vào Chương 35, Phân nhóm 350290.19. Nếu chế biến để phục vụ cho mục đích y tế thì xếp vào Phân nhóm 300210.90
	b. 300210.90		
5	300490.91 hoặc 300490.99	Dầu bạc hà hiệu Con ó, sản xuất tại Singapore, lọ dung tích 5 ml	
6	300610.00	Chỉ khâu phẫu thuật làm từ ruột động vật, có tính năng tự tiêu ?	Chú giải 4(d) của Chương 30
7	300630.00	Dung dịch hấp quang dùng để chụp, chiếu điện kiểm tra dạ dày của bệnh nhân, có pha đường với tỷ lệ 15%	Chú giải 4(d) của Chương 30
8	39	Plastic dùng để làm chân tay giả ã được phân loại vào chương nào trong các chương sau đây: chương 30 / 39 / 90.	Nếu là chân tay giả làm bất cứ vật liệu gì đều được phân loại vào phân nhóm 9021.30. Còn plastics dùng để làm chân tay giả chỉ có thể phân loại vào Chương 39 vì plastics ở đây chỉ là nguyên liệu để làm chân tay giả. Tuy



9	220290.00	Hộp nước sâm với tỷ lệ nhân sâm là 25%, đường là 10%, còn lại là những chất khác.	theo loại plastics nào để phân loại vào các phân nhóm cụ thể.
10	220290.00	Thuốc Phi-la-tốp uống, mỗi ống 20ml, do Xí nghiệp Dược phẩm I sản xuất.	Chú giải 1(a) của Chương 30. Vì đây là một loại nước uống bổ dưỡng.
<b>C. 31</b>			
<b>Phân bón</b>			
1	310210.00	Phân Urê Indônêxia, đóng trong bao loại 50 kg	Chú giải 2 Chương 31
2	310520.00	Phân N.P.K Hàn Quốc (phân có chứa 3 thành phần Nitơ, Phốt pho và Kali)	
3	310420.00	Phân kali đỏ Nga (clorua kali)	
4	310540.00	Phân DAP Mỹ (Ammonium - Dihydrogenortho- Phosphate)	
5	310590.00	Phân bón lá sinh học nông nghiệp Bayolan	
6	310221.00	Phân Ammonium Sufphate dạng rời	
7	310310.00	Phân supe lân Văn điển	
8	310100.90	Phân bón từ cá tự nhiên	
9	310250.00	Ni trát nát ri	Xem tên Phân và Chương. Thấy " <i>Hóa chất vô cơ</i> " nằm vào Chương 28 nhưng " <i>Phân bón</i> " lại thuộc vào Chương 31. Đọc các Chú giải của Phần VI (không đề cập đến sản phẩm nói trên). Thử xem Chương 28 và đọc Chú giải Chương. Chú giải 3(c) nói rằng sản phẩm đề cập đến trong các Chú giải 2 đến 5 của Chương 31. Kiểm tra các Chú giải 2 đến 5 của Chương 31" Chú giải 2(A(i)) nói rõ là " <i>Ni trát nát ri</i> " phải được phân vào Nhóm 3202
10	310100.10	Hỗn hợp đất để trồng cây trong chậu gồm đất mùn và nguyên tố làm phân bón (tỷ lệ 26%).	
<b>C. 32</b>			
<b>Các chất chiết xuất làm chất thuộc da, thuốc nhuộm; ta nanh và các dẫn xuất của ta nanh, thuốc nhuộm, thuốc màu và các chất màu khác, sơn, vecni, chất gắn và các loại ma tít; các loại mực.</b>			
1	32.07	Thủy tinh thu được từ thạch anh nung	Theo Chú giải 1(a) của



2	32.12	chảy được phân loại vào nhóm nào ? Thuốc nhuộm được đóng gói để bán lẻ được phân loại vào nhóm nào trong số các nhóm sau đây: 32.01, 32.07, 38.08, 32.12 và 32.13.	Chương 32. Theo Chú giải 1(a) của Chương 32.
3	321590.20	Mực tàu	
4	321511.00	Mực in (màu đen)	
5	320820.13	Sơn chịu nhiệt, làm từ polyme vinyl hoà tan trong các dung môi không có nước.	
6		Phân tích sự khác biệt giữa sơn thuộc nhóm 32.08 và sơn thuộc nhóm 32.09 ?	Sự khác biệt giữa sơn màu thuộc nhóm 32.08 và 32.09 đó là sơn thuộc nhóm 32.08 đã phân tán hay hoà tan trong các dung môi không chứa nước, ngược lại sơn thuộc nhóm 32.09 đã phân tán hay hoà tan trong các dung môi có chứa nước.
7	961210.10	Băng mực in của máy chữ xách tay ?	
8	321410.90	Hãy phân xếp loại " Chất liệu nhựa tự nhiên được sử dụng ở một số nước như ma-tit lấp kính"	
9	321490.00	Chế phẩm dùng để phủ tường như ma-tit	
10	38.24	Nước tẩy dùng cho đánh máy ( dùng để tẩy vết mực) được đóng trong lọ nhỏ để bán lẻ, sử dụng để chữa lỗi đánh máy ( cấp nhóm)..	Chú giải 3(e) của Chương 28 và Chú giải 2(c) của Chương 38
<b>C. 33</b>		<b>Các loại tinh dầu, các chất tựa nhựa, nước hoa, mỹ phẩm hoặc các chế phẩm dùng cho vệ sinh.</b>	
1	330129.90	Tinh dầu nguyệt quế Ấn Độ	
2	330741.20	Hương thơm cây các loại	Chú giải 4 của Chương 33
3		Các loại tinh dầu sau đây đều là tinh dầu của các loại quả họ chanh: tinh dầu cam, bưởi, quế, hoa nhài, trà và hạnh.	Tinh dầu của quả cây họ chanh là : tinh dầu cam, bưởi, hạnh.
4	330124.90	Tinh dầu Gừng	
5	34	Có thể phân loại xà phòng bột vào Chương 33 không ?	Theo Chú giải 1(b) không thể phân loại xà phòng bột vào Chương 33 được mà phải đưa vào Chương 34.
6	330124.00	Tinh dầu bạc hà Trung Quốc	
7	330300.10	Lọ nước hoa Roger Gaslos Pháp	
8	330510.00	Dầu gội đầu hiệu Palmolive	
9	330520.00	Brillantine dùng để thoa tóc	
10	330610.00	Kem đánh răng Colgate nhập khẩu từ Mỹ	
11	330690.10	Nước súc miệng	



TAILIEUXNK.COM

12	330720.00	Phấn rôm hiệu Johnson's Baby	
13	330710.00	Kem cạo râu, cạo mặt	
14	330499.00	Kem dưỡng da, xà bông sạch da, kem chống nắng	
15	330119.00	Dầu bưởi có pha chất giữ mùi	
16	330119.00	Dầu chuối	
17	330730.00	Dầu tắm, nước thơm dùng để tắm cho trẻ em hiệu OLAY	
18	330290.90	Hương liệu thơm JA SMIN SUPEREME dùng để sản xuất mỹ phẩm	
<b>C. 34</b>		<b>Xà phòng, các chất hữu cơ để tẩy rửa bề mặt, các sản phẩm dùng để giặt rửa, bôi trơn; các loại sáp nhân tạo, các chế phẩm dùng để đánh bóng, gột tẩy; nến và các sản phẩm tương tự, chất bột dùng làm hình mẫu, sáp cho nha khoa và các chế phẩm dùng cho nha khoa có thành phần chính là thạch cao vô i hóa</b>	
1	340111.10	Xà phòng thơm ở dạng bánh dùng cho vệ sinh.	
2	340319.91	Dầu nhờn POWER TROKE 2T (hộp 0,7 lít*24 hộp/ thùng do Hãng <b>BP</b> sản xuất, dùng để bôi trơn xe máy các loại.	
3	15.21	Có thể phân loại sáp thực vật đã được pha màu vào nhóm 34.04 được không ?	Không thể phân loại sản phẩm này vào nhóm 34.04 được theo Chú giải 5 của Chương 34, mà phải phân loại sản phẩm này vào nhóm 15.21 của Chương 15.
4	340120.00	Xà phòng chứa chất diệt nấm, đóng bánh, trọng lượng 100 gam.	Thuốc diệt nấm được phân loại vào Nhóm 380820.00.
5	330790.90	Dầu tắm và chải lông cho chó	Chú giải 1(c) của Chương 34
6	340319.10	Chế phẩm chống rỉ trong đó 80% là dầu hoả và 20% la-nô-lin (lanoline)	
7	340600.10	Nến tẩy mùi bằng sáp parafin dùng cho phòng ăn, đóng thành viên hình trụ cao 10 cm, sản xuất tại Pháp	
8	380890.90	Hương muối do Viện Y học nhiệt đới sản xuất	Sản phẩm này dùng để diệt muỗi nên không thể phân loại vào Chương 34 được mà phải phân loại vào Chương 38, cụ thể là Phân nhóm 380890.90. Tránh nhầm với hương thấp bình thường được phân loại vào phân nhóm 1301.90 của Chương





9		Phân tích những chỉ tiêu gì cho phép ta xác định chất tẩy rửa bề mặt được xếp loại vào Chương này hay vào chương nào khác thích hợp	13 Theo Chú giải 3 của Chương 34: theo mục đích của nhóm 34.02 " các chất tác nhân hữu cơ tẩy rửa bề mặt" là các sản phẩm khi hoà tan trong nước với nồng độ 0,5% ở nhiệt độ 20oC, ngâm trong một giờ ở nhiệt độ như trên: (a). Cho một chất lỏng trong suốt hay trắng mờ hoặc thể sữa mà không làm phân tách các chất không hoà tan. (b) Giảm độ căng bề mặt nước xuống $4,5 \times 10^{-2}$ N/m (45 dyne/cm) hoặc thấp hơn.
10	340510.10	Xi đánh giày	
C. 35		<b>Các chất chứa anbumin, bột xúc tác, keo hồ, enzym</b>	
1	350510.21	Keo tinh bột đã ê-te hoá	
2	350190.10	Keo casein dùng trong công nghiệp	
3	3006.50.00	Túi cấp cứu khẩn cấp trong có Máu khô do tổ chức Chữ thập đỏ quốc tế viện trợ cho các vùng bị thiên tai, có thể sử dụng ngay tại thực địa bằng pha chế đơn giản, và Huyết thanh khô.	Theo Chú giải 1(a) của Chương 35 thì chúng ta không thể phân loại sản phẩm này vào Chương 35 mà phải phân loại vào Chương 30, cụ thể là phân nhóm 3006.50.00.
4	490900.00	Thiệp chúc mừng năm mới làm bằng tấm giê-la-tin (gelatin) màu trắng đục có được phân loại vào Chương 35 không , nếu không thì phân loại vào đâu ?	Không thể phân loại vào Chương 35 theo Chú giải 1(a) của Chương 35 vì tấm giê-la-tin là sản phẩm thuộc ngành in ấn. Vậy phải phân loại sản phẩm này vào Chương 49, cụ thể là phân nhóm
5	32	Men có thể được phân loại vào Chương 35 không, nếu không thì vào chương nào ?	Không thể phân loại vào Chương 35 theo Chú giải 1(a), mà phải phân loại vào Chương 32.
6	350219.90	Anbumin trứng gà chưa được sấy khô dùng cho người.	
7	32	Chê phẩm từ enzym dùng trước khi thuộc da được phân loại vào Chương này được không ?	Không được theo Chú giải 1(c) của Chương 35.
8	350510.10	Hãy phân loại Dextrin <b>Chất nổ, các sản phẩm pháo, diêm,</b>	

Comment [t1]:

**C.36** các chất hỗn hợp pyrophoric và một số chế phẩm dễ cháy khác

1	360100.00	Bột phóng (propellent powder) của tàu vũ trụ	
2	360300.90	Kíp nổ điện	
3	360690.90	Chất hêc-da-mê-ti-len tê-tra-min (hexamethylenetetramin) ở dạng thanh dẹt dùng làm nhiên liệu đốt cháy ?	Chú giải 2(a) Chương 36. Nếu chất này không ở dạng thoả mãn Chú giải 2(a) thì được phân loại vào Chương 29, cụ thể là nhóm 2933.69. Trong Chú giải 2(h) của Chương 29 cũng loại trừ sản phẩm này ra khỏi Chương 29.
4	360610.00	Nhiên liệu cháy ở thể lỏng đựng trong bình chứa cỡ nhỏ, dung tích 250 cm <sup>3</sup>	Chú giải 2(b) Chương 36
5	93	Đạn đã tháo hạt nổ dùng cho súng AK, để trong hộp bằng kim loại	Theo Chú giải loại trừ của Chương 36, loại trừ đạn ra khỏi Chương 36 mà phải phân loại vào Chương 93.
6	360410.00	Pháo hoa nhiều màu dùng cho lễ hội công cộng	
7		Người ta quan niệm lưu huỳnh là chất liệu cơ bản cho mọi loại thuốc nổ, thuốc phóng, hay xem xét và cho ý kiến về quan niệm trên ?	Cho dù là lưu huỳnh được quan niệm là chất liệu cơ bản của mọi loại thuốc nổ, thuốc phóng thì cũng không được phân loại vào Chương 36 theo Chú giải loại trừ 1 của Chương 36 "Chương này không bao gồm các hợp hợp chất đã được xác định về mặt hoá học riêng biệt trừ những loại đã được mở tả trong Chú giải 2(a) và 2(b) sau đây." và Chú giải 2(a), (b) và (c) cho thấy lưu huỳnh là một chất đã được xác định về mặt hoá học. Nó có thể được phân loại vào Chương 25, 28, 29 và 30.
8	360490.90 hoặc 360490.20	Pháo hiệu dùng để báo hiệu trong điều kiện sương mù ?	

**C.37** Các vật liệu ảnh và điện ảnh

1	370110.10	Phim chụp X Quang H90R7 dùng trong y tế, hiệu Curix	
---	-----------	---	--



TAILIEUXNK.COM

- 2 370120.00 Phim AGFA Đức in ngay ở dạng phẳng có phủ lớp nhạy sáng
- 3 370130.10 Phim chế bản dùng cho ngành in
- 4 370310.00 Giấy ảnh SFA khổ 650mm (ở dạng cuộn ) hiệu FUJI
- 5 370510.00 Bản kẽm in OFFSET, chuyên dùng ngành in dày 0,3mm, đã, trắng, nhập khẩu từ Nhật Bản hiệu KONICA
- 6 370610.10 Phim kỹ thuật hiệu FUJI dùng trong điện ảnh, chưa lồng tiến khổ 40mm
- 7 370790.10 Hóa chất rửa ảnh (BZ9ET 72 BL-R) (hiện ảnh)
- 8 370790.90 Hóa chất làm âm bản kẽm đóng gói bán lẻ

**C. 38 Các sản phẩm hóa chất khác**

- 1 380810.90 Thuốc trừ sâu thành phẩm KARATE 2.5 đóng gói dùng để bán lẻ do Trung Quốc sản xuất, có thể sử dụng ngay được.
- 2 380830.10 Thuốc trừ cỏ SOFIT 300 EC
- 3 380991.00 Hóa chất trợ nhuộm vải (ALOP RINT PBA)
- 4 380991.00 Thuốc nhuộm ngành dệt
- 5 380993.00 Hóa chất thuộc da
- 6 381121.00 Phụ gia dầu nhờn (PARANOX) có chứa dầu mỏ.
- 7 381220.00 Dầu làm mềm dẻo cao su
- 8 381300.00 Hóa chất phòng cháy
- 9 381400.10 Dung môi pha sơn KETONE ACETATE
- 10 380820.00 Thuốc diệt nấm
- 11 381220.00 Phụ gia ổn định nhựa (IMPACK MODIFIER B22 )
- 12 381800.10 Bột huỳnh quang (kích hoạt)
- 13 381900.10 Dầu phanh thủy lực
- 14 382000.00 Chất chống đông lạnh trong thiết bị lạnh
- 15 382200.00 Thuốc HE XAGON ONE-STEP PREGNANCY 05/1997 (dùng để chuẩn đoán thai sớm
- 16 382200.00 Hóa chất xét nghiệm SIDA : SERODIA-HIV 4/1997
- 17 382490.00 Phụ gia sản xuất bê tông (gia cố bê tông)
- 18 380810.90 Nhang muỗi RAID BLACK COIL
- 19 380820.00 Thuốc trừ nấm ANVIL 5 SC
- 20 380840.00 Thuốc tẩy uế, khử trùng
- 21 380810.90 Thuốc trừ mối PYNAMIN
- 22 380810.90 Bình thuốc xịt muỗi RAID MAX



<b>P. VII C. 39</b>	<b>Plastic và các sản phẩm của plastic; cao su và các sản phẩm của cao su Plastic và các sản phẩm bằng Plastic</b>		
1	390410.20	Hạt nhựa PVC (Polyme Clo rua Vinyl), ở dạng bột, chưa được pha trộn với bất cứ chất gì do Nhật Bản sản xuất.	
2	391690.50	Thanh nhựa có kích thước (5*40*1800) mm do Đài Loan sản xuất từ polyeste	
3	391723.00	ống nước nhựa PVC phi 12 vòi loại cứng, đường kính ngoài 20cm, có 3 lớp.	
4	361990.30	Bao bì để sản xuất bánh kẹo bằng PVC, có kích thước (75*55*1000) mm /cuộn nhập khẩu từ Singapore, ở dạng cuộn.	
5	392112.12	Tấm PVC đã được gia cố bở giấy khổ 2 mét, dày 0,7mm Đài loan sản xuất	
6	392210.00	Bồn tắm bằng plastic dài 1,7m có bộ xả do Singapore sản xuất, loại đôi	
7	392310.00	Thùng nhựa có cách nhiệt do Mỹ sản xuất loại 30 lít, dùng trong vận chuyển hàng hoá	
8	392520.00	Bộ cửa ra vào có cánh gấp bằng nhựa xuất xứ ASEAN	
9	392490.10	Bộ gương nhà tắm: giá treo khăn, hộp đựng xà phòng, giá treo gương, trục gắn giấy vệ sinh và hộp đựng giấy bằng plastic do Đài Loan sản xuất, hiệu TOTO	
10	392490.90	Tủ đựng quần áo làm bằng nhựa (375*445*565)mm xuất xứ ASEAN	
11	950390.00	Xe ô tô nhựa dùng đồ chơi của trẻ em, không có gắn động cơ	Chú giải 2(u) của Chương 39
12	950210.00	Búp bê nhựa của Nga (hình người)	Chú giải 2(u) của Chương 39
13	391723.00	ống nước nhựa PVC Tiền Phong, đường kính (phi) 110*5 mm có ren 2 đầu, loại cứng.	
14	940180.00	<b>Ghế nhựa cho trẻ em</b>	Xem Phần và Chương, Lưu ý " các sản phẩm nhựa" thuộc chương 39, xem lướt qua không tìm thấy nhóm nào cho đồ đặc, đọc Chú giải 2(t) của Chương và chú giải chi ra rằng đồ đặc nằm trong Chương 94, đọc Chú giải của Chương 94 , " Ghế" thuộc nhóm 9401-9402, suy ra "ghế



15	391810.10	Tấm nhựa trải sàn PVC do các nước G7 sản xuất có keo dán ở dạng tấm được sơn giả vân, ở dạng cuộn có kích thước 100 cm	
16	392490.90	Thùng đựng nước đá có nắp giữ nhiệt độ, hiệu Bình Minh (60*39*41)cm	
17	392690.99	Chai nước cho trẻ em. Dung tích 500ml, có một đai da dùng để đeo trên vai. Không có tác dụng nhiệt. Làm từ chất dẻo	Sản phẩm này không phải là chai chân không vì thế nên không được phân vào nhóm 96.17. Vì sản phẩm này bằng nhựa nên có 3 nhóm chúng ta phải xem xét là 39.23, 39.24 và 39.26. Chúng ta loại bỏ nhóm 39.23 vì sản phẩm nói trên dùng để chứa đựng hàng hóa phục vụ cho vận chuyển thương mại và nó cũng không được xem là đồ gia dụng nên không phân vào nhóm 39.24. Vì thế nhóm thích hợp của "Chai nước của trẻ em" phải được phân vào nhóm 392690.99
19	391520.00	Rác thải của Pôlyme styrene	
20	950360.00	Đồ chơi đồ trí bằng nhựa của trẻ em	Chú giải 1(v) của Ch 39
21	950350.00	Dụng cụ âm nhạc nhỏ bằng nhựa dùng để làm đồ chơi cho trẻ em	Chú giải 1(v) của Ch 39
22	900311.00	Gọng kính viễn thị nhựa	Chú giải 1(r) của Ch 39
23	911280.00	Vỏ đồng hồ treo tường làm bằng nhựa	Chú giải 1(s) của Ch 39
24	940370.20	Bộ bàn ghế nhựa dùng trong văn phòng	Chú giải 1(u) của Ch 39
25	711790.00	Đồ kim hoàn giả làm bằng nhựa	Chú giải 1(o) của Ch 39
26	3923.10.90	Hộp nhựa PVC dùng để đựng đài (radio) FM xách tay, không đi kèm với đài (radio)	Chọn " Những sản phẩm bằng nhựa" (Chương 39) hoặc đài (Chương 85). Nhớ lại Qui tắc phân loại 5(a): Chỉ có những bao, hộp đi kèm với các sản phẩm của nó thì nên được phân loại cùng với sản phẩm đó. Nếu trường các hộp, bao đó không đi kèm( gửi bán riêng), thì chính nên được phân loại theo chất liệu làm ra nó. Lưu ý " Các sản phẩm bằng nhựa



(Plastic)" nằm ở Chương 39 từ nhóm 3916 đến nhóm 3926. Kiểm tra Chú giải Phân và Chương (không đề cập đến việc đưa vào hay loại ra sản phẩm nói trên

**C.  
40****Cao su và các sản phẩm bằng cao su**

1	401120.00	Bộ lốp xe tải mới, bằng cao su, loại 825-16 hiệu Syam, Thái lan	Xem tiêu đề Phân và Chương, Lưu ý" Các sản phẩm bằng cao su" thuộc về Chương 40, nhưng " Phụ tùng và các bộ phận của xe có động cơ" lại thuộc về chương 87, xem qua Chương 87 và đọc Chú giải của Phần XVII , Chú giải 2(a) của Phần XVII nói là các sản phẩm cao su lưu hóa không nằm trong Phần này. Đọc các Chú giải của Phần VII và Chương 40 (không đề cập đến việc thêm vào hoặc loại ra của sản phẩm nói trên), xem qua Chương 40. Lưu ý " Lốp cao su" nằm ở nhóm 4011-4012, xem phần lớp cho xe ô tô tải
2	401130000	Bộ lốp máy bay AIRBUS 310	Lý luận tương tự như phần trên
3	400110.10	Mủ cao su tự nhiên RSS2, Mã-lai-xia, loại nhạy điện.	Xem tên Phân và Chương. Chúng ta nhận thấy rằng Cao su thuộc về Chương 40. Đọc lướt qua Chương chúng ta thấy "Mủ cao su tự nhiên" thuộc Phân nhóm 4001.10
4	400591.10	Cao su hỗn hợp với các loại nhựa tự nhiên, chưa lưu hóa ở dạng tấm	Xem Phần và Chương
5	400811.10	Cao su lưu hóa xốp , ở dạng tấm dùng làm tấm trải sàn hình chữ nhật.	
6	400700.00	Dây cao su	
7	401310.10	Săm ô tô con và ô tô tải các loại cao su, hiệu Bridgestone, Đài Loan sản xuất.	
8	401511.00	Găng tay phẫu thuật bằng cao su (lưu hóa) của Đức	
9	400920.00	ống nước làm bằng cao su có gia cố kim loại đường kính 4cm	



TAILIEUXNK.COM

10	401010.00	Băng tải cao su có gia cố kim loại	
11	401022.00	Băng chuyền dẹt liên tục có phủ cao su ( V-belts ), không có đường rãnh, có chu vi 200 cm.	Xem tên Phần và Chương. Nhận thấy " các sản phẩm cao su" thuộc Chương 40 nhưng " các sản phẩm dẹt dùng trong công nghiệp" thuộc Chương 59 và " Máy móc và thiết bị cơ khí" thuộc Chương 84. Thử xem Chương 84 Phần XVI và đọc Chú giải Phần: Chú giải 1 (a) và (e) nói rõ là sản phẩm nói trên không nằm trong Phần XVI. Thử xem Chương 59 thuộc Phần XI và đọc Chú giải Phần (không đề cập đến sản phẩm nói trên). Tiếp tục xem Chú giải của Chương 59: Chú giải 6(b) nói rằng sản phẩm nói trên phải được phân vào Chương 40. Xem qua các nhóm của Chương 40; Chúng ta thấy " Băng chuyền dẹt liên tục có phủ cao su ( V-belts ), không có đường rãnh, có chu vi 200 cm " nằm vào nhóm 40.10, cụ thể là phân nhóm 401022.00.
12	950669.90	Bóng cao su loại nhỏ, dùng làm đồ chơi cho trẻ em	Chú giải 2(f) của Chương 40
13	401140.00	Lốp xe 350-10 mới của xe Vestpa do ý sản xuất	Thoại nhìn chúng ta tưởng " Các phụ tùng của xe có động cơ" thuộc Chương 87 xem qua Chương 87 và đọc Chú giải của Phần XVII, Chú giải 2(a) của Phần XVII nói là các sản phẩm cao su lưu hóa không nằm trong Phần này. Đọc các Chú giải của Phần VII và Chương 40 (không đề cập đến việc thêm vào hoặc loại ra của sản phẩm nói trên), xem qua Chương 40. Lưu ý " Lốp cao su" nằm ở nhóm 4011-4012
14	400220.00	Mũ cao su butadien (BR)	Xem tên Phần và Chương.



TAILIEUXNK.COM

Chúng ta nhận thấy Cao su  
thuộc về Chương 40, xem  
lướt qua Chương ta đi đến  
kết luận " Cao su butadien"  
thuộc về Phân nhóm 4002.20





<b>P. VIII</b>		<b>Da sống, da thuộc, da lông và các sản phẩm từ da; bộ yên cương; hàng du lịch, túi xách tay và các loại đồ chứa tương tự, các mặt hàng từ ruột động vật (trừ ruột con tằm)</b>	
<b>C. 41</b>		<b>Da sống (trừ da lông) và da thuộc</b>	
1	051199.00	Da vụn và phế liệu từ gia thô (chưa qua xử lý)	Chú giải 1(a) của Ch 41
2	410121.00	Da bò và trâu, nguyên con, tươi	
3	410320.10	Da rắn Hồ mang ấn độ, ngâm trong dung dịch muối, chưa được thuộc, nhập khẩu dùng để làm ví da của phụ nữ	
4	410221.00	Da sống của cừu nhập khẩu từ úc , đã được cạo lông và được ngâm trong dung dịch muối	
5	410721.30	Da cá sấu nhập khẩu từ Thái Lan ( loại này đã được xử lý bằng chất thuộc da gốc thực vật trước khi thuộc ta-nanh)	
6	410900.00	Da vụn từ da bò đã thuộc	
7	410800.90	Da bò đã được thuộc dầu, nguyên con.	
8	411100.00	Sợi da cừu đã được thuộc, ở dạng cuộn.	
9	410721.40	Da kỳ đà Tây Nguyên xuất khẩu đã được thuộc bằng chất thuộc gốc thực vật trước khi thuộc ta nanh.	
10	410900.90	Da bò đã được thuộc và được tráng phủ một lớp plastic, có nổi vân.	
11	410390.00	Da sống của con Sơn dương Trung Quốc, ngâm trong dung dịch muối, đã được cạo lông, đã được cạo lông.	
12	410721.20	Da trăn Tây nguyên xuất khẩu dùng để làm hàng mỹ nghệ, đã được thuộc bằng chất thuộc gốc thực vật trước khi thuộc ta nanh.	
<b>Chương 42</b>		<b>Các sản phẩm bằng da thuộc; bộ đồ yên cương; các mặt hàng du lịch, túi xách và các loại bao hộp tương tự; các sản phẩm làm từ ruột động vật (trừ ruột con tằm)</b>	
1	660200.00	Roi da bò dùng để điều khiển súc vật	Chú giải 1(f) của Ch 42
2	420100.00	Dây dắt chó làm từ da bò đã được thuộc	
3	420211.20	Cặp học sinh mặt ngoài làm bằng da bò đã thuộc, mặt trong làm bằng vật liệu dệt.	
4	420291.00	Bao súng bằng da bò (chỉ mặt ngoài)	
5	420219.00	Túi xách đựng nữ trang làm bằng da	



		trần, thuộc. Nhập khẩu từ Thái Lan hiệu Pirred Cardin.	
6	420321.00	Găng tay hở ngón hiệu NIKE làm bằng da dê thuộc dùng trong thể thao	Chú giải 2(c) của Ch 43
7	420330.00	Thắt lưng da tổng hợp hiệu Crocodiles của Thái Lan.	
8	420400.10	Băng chuyền làm bằng da bò (dùng cho máy móc chuyên dụng trong kỹ thuật)	
9	420292.00	Hộp đựng son phấn của phụ nữ thường mang theo khi đi du lịch, làm bằng da trần thuộc nhập khẩu từ Hồng Kông (lưu ý: mặt ngoài được làm bằng plastic)	
10	420329.10	Găng tay bao hộ lao động da tổng hợp	
11	420100.00	Bộ đồ yên cương ngựa, làm bằng da tổng hợp.	
12	420211.90	Ba lô du lịch có mặt ngoài làm bằng da tổng hợp.	
13	420329.90	Găng tay thường làm bằng da lông của thỏ (đã thuộc ta nanh), dùng để chống lạnh	Chú giải 2(c) của Ch 43
14	920999.00	Da trống	Chú giải 1(i) của Ch 42
15	650610.90	Mũ bảo hộ bằng da bò đã thuộc	Chú giải 1(e) của Ch 42
<b>Chương 43</b>		<b>Da lông và da lông nhân tạo; các sản phẩm làm từ da lông và da lông nhân tạo</b>	
1	430213.00	Da lông Cừu Ashtrakhan và Caracun đã thuộc ta nanh, nguyên con.	Chú giải 1(c) của Ch 41
2	430110.00	Da lông chồn Vizôn, còn nguyên con (loại thô).	
3	430310.10	Quần áo lót bằng lông chồn Vizôn của Trung Quốc.	Chú giải 1(b) của Ch 42
4	430310.20	Đồ phụ trợ hàng may mặc bằng da lông của cừu Tây Tạng	Chú giải 1(b) của Ch 42
5	430140.00	Da lông thô của hải ly Bắc Cực, nguyên con, không có đầu ở dạng tấm.	
6	430400.21	Quần áo làm bằng da lông nhân tạo do Đài loan sản xuất	Chú giải 1(b) của Ch 42
7	430150.00	Da lông của cây hương Tây Nguyên xuất khẩu sang Đài Loan	
8	430400.10	Da lông nhân tạo nhập khẩu từ Nhật Bản dùng để gia công quần áo ở dạng cuộn.	Chú giải 1(b) của Ch 42
9	650610.90	Mũ làm bằng da lông chồn của phụ nữ	Chú giải 1(e) của Ch 43
10	650692.00	Khăn lông cáo của Hàn Quốc	Chú giải 1(e) của Ch 43
11	670100.10	Lông vịt dùng để nhồi vào gối (đã được xử lý)	Chú giải 1(a) của Ch 43



<b>P.</b>		<b>Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than củi;</b>	
<b>IX</b>		<b>Lie và các sản phẩm làm bằng lie; các</b>	
		<b>ché phẩm từ rơm, cỏ giấy, các vật liệu</b>	
		<b>tết bện; các sản phẩm bằng liễu gai và</b>	
		<b>song mây</b>	
<b>C. 44</b>		<b>Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than củi</b>	
1	440391.00	Gỗ cây sồi loài Quereussp, chưa bóc vỏ	
2	440200.10	Than gáo dừa xuất khẩu sang Trung Quốc	
3	440121.00	Vỏ bào và dăm gỗ của cây thông	
4	440500.20	Bột gỗ	
5	440690.00	Tà vệt đường ray xe lửa loại đã được thấm tẩm dầu	
6	440130.10	Mùn cưa đã được đóng thành khối	
7	380210.00	Than hoạt tính	Chú giải 1(d) của Ch 44
8	930529.00	Bảng súng trường làm bằng gỗ	Chú giải 1(n) của Ch 44
9	940330.10	Bàn gỗ lim dùng trong văn phòng không có ngăn kéo, xuất khẩu	Chú giải 1(o) của Ch 44
10	441400.00	Khung tranh bằng gỗ được phủ sơn mài xuất khẩu sang Đài loan.	
11	441600.10	Thùng tô nô đựng rượu nho, có đai sắt bằng gỗ sồi làm từ tấm ván cong.	
12	441700.10	Cán để làm chổi quét bằng gỗ	
13	441840.00	Ván tạp dùng để làm cốt pha xây dựng	
14	442090.10	Hộp đựng đồ kim hoàn(không có kim hoàn ở bên trong), được khám trai	
15	911280.00	Vỏ đồng hồ treo tường, làm bằng gỗ thông	Chú giải 1(m) của Ch 44
16	950100.12	Xe ô tô thể thao thu nhỏ, bằng gỗ dùng để làm đồ chơi cho trẻ em	Chú giải 1(p) của Ch 44
17	711790.00	Đồ kim hoàn giả làm bằng gỗ, được mạ kim loại quý.	Chú giải 1(k) của Ch 44
18	961490.10	Tẩu hút xì gà làm bằng gỗ, được khám trai	Chú giải 1(q) của ch 44
19	960910.10	Bút chì đen	Chú giải 1(q) của Ch 44
20	440410.00	Gỗ đai thùng (gỗ thông)	
21	640691.00	Đế ngoài và gót giày bằng gỗ	Chú giải 1(g) của Ch 44
22	440724.10	Gỗ gụ đã được xe theo chiều dọc chưa bào, có độ dày 12 cm, chưa được ghép mộng.	
<b>C. 45</b>		<b>Lie và các sản phẩm bằng lie</b>	
1	450310.00	Nút chai rượu bằng lie tự nhiên.	
2	450110.00	Lie tự nhiên, sơ chế	
3	450190.00	Lie đã được ép	
4	640520.10	Giày dép có mũ làm bằng vật liệu dệt và	Chú giải 1(a) của Ch 45



TAILIEUXNK.COM

5	450410.00	để ngoài làm bằng lie	
<b>C.</b>		Lie kết dính ở dạng khối	
<b>46</b>		<b>Các sản phẩm chế từ rom, cỏ giấy, các</b>	
		<b>vật liệu tết bện, các sản phẩm bằng</b>	
		<b>liều gai và song mây.</b>	
1	940380.19	Bàn ghế làm bằng song mây xuất khẩu	Chú giải 1(e)
		sang thị trường EU	
2	940380.29	Bàn ghế làm bằng tre	Chú giả 1(e)
3	460120.10	Chiếu cói Tiền Hải - Thái Bình, được lót	
		mouse và viên vải sát	
4	460120.10	Thảm cói chùi chân Tiền Hải - Thái	
		Bình, xuất khẩu sang thị trường Nga.	
5	650400.90	Nón lá nhãn hiệu "Bài thơ Huế" được	Chú giải 1(c) Chóp nón
		quét dầu bóng	nhọn, mũ có hình chóp nón.
6	460210.20	Sàng tre	
7	940599.90	Chụp đèn bằng mây đan	Chú giải 1(e)
8	460191.00	Đệm cói Nga Sơn - Thanh Hóa	
9	460120.90	Mành tre, rèm tre dùng để trang trí nội	
		thất xuất khẩu	
10	460210.10	Giỏ mây đan	
11	460210.20	Đũa tre	
12	460210.20	Rá tre	
13	640590.90	Đép cói, dùng để đi trong nhà	Chú giải 1(c)
14	460210.20	Cót ép	



<b>P. X</b>		<b>Bột giấy làm từ gỗ hoặc từ các chất liệu sợi xen lu lô khác; giấy, bìa giấy tái sinh (phế liệu và phế thải); giấy và bìa giấy, các sản phẩm làm từ giấy hoặc bìa giấy</b>	
<b>C. 47</b>		<b>Bột giấy làm từ gỗ hoặc từ các chất liệu xenlulô khác, giấy, bìa giấy tái sinh (phế liệu và phế thải)</b>	
1	470311.00	Bột giấy từ gỗ cây tùng, chưa tẩy trắng (sản xuất bằng phương pháp hóa học, sô đa) nhập khẩu từ Trung Quốc.	
2	470710.00	Bìa giấy tái sinh từ giấy krap (bao bì), chưa được tẩy trắng	
3	470610.00	Bột giấy từ xơ dĩnh hạt bông	
4	4705.00	Bột giấy từ gỗ, sản xuất bằng phương pháp nửa hóa học (semmi-chemical)	
5	470429.00	Bột giấy sản xuất bằng phương pháp hóa học, sun phát, đã được tẩy trắng từ gỗ bạch đàn. Giấy và bìa giấy; các sản phẩm làm bằng bột giấy, bằng giấy hoặc bằng bìa giấy.	
1	480100.10	Giấy in báo ở dạng cuộn	
2	330790.10	Giấy thơm	Chú giải 1(c) của Ch 48
3	370310.00	Giấy ảnh Kodak, ở dạng cuộn, rộng 700mm	Chú giải 1(e) của Ch 48
4	3822.00	Giấy thấm tẩm chất thử phản ứng dùng để chuẩn đoán bệnh.	Chú giải 1(f) của ch 48
5	480300.10	Giấy mỏng lau mặt và làm khăn ăn	
6	480429.00	Giấy dùng để làm bao ở dạng cuộn, không tráng (đã được tẩy)	
7	480441.00	Bìa Kraft, có trọng lượng 175g/m <sup>2</sup> , chưa được tẩy	
8	340111.10	Giấy thấm xà phòng thơm, hiệu "Lucky"	Chú giải 1(d) của Ch 48
9	480910.10	Giấy than "Hồng Hà" xuất khẩu	
10	481320.00	Giấy cuộn thuốc lá ở dạng cuộn, rộng 4cm	
11	481410.00	Tấm phủ tường làm bằng giấy giả vân gỗ	
12	4815.00	Tấm dùng để phủ sàn được cắt theo nhiều kích cỡ khác nhau	
13	481110.10	Giấy dầu nhập khẩu từ Trung Quốc ở dạng cuộn (được quét hắc ín)	
14	481840.20	Tã lót cho trẻ sơ sinh làm bằng giấy	
15	481910.00	Thùng carton, trơn	
16	482050.00	Album ảnh	



TAILIEUXNK.COM

17	482210.00	Cuốn sợi dệt làm bằng giấy	
18	482030.00	Bìa cứng dùng để đựng hồ sơ	
19	482360.00	Một bộ khay, đĩa, chén làm bằng giấy ép.	
20	482010.00	Sổ sách kế toán	
21	420212.10	Túi xách du lịch làm bằng giấy, mặt ngoài làm bằng nhựa	Chú giải 1(h) của Ch 48
22	650693.00	Mũ giấy đã được trang trí	Chú giải 1(l) của Ch 48
23	480630.00	Giấy can	
24	480610.00	Giấy giả da gốc thực vật	
25	480920.00	Giấy tự copy (tự nhân bản)	
26	480990.10	Giấy nghệ thuật	
<b>C.</b>		<b>Sách báo, tranh ảnh và các sản phẩm khác của công nghiệp in; các bản thảo viết bằng tay, đánh máy và đồ bản</b>	
<b>49</b>			
1	490190.10	"Tập chí Kinh tế Viễn đông (FEER)". Số lượng 100 cuốn, nhập khẩu từ Hồng Kông (phát hàng 1 tháng 4 số), đóng trong thùng.	
2	490199.10	Sách kinh tế (1 Bộ sách "Kinh tế học" gồm có hai tập của David Begg. Dùng để làm giáo trình giảng dạy cho giáo viên các trường thuộc khối kinh tế. Số lượng 100 cuốn. Khổ sách 210 x 297.	
3	490199.10	Sách khoa học kỹ thuật	
4	490300.00	Truyện tranh của trẻ em	
5	490591.10	Bản đồ thủy văn ở dạng quyền	
6	4906.00	Bản vẽ kỹ thuật nhà máy lọc dầu	
7	490210.10	Báo "South China Post" nhập khẩu từ Đài Loan, được đóng trong thùng, phát hành hàng ngày. Số lượng 150 tờ.	
8	490199.90	Tờ gấp giới thiệu công ty nhập khẩu phục vụ cho triển lãm hàng công nghiệp và tiêu dùng. Số lượng 5000 bản, đóng trong thùng.	
9	9704.00	Tem bưu điện, tem thư	Chú giải 1(d) của Ch 49
10	950440.00	Bộ bài để chơi giải trí	Chú giải 1(c) của Ch 49
11	490199.90	Tạp chí Y khoa	
12	490199.90	Sách giáo khoa học ngoại ngữ	
13	4903.00	Sách thiếu nhi	
14	491110.00	Catalogue quảng cáo phụ tùng	
15	4910.00	Lịch in Hồng Kông	
16	490110.00	Tờ giới thiệu kỹ thuật, dạng tờ đơn.	
17	490191.00	Từ điển Anh -Anh của đại học Oxford - Anh ấn hành. Số lượng 150 cuốn. Đóng trong thùng cartông.	
18	490700.30	Mẫu séc chưa dùng	



<b>P. XI</b>		<b>Nguyên liệu dệt và sản phẩm dệt</b>	
<b>C. 50</b>		<b>Tơ</b>	
1	500710.90	Vải dệt từ tơ vụn, không pha với loại sợi khác	
2	500720.90	Vải dệt từ tơ khác có tỷ trọng phế liệu tơ chiếm 90%, không pha với loại sợi khác	
3	500400.00	Sợi tơ xe từ phế liệu tơ, nhập khẩu từ Hàn Quốc, chưa được đóng gói	
4	500100.00	Kén tầm để quay tơ	
5	500310.90	Phế liệu tơ đã được chải sồng	
6	500600.20	Sợi tơ xe từ phế liệu tơ, xuất khẩu sang Trung Quốc, đã được đóng gói để bán lẻ	
7	500600.10	Sợi tơ xe, đã được đóng gói để bán lẻ.	
8	500200.00	Tơ thô xuất khẩu sang Lào (chưa được xe)	
9	500600.30	Tơ từ ruột tầm	
10	500720.10	Vải dệt từ tơ khác có tỷ trọng phế liệu tơ chiếm 90%, có pha với loại sợi khác	
<b>C. 51</b>		<b>Lông cừu, lông động vật loại mịn hoặc loại thô; sợi và vải dệt từ lông đuôi hoặc bờm ngựa</b>	
1	510111.00	Lông cừu xén, đã chải sạch	
2	510320.00	Phế liệu lông cừu	
3	510320.00	Phế liệu lông của dê Tây Tạng	Chú giải 1(b) của Ch 51
4	510210.00	Lông lạc đà ở Rập	Chú giải 1(b) của Ch 51
5	510400.00	Lông cừu tái sinh	
6	510620.10	Sợi xe làm từ lông cừu đã chải sạch, chưa tẩy trắng, chưa được đóng gói để bán lẻ, tỷ trọng lông cừu 50%	
7	510810.90	Sợi xe làm từ lông bò Tây Tạng đã chải sạch, đã tẩy trắng	
8	510990.90	Sợi xe từ lông động vật họ thỏ đã được đóng gói để bán lẻ, dùng để trang trí	Chú giải 1(b) của Ch 51
9	511220.00	Vải dệt từ sợi xe lông cừu tự nhiên, tỷ trọng lông cừu là 80%, được pha với sợi tổng hợp (vải loại này đã được chải sồng)	
10	511219.00	Vải lông cừu dệt từ sợi xe, đã được chải sồng, tỷ trọng lông cừu là 95%, trọng lượng 300gram/m <sup>2</sup> , nhập khẩu từ Úc, đóng trong kiện. Số lượng 100 kiện, ở dạng tấm.	
11	511300.00	Sợi xe lông đuôi bò Tây Tạng	
12	510720.90	Sợi xe lông cừu có tỷ trọng lông cừu 80% (loại này đã được chải song và tẩy	



13	510530.00	trắng) Lông lạc đà đã được chải sạch và chải sóng, đã được đóng gói để bán lẻ.	
14		Hãy chỉ ra các sản phẩm sau đây đầu là lông động vật loại mịn: lông dê thông thường, lông dê Tây Tạng và lông cừu.	Chỉ có lông cừu Tây Tạng là lông động vật loại mịn theo Chú giải 1(b) của Chương 51
<b>C. 52</b>		<b>Bông</b>	
1	520100.10	Bông thấm nước thô (chưa được chải sạch và chải sóng)	
2	520291.00	Bông tái sinh	
3	520411.90	Chỉ khâu đóng thành gói để bán lẻ (làm từ bông, có tỷ trọng bông 95%, tẩy trắng)	
4	520511.00	Sợi bông xe từ sợi chưa chải sóng, chưa tẩy trắng.	
5	520515.90	Sợi bông xe đơn từ sợi đã chải sóng, từ 714,29 Decitex trở lên, đã tẩy trắng.	
6	520535.90	Sợi bông xe, mỗi sợi xe dưới 125 Decitex (trên 80 số metric), đã tẩy trắng	
7	520612.90	Sợi bông xe từ sợi chưa chải sóng, chưa tẩy trắng, dưới 714,29 Decitex, nhưng không dưới 232,56 decitex	
8	520911.10	Vải bạt dệt từ sợi bông, dệt trơn, tỷ trọng bông là 95%, chưa tẩy trắng.	
9	520951.10	Vải bạt dệt từ bông, đã in hoa, dệt trơn.	
10	521142.00	Vải Demin dệt từ bông, dệt từ sợi xe đơn có màu khác nhau.	
11	521223.10	Vải bạt đã nhuộm, làm từ bông, có trọng lượng 250 gram/m <sup>2</sup>	
12	521021.00	Vải dệt từ bông, trọng lượng bông 70%, phụ chủ yếu với sợi nhân tạo, đã tẩy trắng, dệt trơn.	
13	520790.20	Chỉ thêu từ sợi bông xe	
14	520833.00	Vải chéo 4 sợi, kê cả chéo 2 mặt, làm từ bông, tỷ trọng bông 92%, trọng lượng 240 gram/m <sup>2</sup> (đã nhuộm)	
<b>C. 53</b>		<b>Sợi dệt gốc thực vật; sợi giấy và vải dệt bằng sợi giấy</b>	
1	531100.10	Vải dệt bằng sợi giấy, xuất xứ Nhật Bản	
2	530921.00	Vải dệt từ sợi lanh, tẩy trắng, tỷ trọng lanh 75%.	
3	530810.00	Sợi dứa xe Bến Tre.	
4	530511.00	Sợi dứa thô Bến Tre	
5	530710.00	Sợi đay xe, sợi đơn (Thái Bình) xuất khẩu sang Trung Quốc	





TAILIEUXNK.COM

6	530820.00	Sợi gai dầu xe
7	530110.00	Lanh thô
8	530130.00	Phế liệu lanh
9	530410.00	Sợi xizan thô
10	530210.00	Gai dầu thô
11	530290.00	Phế liệu gai
12	530830.00	Sợi giấy xe
13	530310.10	Đay ngâm
14	530521.00	Sợi gai dầu thô
15	530911.00	Vải dệt từ sợi lanh, tỷ trọng lanh 90%, tẩy trắng

**C. Sợi Filament tổng hợp hoặc nhân tạo**

**54**

1		Hãy chỉ các sản phẩm sau đây đều là sợi tổng hợp: Sợi polyamid, sợi tơ viscô, sợi axetat xenlulo, sợi nilông, sợi polyeste, sợi acrylic.	Sợi polyamid, sợi ni lông, sợi polyeste, sợi acrylic theo Chú giải 1 của Chương 54.
2	540210.00	Sợi xe từ sợi Filament tổng hợp có độ bền cao, làm từ nilon, dưới 67 decitex.	
3	540110.00	Chi khâu từ sợi filament nhân tạo đóng gói để bán lẻ	
4	540341.00	Sợi xe xoắn từ sợi tơ visco filament nhân tạo, dưới 67 decitex	
5	540810.00	Vải dệt bằng sợi xe filament có độ bền cao, nhân tạo, từ sợi tơ visco.	
6	540710.00	Vải dệt từ sợi có độ bền cao bằng polyamid	
7	540620.00	Sợi xe filament nhân tạo, được đóng gói để bán lẻ	
8	540331.00	Sợi xe xoắn 100 vòng m2, từ sợi tơ axetat xenlulo	
9	540410.00	Sợi filament đơn tổng hợp, kích thước mặt cắt 0,9mm nhập khẩu từ Nhật Bản, đóng trong kiện loại 10 kg. Sơ lượng kiện 100.	
10	540233.00	Sợi xe nhân từ sợi filament tổng hợp, làm từ polyeste, chưa được đóng gói để bán lẻ.	

**C. Sợi staple tổng hợp hoặc nhân tạo**

**55**

1	551522.00	Vải dệt bằng sợi stape acrylic tổng hợp có chủ yếu với lông cừu.
2	551513.00	Vải dệt từ sợi staple polyeste tổng hợp có pha với lông cừu nhập khẩu từ Úc
3	551421.00	Vải dệt từ sợi staple polyeste, dệt trơn, tỷ trọng sợi tổng hợp 75%, trọng lượng 200 gram/m2, đã nhuộm, có pha với bông



TAILIEUXNK.COM

4	550120.00	Xơ filament tổng hợp từ polyeste (các filament song song có cùng chiều dài bằng chiều dài của xơ (3m), xoắn 5 vòng/1m.
5	550200.10	Xơ filament nhân tạo từ tơ visco (các filament song song có cùng chiều dài bằng chiều dài của xơ (3m), xoắn 5 vòng/1m.
6	550911.00	Sợi xe đơn từ sợi tổng hợp, chưa đóng gói để bán lẻ, tỷ trọng sợi polyamid 90%.
7	550630.00	Sợi staple tổng hợp từ modacrylic, đã chải sạch.
8	5507.00	Sợi staple nhân tạo, đã chải sạch.
9	550810.00	Chỉ khâu làm từ sợi staple tổng hợp được đóng gói để bán lẻ.
10	551321.00	Vải dệt từ sợi polyeste, dệt trơn, đã nhuộm, pha với bông, tỷ trọng sợi polyeste 70%, đóng gói để bán lẻ.
11		Vải dệt
12	551120.10	Chỉ thêu làm từ sợi staple tổng hợp, tỷ trọng loại sợi này là 75%, đóng gói để bán lẻ.
13	551011.10	Sợi xe từ sợi staple nhân tạo pha sợi bông, tỷ trọng sợi staple chiếm 92%, chưa đóng gói để bán lẻ.
14	550520.00	Phế liệu từ sợi staple nhân tạo
15	550410.00	Sợi staple nhân tạo, chưa chải sạch, làm từ sợi tơ visco.
		<b>Bông ni, nỉ và các sản phẩm không dệt; các loại sợi xe đặc biệt; dây bện, thừng chảo các loại, dây cáp và các loại sản phẩm từ các vật liệu nói trên.</b>
1	560710.00	Dây thừng bằng đay, đã được tết.
2	560741.00	Dây thừng xoắn, để đóng kiện, làm từ Polyethylen
3	560420.10	Chỉ catgut giả bằng sợi nhân tạo
4	560811.10	Lưới đánh cá bằng sợi tổng hợp
5	560890.11	Lưới đánh cá bằng sợi bông
6	560500.00	Sợi dệt kim loại chưa xoắn.
7	560410.00	Chỉ được bọc bằng vật liệu dệt
8	560221.00	Nỉ chưa thấm tẩm làm từ lông cừu
9	560110.10	Khăn vệ sinh làm bằng bông nỉ (chưa được thấm tẩm chế phẩm thơm)
10	560730.00	Dây bện từ sợi đay Manila, bọc ngoài bằng cao su.
11	340111.90	Tả lót cho trẻ sơ sinh được thấm các chế phẩm vệ sinh và nước hoa. Chú giải 1(a) của Ch 56



TAILIEUXNK.COM

12	681410.00	Mica tự nhiên có một lớp bôi bằng ni.	Chú giải 1(d) của Ch 56
13	680530.00	Bột đá mài tự nhiên có nền làm từ ni đã được cắt thành từng miếng hình vuông.	Chú giải 1(c) của Ch 56
<b>C. 57</b>		<b>Thảm và các loại tấm trải sàn bằng hàng dệt khác</b>	
1	570190.11	Thảm dày đã làm sẵn thành chiếc	
2	570110.10	Thảm len lông cừu, đã làm sẵn từng chiếc	
3	570220.00	Tấm phủ sàn làm từ sợi dừa (xơ dừa)	
4	570232.00	Thảm làm từ sợi tổng hợp, chưa làm sẵn thành chiếc, không chần	
5	570210.10	Tấm trải sàn hiệu "Kelem" bằng sợi đay	
6	570390.20	Thảm làm từ sợi bông, đã chần, đã làm sẵn thành chiếc	
7	570490.00	Tấm trải sàn làm bằng ni, đã làm thành chiếc, được cắt thành hình chữ nhật.	
<b>C. 58</b>		<b>Các loại vải dệt đặc biệt; các loại vải chần; ren; thảm trang trí; đồ trang trí; đồ thêu.</b>	
1	580110.00	Vải lông cừu có dệt tuyệt và nhung kẻ, nhập khẩu từ úc	
2	580132.00	Vải nhung từ sợi tổng hợp đã cắt tuyệt	
3	580136.00	Vải nhung kẻ từ sợi nhân tạo	
4	580121.00	Vải nhung kẻ đã cắt tuyệt, làm từ sợi bông	
5	580310.00	Vải sa lướt (gause) từ bông	
6	580421.00	Ren máy từ sợi nhân tạo	
7	580430.00	Ren gia công bằng tay	
8	580500.00	Thảm dệt tay kiểu Gobelis, Flender đã được làm thành chiếc	
9	580710.00	Nhân, móc làm từ hàng dệt	
10	580890.00	Dải trang trí dạng tấm không thêu	
11	581010.00	Đồ thêu không lộ nền, ở dạng tấm làm bằng bông	
12	580900.00	Vải dệt bằng chỉ kim loại	
13	580219.00	Vải xù xoắn dùng để làm khăn mặt, đã tẩy trắng, làm từ bông	
14	580410.00	Vải tuyn và vải lưới	
<b>C. 59</b>		<b>Các loại vải dệt đã được thấm tẩm, hồ, phủ đất; các sản phẩm dệt dùng trong công nghiệp.</b>	
1	590210.10	Vải mảnh dùng làm lớp, làm từ nylon, đã được thấm tẩm cao su	
2	590410.00	Vải sơn chưa cắt thành hình mẫu	
3	590800.10	Mạng đèn mang song	
4	590691.00	Vải dệt kim tráng cao su	



TAILIEUXNK.COM

5	590800.90	Bác dẹt dùng cho đèn, bếp dầu, bật lửa	
6	590500.10	Tấm phủ tường bằng hàng dệt, đã được thấm tẩm dầu	
7	590700.00	Vải can đã sơn vẽ dùng làm phong sân khấu	
8	591120.00	Vải dùng để rây, sàng đã làm sẵn thành sản phẩm	
9	590110.00	Vải dệt hồ chất keo dính dùng để làm bìa sách	
10	591000.00	Vải dệt gia cố bằng kim loại dùng cho các mục đích kỹ thuật	
11	401021.00	Băng chuyền vải dệt được thấm tẩm cao su có mặt cắt hình thang, không có đường rãnh, cho vi 100cm	Chú giải 6(b) của Ch 59
12	591140.00	Vải lọc dùng trong công nghệ ép dầu	
13	590900.90	ống dẫn mềm bằng hàng dệt	
14	591132.00	Vải dệt gắn với bộ phận nối dùng cho máy sản xuất giấy. Trọng lượng 750gram/m <sup>2</sup>	
<b>C. 60</b>		<b>Vải dệt kim, đan hoặc móc</b>	
1	600121.00	Vải dệt tuyến xoắn làm từ bông	
2	600210.00	Vải dệt kim, rộng 25cm, tỷ trọng chỉ cao su 7%.	
3	600241.00	Vải dệt kim, dệt sợi dọc từ lông cừu	
4	600191.00	Vải bông xù được dệt kim	
5	600230.00	Vải dệt kim, rộng 55cm, tỷ trọng chỉ cao su 17%.	
<b>C. 61</b>		<b>Quần áo và hàng may mặc sẵn, dệt kim, đan hoặc móc</b>	
1	63.09	Quần áo cũ các loại được phân loại vào nhóm nào trong số các nhóm sau đây: 61.09, 62.09 và 63.09.	Quần áo cũ các loại được phân loại vào nhóm 63.09 theo Chú giải 2(b) của Ch 61
2	610120.00	áo khoác ngoài dùng cho trẻ em bằng bông	
3	610230.00	áo choàng mặc khi đi xe được móc làm bằng sợi nhân tạo của bé gái	
4	610312.00	Bộ Com-lê được dệt kim bằng sợi tổng hợp của đàn ông	
5	610432.00	áo khoác thể thao bằng bông dùng cho nữ giới được móc.	
6	610341.00	Quần dài có dây đeo của nam giới làm bằng len lông cừu, móc	
7	610453.00	Quần váy của phụ nữ được làm bằng sợi tổng hợp, đan	
8	610620.00	áo sơ mi cho phụ nữ bằng sợi tổng hợp,	



		dệt kim.	
9	610721.00	Bộ áo ngủ của nam, bằng bông, dệt kim	
10	610892.00	áo choàng tắm bằng sợi nhân tạo, dệt kim	
11	611030.00	áo chui đầu bằng sợi tổng hợp, đan	
12	611110.00	Bộ đồ may sẵn cho trẻ sơ sinh, dệt kim, làm bằng len lông cừu	
13	611239.00	Bộ quần áo trượt tuyết, móc, làm bằng bông dùng cho đàn ông	
14	611241.00	Quần áo bơi cho trẻ em gái bằng sợi tổng hợp dệt kim	
15	611519.00	Bít tất dài, bằng sợi bông cho nam giới	
16	611610.00	Găng tay hở ngón đã phủ cao su, đan.	
17	611691.00	Găng tay thường làm bằng len lông cừu, đan	
18	611710.00	Khăn san dệt kim	
19	611720.00	Nơ con bướm đan làm bằng sợi tổng hợp	
20	611710.00	Mạng che mặt làm bằng sợi bông, dệt kim	
21		Nịt chân dùng cho người bị giãn tĩnh mạch.	
22		Khi phân loại sản phẩm áo quần hoặc các đồ phụ trợ bao gồm hai hoặc nhiều vật liệu dệt thì phải tham khảo đến (Chú giải 2(A) của Phần XI, Chú giải phân nhóm 2(A) của Phần XI và Chú giải 8 của Chương 61).	Tham khảo đến Chú giải phân nhóm 2(A) của Phần XI.
<b>C. 62</b>		<b>Quần áo và hàng may mặc sẵn, không thuộc loại hàng dệt kim, đan hoặc móc</b>	
1	620192.00	áo chống gió gia công xuất khẩu sang Đài Loan, dùng đàn ông, làm bằng bông, không dệt kim, đan hoặc móc. Đóng trong thùng giấy. Số lượng :500 bộ/thùng.	
2	620423.00	Quần áo đồng bộ của phụ nữ, làm bằng sợi tổng hợp, không dệt kim, đan hoặc móc.	
3	620441.00	Váy phụ nữ không dệt kim, đan hoặc móc, làm bằng len lông cừu.	
4	620791.00	áo may ô và các loại áo lót khác của nam giới, làm bằng bông không dệt kim, đan hoặc móc.	
5	621310.00	Khăn tay tơ không dệt kim, đan hoặc móc của phụ nữ	
6	621510.00	Cà vạt tơ nhập khẩu từ Hàn Quốc, không dệt kim, đan hoặc móc.	
7	621790.00	Bộ phận rời của quần áo, không dệt kim,	



		đan hoặc móc.	
8	621430.00	Khăn choàng vai bằng sợi tổng hợp, không dệt kim, đan hoặc móc.	
9	621710.20	Đệm vai và đệm lót, không dệt kim, đan hoặc móc.	
10	621112.00	Quần áo bơi cho trẻ em gái làm bằng sợi nhân tạo, không dệt kim, đan hoặc móc.	
11	61 và 62	Tã lót của trẻ em bằng vật liệu dệt được phân loại vào chương nào trong số các chương sau đây: Chương 61, 62 và 63.	61 và 62
12	39	Găng tay làm bằng PVC được phân loại vào chương nào	Chương 39, cụ thể là nhóm 39.26 Chú giải 1(h) của Phần XI
<b>C. 63</b>		<b>Các sản phẩm dệt may sẵn khác; bộ vải và chỉ trang trí, quần áo cũ và các loại hàng dệt cũ; vải vụn.</b>	
1	630900.00	Quần áo cũ (hàng SIDA)	
2	630710.00	Khăn lau bát, lau nhà	
3	630720.00	áo cứu đắm trên máy bay	
4	631410.10	Vải vụn cũ, đã được phân loại	
5	630641.00	Đệm hơi bằng sợi tổng hợp	
6	630120.00	Chăn du lịch loại nhỏ dùng cho trẻ em, làm bằng len lông cừu	
7	630210.00	Khăn trải giường, dệt kim làm bằng bông	
8	630291.00	Khăn trải dùng cho bộ trà, làm bằng vải xù xoắn từ bông	
9	630311.00	Diềm giường gia công, đan, bằng sợi tổng hợp	
10	630292.00	Khăn trải dùng cho bộ đồ thủy tinh bằng vải lanh	
11	630493.10	Màn ngủ bằng sợi tổng hợp dệt kim	
12	630800.00	Bộ chỉ trang trí dùng để trang trí thảm được đóng thành gói để bán lẻ	
13	630621.00	Tăng, lều trại bằng sợi bông dùng để đi cắm trại	
14	630612.00	Buồm cho thuyền lướt ván bằng sợi tổng hợp	



<b>P. XII</b>		<b>Giày, dép, mũ, khăn và mạng đội đầu, ô dù, da toong, gậy, roi da, roi điều khiển súc vật kéo và các bộ phận của các loại hàng trên; lông vũ chế biến và các sản phẩm từ lông vũ; hoa nhân tạo; các sản phẩm làm từ tóc.</b>	
<b>C. 64</b>		<b>Giày, dép, ghệt và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm nói trên.</b>	
1	630900.00	Giày dép đã qua sử dụng các loại	Chú giải 1(c) của Ch 64 và Chú giải 1(b) của Ch 63
2	902190.00	Giày chỉnh hình bằng Plastic	Chú giải 1(r) của Ch 39 và Chú giải 1(e) của Ch 64
3	950670.00	Giày trượt ba tanh nhập khẩu	Chú giải 1(f) của Ch 64
4	640191.10	Giày cổ cao đến đầu gối có mũ giày và đế ngoài bằng cao su, được gia công xuất khẩu sang Hàn Quốc. Không thấm nước.	
5	640411.00	Giày có đế ngoài bằng cao su và mũ giày bằng nguyên liệu dệt sử dụng để đánh bóng chuyên. Loại này được gia công để xuất khẩu.	Chú giải phân nhóm 1 của Ch 64
6	640610.00	Mũ giày bằng nguyên liệu dệt	
7	960711.00	Các loại dây kéo hoàn chỉnh, răng được làm bằng đồng của giày nhập khẩu để gia công	Chú giải 2 của Ch 64
8	640420.10	Giày đi trong nhà, đế ngoài bằng da dê thuộc ta nanh và mũ giày bằng nguyên liệu dệt	Chú giải 3(b) của Ch 64
9	640691.00	Gót giày làm bằng gỗ	Chú giải 1(g) của Ch 44
10	640620.00	Đế ngoài của giày bằng cao su	Chú giải 2(b) của Ch 40
11	640312.00	Giày ống trượt tuyết việt dã, đế ngoài bằng cao su mũ bằng da dê thuộc ta nanh	Chú giải phân nhóm 1(b) của Ch 64
12	640320.00	Dép đế da và quai da bò, đi vòng qua mu bàn chân và quay xỏ qua ngón chân cái	
13	640590.90	Dép tre đan đi trong nhà xuất khẩu	Chú giải 1(a) của Ch 46
14	681250.00	Giày dép làm từ hỗn hợp amiăng	Chú giải 1(d) của Ch 64
15	392690.90	Dép đi một lần làm bằng plastic mỏng, không có gấn đế	Chú giải 1(a) của Ch 64
<b>C. 65</b>		<b>Mũ, khăn, mạng đội đầu và các bộ phận của các sản phẩm nêu trên.</b>	
1	650200.10	Thân mũ bằng tre được tết, chưa được làm vành, chưa có lót và trang trí	Chú giải 1(b) của Ch 46
2	650600.00	Mũ ni có thân mũ hình chuông	
3	630900.00	Mũ các loại đã qua sử dụng	Chú giải 1(a) của Ch 65



TAILIEUXNK.COM

4	681250.00	Mũ bằng amiăng	Chú giải 1(b) của Ch 65
5	950291.00	Mũ của búp bê	Chú giải 1(c) của Ch 65
6	650610.10	Mũ bảo hộ bằng plastic	Chú giải 2(n) của Ch 39
7	650510.00	Lưới bao tóc, dệt kim, bằng vật liệu dệt	
8	650692.00	Mũ trùm đầu làm bằng da lông của loài chồn Vizon đã thuộc ta nanh. Xuất xứ Trung Quốc.	Chú giải 2(e) của Ch 43
9	650700.00	Cột mũ làm bằng giấy	Chú giải 1(l) của Ch 48
10	650400.90 hoặc 650693.00	Mũ rom tết chống đạn	Chú giải 1(b) của Ch 46
11	650590.10	Mũ bêrê làm bằng ni dệt kim	
12	95	Mũ của búp bê làm đồ chơi cho trẻ em được phân loại vào chương nào trong số các chương sau đây: Chương 62, 65 và 95.	Phân loại sản phẩm này vào Chương 95 theo Chú giải 1(c) của Chương 65.
<b>C. 66</b>		<b>Ô, dù che, ba toong, gậy chống, roi da, roi điều khiển súc vật kéo và các bộ phận của các sản phẩm nói trên</b>	
1	660110.00	Dù che trong vườn	
2	660200.00	Gậy chống bằng plastic	Chú giải 2(n) của Ch 39
3	660200.00	Ba toong bằng plastic	Chú giải 2(n) của Ch 40
4	950390.00	ô tô che dùng để làm đồ chơi cho trẻ em	Chú giải 1(c) của Ch 66
5	901780.90	Gậy dùng để đo lường làm bằng nhựa	Chú giải 1(a) của Ch 66 và Chú giải 2(r) của Ch 39
6	660200.00	Roi da bò thuộc dùng để điều khiển	Chú giải 1(f) của Ch 42
7	392690.90	Hộp dùng để đựng ô (không có ô) làm bằng nhựa	Chú giải 2 của Ch 66
8	660390.00	Khung ô làm bằng sắt (chỉ một mình khung)	Chú giải 1(d) của Phần XV
9	660191.00	Dù che dùng để quảng cáo hiệu "Cocola" , có cán kiểu ống lồng làm bằng sắt	
10	660310.00	Tay cầm bằng thép không rỉ dùng để sản xuất dù che nắng của trẻ em	Chú giải 1(d) của Phần XV
11	930700.00	Chuôi kiếm bằng plastic	Chú giải 1(b) của Ch 66
<b>C. 67</b>		<b>Lông vũ và lông mao chế biến, các sản phẩm bằng lông vũ hoặc lông mao; hoa nhân tạo; các sản phẩm làm từ tóc.</b>	
1	670210.00	Hoa nhân tạo bằng nhựa	Chú giải 1 và 2 của Ch 06 và Chú giải 2(n) của Ch 39
2	670100.10	Lông vịt	
3	950699.10	Quả cầu lông làm từ lông vịt do Indônexia sản xuất, đựng trong hộp giấy, mỗi hộp có 10 quả.	Chú giải 1(e) của Ch 67
4	670290.10	Lăng hoa giấy	Chú giải 1 và 2 của Ch 06
5	670290.20	Lăng hoa và Quả bằng vải gia công xuất	Chú giải 1 và 2 của Ch 06





TAILIEUXNK.COM

6	670490.00	khẩu Lông mi và lông mày giả làm bằng nhựa tổng hợp	Chú giải 2(n) của Ch 39
7	670411.00	Bộ tóc giả hoàn chỉnh làm từ vật liệu dệt tổng hợp	
8	650693.00	Mũ lông vịt bện	Chú giải 1(d) của Ch 67
9	670300.10	Tóc đã được chải mượt	
10	960390.10	Chổi phát trần làm bằng lông vịt	Chú giải 1(f) của Ch 67
11	442190.00	Hoa nhân tạo làm bằng gỗ	Chú giải 1 và 2 của Ch 06 và Chú giải 3(b) của Ch 67
12	702000.90	Hoa làm bằng thủy tinh thổi	Chú giải 1 và 2 của Ch 06 và Chú giải 3(a) của Ch 67
13	940429.00	Đệm giường làm bằng lông mao	Chú giải 2(a) của Ch 67



<b>P. XIII</b>	<b>Sản phẩm làm bằng đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica hoặc các vật liệu tương tự; đồ gốm; đồ thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh</b>		
<b>C. 68</b>	<b>Sản phẩm làm bằng đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica hoặc các vật liệu tương tự</b>		
1	680100.00	Đá lát lề đường Thanh Hóa	
2	680223.00	Đá granit để xây tượng đài	
3	680210.00	Đá dăm dùng trong xây dựng	
4	680300.10	Đá phiến Bình Định xuất khẩu sang Hồng Kông, đã gia công dùng để ốp tường	
5	680421.00	Đá mài hình bánh xe (lắp vào máy) làm từ kim cương tự nhiên dùng trong công nghệ làm hàng thủ công mỹ nghệ	
6	680710.10	Giấy dầu lợp mái của Trung Quốc, ở dạng cuộn	
7	252329.10	Xi măng Portland đen hiệu "Bim Sơn"	Chú giải 1(a) của Ch 68
8	710310.00	Đá Rubi chưa được gia công	Chú giải 1(d) của Ch 68
9	950349.00	Tượng sư tử bằng đá Cẩm thạch dùng để làm đồ chơi cho trẻ em	Chú giải 1(l) của Ch 68
10	901849.00	Đá hàn răng	Chú giải 1(h) của Ch 68
11	681210.00	Sợi amiăng đã được gia công	
12	681250.00	Quần áo làm từ sợi amiăng	
13	681599.90	Sợi các bon	Chú giải 1(q) của Phần XI
14	680510.00	Vật liệu dệt đã phủ bột mài	Chú giải 1(q) của Phần XI
15	681310.90	Vật liệu mài dùng để lót và làm đệm phanh trong xe máy	
16	681410.00	Mica đã chế biến ở dạng tấm	
17	680990.20	Tượng nghệ thuật đúc bằng thạch cao	
18	844250	Đá in litô đã gia công dùng cho các mục đích in ấn	Chú giải 1(f) của Ch 68
19	854690.00	Đá dùng làm vật liệu cách điện	Chú giải 1(g) của Ch 68
20	961000.00	Bảng đá để vẽ	Chú giải 1(m) của Ch 68
<b>C. 69</b>	<b>Đồ gốm, sứ</b>		
1	691010.10	Bồn tắm và phụ kiện bằng sứ của nhập khẩu từ Thái Lan	
2	691010.90	Bệ xí sứ Trung Quốc	
3	691110.10	Bộ đồ ăn dùng trên máy bay bằng sứ	
4	690911.00	Đồ dùng trong phòng thí nghiệm bằng sứ	
5	691310.00	Tượng bằng gốm dùng để trang trí	
6	690810.00	Tấm lát lò sưởi bằng sứ đã tráng men, hình chữ nhật, xuất xứ Trung Quốc, có kích cỡ 6cm x 4cm	



TAILIEUXNK.COM

7	690510.00	Ngói lợp mái bằng gốm tráng men, có màu xanh đậm, nhập khẩu từ Ấn Độ dùng để trùng tu lại các công trình kiến trúc cổ	
8	690490.00	Ngói lót bằng sứ dùng để chống nóng trong xây dựng dân dụng	
9		Bình cổ cong (chịu lửa) có tỷ trọng alumin (Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub> ) 65%.	
10	690100.00	Gạch khối làm từ bột hóa thạch silic.	
11	711790.00	Đồ kim hoàn giả làm bằng sứ	Chú giải 2(c) của Ch 69
12	811300.10	Gốm kim loại, chưa gia công	Chú giải 2(d) của Ch 69
13	854620.10	ống lót trượt, không có thanh trượt bằng gốm sứ dùng để sản xuất máy biến thế xuất xứ ASEAN.	Chú giải 2(f) của Ch 69
14	911280.00	Vỏ đồng hồ treo tường làm bằng gốm sứ.	Chú giải 2(h) của Ch 69
15	960629.00	Khuy áo bằng gốm	Chú giải 2(l) của Ch 69
16	902121.00	Răng giả	Chú giải 2(g) của Ch 69
17	680422.00	Đá mài bằng gốm hình bánh xe	Chú giải 2(b) của Ch 69
<b>C. 70</b>		<b>Thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh</b>	
1	701110.90	Vỏ bóng đèn thủy tinh Rạng Đông dùng cho đèn điện thấp sáng	Có 2 Chương có thể phân sản phẩm này vào đó là Ch 70 và 85. Nhưng Chú giải 1(b) của Ch 85 " <i>Chương này không bao gồm các sản phẩm bằng thủy tinh thuộc nhóm 70.11</i> ". Vậy sản phẩm này chỉ có thể được phân loại vào phân nhóm 701110.90
2	701331.00	Bộ đồ ăn của Séc bằng pha lê chì	Phân loại theo Qui tắc 1 (vì đây là thành phẩm này đã có đặc trưng cơ bản)
3	701590.00	Kính (thủy tinh) đồng hồ báo thức loại " <i>Timing</i> " do Đài Loan sản xuất nhập khẩu để gia công. Đựng trong 20 thùng, 1000 chiếc/thùng.	Có 2 Chương có thể được phân vào đó là 70 (thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh) và Ch 90 (đồng hồ cá nhân hoặc đồng hồ loại khác và phụ tùng của đồng hồ). Nhưng khi ta đọc Chú giải 1(a) của Ch 90 thì sản phẩm này không thể xếp vào Ch 90 vì nó đã bị loại trừ và phân nhóm thích hợp cho sản phẩm này là 7015.90
4	701200.10	Ruột phích nước "Rạng đông"	
5	701912.00	Sợi thủy tinh thô	
6	701710.00	ống nghiệm thủy tinh bằng thạch anh	



TAILIEUXNK.COM

7	702000.10	Mảnh thủy tinh dùng để trang trí nội thất	
8	901831.10	Bơm tiêm (ống tiêm) dưới da bằng thủy tinh, loại dùng một lần không có kim tiêm.	Chú giải 1(d) của Ch 70. Thoạt nhìn thì chúng ta thấy sản phẩm này làm bằng thủy tinh và có thể được phân vào là 701010.00. Chú giải 1(d) thì sản phẩm này phải được xếp vào Ch 90, nhóm cụ thể là 901831.10.
9	700711.10	Kính an toàn của ô tô tải đã tôi cứng	Có 2 Ch có thể được phân loại là 70 và 87.
10	700992.00	Gương soi thủy tinh có khung	
11	700100.90	Thủy tinh phê liệu	
12	700310.00	Thủy tinh cán ở dạng tấm có cốt thép	
13	700800.00	Kính dùng làm tường ngăn nhiều lớp	
14	701820.00	Hạt thủy tinh có đường kính 0,5mm	
15	701020.00	Nút chai thủy tinh	



<b>P. XIV C. 71</b>		<b>Ngọc trai thiên nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá nửa quý, kim loại quý, kim loại mạ kim loại quý và các sản phẩm của chúng, đồ kim hoàn giả; tiền kim loại.</b>	
1	710700.00	Kim loại thường phủ bạc (chưa được gia công quá mức bán thành phẩm)	
2	710813.10	Vàng ở dạng thỏi, không phải dạng tiền tệ	
3	711011.00	Bột bạch kim chưa gia công	
4	710692.10	Bạc thỏi bán thành phẩm	
5	710110.00	Ngọc trai thiên nhiên, chưa xâu thành chuỗi hoặc nạm dát	
6	710510.00	Bột kim cương	
7	711719.00	Đồ kim hoàn giả bằng đồng (trâm cài tóc và ghim cài tóc do Đài Loan sản xuất)	Chú giải 11 của Ch 71
8	710122.00	Ngọc trai nuôi cấy nước ngọt đã được gia công	
9	711039.10	Ru đi (bạch kim) ở dạng thanh đã gia công	
10	711620.10	Đá quý dùng trong phòng thí nghiệm	
11	711311.00	Trâm cài bằng bạc do Đài Loan sản xuất.	Chú giải 9(a) của Ch 71
12	711419.00	Bộ đồ ăn bằng vàng	Chú giải 10 của Ch 71
13	960629.00	Khuy bằng vàng	Chú giải 3(o) của Ch 71
14	711210.00	Phế liệu vàng	
15	710221.00	Kim cương công nghiệp, chưa được gia công	



<b>P. XV C. 72</b>	<b>Kim loại thường và các sản phẩm bằng kim loại thường Sắt và thép</b>	
1	720211.00	Hợp kim sắt -mangan, hàm lượng các bon 5%
2	720410.00	Phế thải gang
3	720510.00	Hạt gang kính
4	722300.00	Dây thép không rỉ ở dạng cuộn
5		Thép không hợp kim, hình chữ U kéo nóng qua khuôn, có chiều cao 70mm
6	721720.00	Dây thép không hợp kim phủ kẽm
7	721810.00	Thép không gỉ ở dạng thỏi
8	721911.00	Thép không gỉ cán mỏng, chiều rộng 700mm, chiều dày 15mm, chưa được gia công quá mức cán nóng, ở dạng cuộn
9	722020.00	Thép không gỉ cán mỏng, có chiều rộng 500mm, chiều dày 3mm, chưa được gia công quá mức cán nguội (ép nguội)
10	722100.00	Thanh thép không gỉ được cán nóng, xoắn không đều
11	722920.00	Dây thép hợp kim bằng thép silic-mangan
12	630320.00	Khung cửa ô bằng sắt
13	940310.00	Bàn làm việc bằng thép không gỉ
14	860800.10	Bộ phận cố định và khớp nối của đường ray xe lửa bằng sắt
15	721410.11	Thép không hợp kim mới chỉ gia công ở mức cán nóng, dạng thanh, chứa 1% cacbon, đã được luyện, loại tròn
<b>C. 73</b>	<b>Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép</b>	
1	730220.00	Tà vẹt sắt dùng để xây dựng đường sắt
2	730110.10	Tệp lá bằng thép hợp kim
3	732410.00	Chậu rửa và bồn rửa bằng thép không gỉ Robinet, tráng men do Trung Quốc sản xuất, khổ 1,7m.
4	732490.11	Bình xối nước vệ sinh và phụ tùng của nó bằng thép không gỉ của Trung Quốc
5	732611.10	Bi nghiền bằng sắt dùng để xay (đã được rèn đập nhưng chưa quá mức gia công)
6	732211.00	Lò sưởi và phụ tùng của hệ thống lò sưởi trung tâm bằng gang sản xuất tại Nhật Bản
7	732111.00	Lò hâm thức ăn bằng thép không gỉ, loại dùng gas

Chú giải 1(d) của Phần XV

Chú giải 1(k) của Phần XV

Chú giải 1(g) của Phần XV



TAILIEUXNK.COM

8	732393.00	Bộ đồ ăn bằng thép không gỉ	
9	732020.10	Lò xo cuộn các loại bằng thép dùng cho xe cộ	
10	731814.90	Đinh xoáy bằng sắt có đường kính 8mm	
11	731300.00	Dây thép gai tráng kẽm dùng làm hàng rào , loại dây đôi xoắn bằng thép	
12	731511.10	Xích xe đạp bằng thép	
13	730840.10	Bộ giàn giáo bằng sắt dùng trong xây dựng	
14	730900.20	Bể chứa bằng sắt dùng để chứa xăng dầu , dung tích 1000 lít	
15	731010.00	Thùng phuy bằng sắt dùng để chứa xăng dầu, có dung tích 200 lít	
16	730890.90	Lan can cầu thang sắt	
17	730410.10	ống dẫn loại sử dụng cho đường ống dẫn dầu khí bằng thép hợp kim	
18	731700.10	Đinh rệp (đinh ấn) bằng thép	
19	731910.00	Kim khâu bằng thép	
20	722310.00	Miếng cọ nồi bằng thép	
21	732111.00	Bếp ga hiệu Rinnai và hiệu Hitachi, Nhật Bản sản xuất, loại 2 bếp, 1 lò nướng, nút bấm, ngắt gas tự động, chống khét, Model 4000NA, 4000NF.	
22	730830.00	Cửa sổ lá sách bằng sắt, loại 16 lá, khổ 10 x 145,8 cm	
23	732490.99	Bộ vòi tắm hoa sen sắt mạ crom do ý sản xuất	
<b>C.</b>		<b>Đồng và các sản phẩm của đồng</b>	
<b>74</b>			
1	741600.00	Lò xo đồng	
2	741300.19	Cáp đồng có tiết diện 1000mm <sup>2</sup>	
3	741220.00	ống nối bằng đồng đã tinh chế	
4	741490.20	Lưới chống muối bằng đồng	
5	741820.00	Đồ trang bị trong nhà vệ sinh bằng đồng	
6	960622.00	Khuy áo bằng đồng, không được phủ bằng vật liệu dệt.	Chú giải 1(m) của Phần XV
7	740200.00	Cực dương làm bằng đồng dùng trong kỹ thuật điện phân	
8	740620.00	Vây đồng	
9	740710.00	Thỏi đồng tinh chế	
10	740811.00	Dây đồng hợp kim (với kẽm) có tiết diện 15mm	
11	741532.00	Bulong đồng	
12	911210.00	Vỏ đồng hồ treo tường bằng đồng hợp kim, đã được mạ vàng	Chú giải 1(h) của Phần XV
13	950349.00	Đồ chơi hình con vật bằng đồng hợp kim cho trẻ em	Chú giải 1(l) của Phần XV



TAILIEUXNK.COM

14	940310.00	Bộ ghế nhồi đệm có khung bằng đồng không có bàn, dùng trong văn phòng	Chú giải 1(k) của Phần XV
15	960860.00	Ngòi bút máy bằng đồng hợp kim	Chú giải 1(m) của Phần XV
16	711719.00	Đồ kim hoàn giả làm bằng hợp đồng (ghim cài cà vạt), được phủ một lớp vàng mỏng	Chú giải 1(e) của Phần XV và Chú giải 9(a) và Chú giải 11 của Ch 71
<b>C. 75</b>		<b>Niken và các sản phẩm bằng Niken</b>	
1	750810.00	Phên niken	
2	750110.00	Niken sten	
3	750300.00	Phế liệu niken	
4	750400.00	Bột niken	
5	750511.00	Thanh niken không hợp kim (trong đó niken chiếm 99,2%, cobalt 0,4% và kim loại khác 0,4%.	
6	750712.00	ống dẫn niken hợp kim	
7	750521.00	Dây niken không hợp kim, ở dạng cuộn, tiết diện 5mm.	
8	750210.00	Niken không hợp kim, chưa được gia công	
9	750810.00	Lưới niken	
10	750890.00	Bu lông Niken	
11	941410.00	Lò xo của đồng hồ để bàn bằng hợp kim Niken	Chú giải 1(h) của Phần XV và Chú giải của Phân nhóm 75.08
12	750890.00	Đồ dùng trong nhà vệ sinh bằng Niken	
<b>C. 76</b>		<b>Nhôm và các sản phẩm của nhôm</b>	
1	262040.00	Tro và phế liệu từ quá trình sản xuất nhôm, có chứa chủ yếu là nhôm	Chú giải (b) của Nhóm 76.02 của Ch 76 ( <i>Nhóm 76.02 không bao gồm tro và phế liệu từ quá trình sản xuất nhôm (nhóm 26.20)</i> )
2	761010.10	Khung cửa sổ nhôm của Trung Quốc	
3	761220.90	Can nhôm dùng để đựng axit sunphuric (không thể gấp lại được.	
4	761490.19	Cáp nhôm có tiết diện 800mm <sup>2</sup> , chưa được cách điện, có lõi đồng do Trung Quốc sản xuất.	
5	830890.10	Hạt trang trí cắt từ nhôm lá mỏng	Chú giải (c) của Phân nhóm 76.03
6	5607.00	Sợi vải tráng nhôm của Nhật Bản	Chú giải (a) của Phân nhóm 76.05
7	761519.00	Bộ đồ ăn bằng nhôm (nĩa, thìa, cốc,..)	
8	761300.10	Thùng nhôm dùng để chứa gas nén	
9	761511.00	Miếng dùng để cọ rửa bằng nhôm dùng trong nhà bếp	
10	760820.00	ống nối đôi bằng nhôm hợp kim	





TAILIEUXNK.COM

11	854419.11	Dây điện bằng nhôm đồng trục được cách điện bằng một lớp men của Đài Loan sản xuất có tiết diện tròn 200mm <sup>2</sup> .	Chú giải 1(f) của Phần XV và Chú giải (e) của Phân nhóm 76.05
12	830790.00	ống nhôm loại có dễ uốn hay còn có thể gọi là linh hoạt (flexible) bằng nhôm.	Chú giải (c) của Phân nhóm 76.08.
13	761699.00	Hộp đựng thuốc lá bằng nhôm	Chú giải (c) của Phân nhóm 76.12 và
14	860900.00	Công ten nơ bằng nhôm được thiết kế đặc biệt và trang bị cho các toa xe dùng trong vận tải đa phương thức.	Chú giải 1(g) của Phần XV và Chú giải (f) của 76.12
15	761699.00	Hộp đựng dụng cụ bằng nhôm	Chú giải (c) của Phân nhóm 76.12
16	760720.10	Nhôm lá mỏng, dày 0,1mm, đã được bồi và ép hình	

**C. 78 Chì và các sản phẩm bằng chì**

1	930629.00	Đạn chì đúc dùng cho súng hơi	Chú giải 1(ij) của Phần XV
2	7806.00	Cục chì đúc dùng để làm lưỡi đánh cá (nằm rời)	
3	7806.00	ống chì có thể xếp lại được dùng để đựng chất màu	
4	854419.19	Cáp điện nhôm cách điện có lớp vỏ bọc bên ngoài bằng chì.	Chú giải (d) của Phân nhóm 78.07
5	780419.00	Tấm chì hình chữ nhật để lọc mái nhà	
6	780500.10	ống dẫn khí bằng chì.	
7	780419.00	Lá chì mỏng được mạ một lớp thiếc mỏng dùng để làm hộp đựng tơ.	
8	780300.10	Chì nguyên chất ở dạng thỏi	
9	780420.00	Bột chì	
10	780600.00	Tấm chì dùng để áp vào ngực của thợ lặn khi làm việc.	

**C. 79 Kẽm và các sản phẩm bằng kẽm**

1	790700.90	Tấm khuôn tô bằng kẽm	
2	790700.90	Can chứa nước bằng kẽm	
3	8442	Bản kẽm in	Chú giải (b) của Nhóm 79.05
4	7905.00	Tấm kẽm dùng để làm vỏ của ác qui khô	
5	7903.90	Váy kẽm	
6	790700.90	Hộp rỗng bằng kẽm dùng làm bao bì được phâm	
7	790400.20	Kẽm ở dạng thỏi, chưa xử lý bề mặt	
8	790700.10	Máng kẽm dùng trong xây dựng	

**C. 80 Thiếc và các sản phẩm bằng thiếc**

1	262090.00	Tro thiếc từ quá trình sản xuất thiếc	Chú giải (a) của Nhóm 80.02
2	800120.00	Hợp kim thiếc chì dùng để sản xuất đồ chơi	



TAILIEUXNK.COM

3	800700.00	ống thiếc mềm dùng để đựng kem đánh răng và chất màu	
4	800700.00	Ca thiếc	
5	800300.10	Thanh thiếc	
<b>C. 81</b>		<b>Kim loại thường khác; gồm kim loại; sản phẩm làm từ kim loại thường khác và gồm kim loại.</b>	
1	811240.20	Vanadi bột	
2	810810.20	Titan bột chưa gia công	
3	811100.30	Mãng gan phế liệu	
4	810490.40	Ma giê lá	
5	810193.00	Vôn fram dây	
6	810590.10	Côban có chứa Crôm dùng trong nha khoa	
7	811000.20	Ăngtimoan bột	
<b>C. 82</b>		<b>Dụng cụ, đồ nghề, dao kéo và bộ đồ ăn làm từ kim loại thường; các bộ phận của chúng làm từ kim loại thường.</b>	
1	821220.10	Lưỡi dao cạo râu hiệu "Croma" của Đức sản xuất.	
2	821300.00	Kéo thợ may	
3	821510.00	Thìa cà phê được mạ bạc	
4	821410.00	Cái gạt bút chì	
5	821000.10	Máy xay cà phê loại cơ khí cầm tay (không có động cơ)	
6	820412.00	Clê không điều chỉnh được	
7	820551.10	Bàn là sắt không dùng điện (dùng than)	
8	820210.10	Cửa tay dùng để cửa sắt	
9	820110.00	Xẻng sắt dùng trong nông nghiệp	
10	820190.10	Liềm cắt cỏ	
11	821192.99	Dao có lưỡi cố định dùng để làm vườn có tay cầm bằng gỗ	
12	820559.30 hoặc 820559.90	Dao cắt kính của Trung Quốc	
13	820740.00	Dụng cụ dùng để làm ren ống nước của thợ lắp đặt nước	
14	821420.00	Bộ đồ sửa móng tay, móng chân	
15	820559.20	Xà beng sắt dùng để đục đá	
16	901839.00	Kéo phẫu thuật	Chú giải (a) của Ch 82 (đoạn cuối cùng của Phần Giới thiệu chung của Ch 82)
17	950390.00	Clê bằng đồng dùng để làm đồ chơi cho trẻ em	Chú giải 1(l) của Phần XV và Chú giải (a) của Ch 82 (đoạn cuối cùng của Phần Giới thiệu chung của Ch 82)
18	850820.00	Cửa tay có gắn động cơ điện (thao tác	Chú giải (a) của Nhóm 82.02



TAILIEUXNK.COM

		bằng tay)		của Ch 82
19	850570.00	Ê tô thao tác bằng tay		
20	731910.00	Kim dùng để khâu tay		Chú giải (a) của Nhóm 82.05 của Ch 82
21	842481.10	Dụng cụ dùng để phun thuốc trừ sâu của Trung Quốc (vận hành bằng tay)		Chú giải (c) của Nhóm 82.05 của Ch 82
22	392490.90	Dao cạo an toàn bằng nhựa không có lưỡi đi kèm		Chú giải (a) của Nhóm 82.12 của Ch 82
23	821490.00	Tông đơ cắt tóc vận hành bằng tay		
24	851020.00	Tông đơ cắt tóc điện		Chú giải (3) của Nhóm 82.14
25	821510.00	Kẹp gấp đường mạ vàng (sugar tongs)		
<b>C.</b>		<b>Hàng tạp hoá từ kim loại thường</b>		
<b>83</b>				
1	830110.00	Khoá móc bằng sắt		
2	830120.00	Khoá chân chống xe máy		
3	830210.00	Bản lề sắt		
4	830400.50	Khay đựng giấy bằng hợp kim nhôm dùng trong văn phòng		
5		Tụ đựng hồ sơ bằng sắt		
6	830630.10	Khung ảnh		
7	830250.00	Giá để mũ bằng thép hợp kim		
8	830590.10	Kẹp giấy bằng sắt		
9	831000.00	Biển ghi tên bằng thép i nóc		
10	830610.10	Chuông xe đạp bằng thép		
11	830300.10	Két an toàn		
12	830890.10	Hạt trang trí bằng hợp kim nhôm		
13	830241.20	Then cửa hai cánh		
14	730890.90	Khung thép hợp kim dùng để đỡ chuông nhà thờ		Chú giải (a) của Nhóm 83.06
15	92.06 hoặc 92.07	Chuông chùm		Chú giải (e) của Nhóm 83.06
16	911490.00	Chuông hoà âm của đồng hồ treo tường		Chú giải (e) của Nhóm 83.06
17	950100.12	Xe ô tô kiểu đạp chân của trẻ em bằng sắt		Chú giải (h) của Nhóm 83.06
18	741510.00	Ghim vẽ bằng đồng (drawing pin)		Chú giải (a) của Nhóm 85.07



<b>P. XVI</b>		<b>Máy công cụ và các trang thiết bị cơ khí; máy và thiết bị điện, các bộ phận cấu thành và phụ tùng của các sản phẩm trên; máy và thiết bị âm thanh; máy và thiết bị truyền hình và phụ tùng của các thiết bị nói trên.</b>	
<b>C. 84</b>		<b>Lò phản ứng hạt nhân; nồi hơi đun sôi; máy công cụ, trang thiết bị cơ khí, phụ tùng của các loại máy nói trên.</b>	
1	842511.00	Hệ ròng rọc chạy bằng mô tơ điện do Mỹ sản xuất	
2	842919.20	Máy ủi toàn năng dạng CKD do ý sản xuất. Số lượng 50 bộ	
3	843010.00	Máy đóng cọc dùng trong xây dựng	
4	843230.20	Máy cấy dùng trong nông nghiệp do Nga sản xuất.	
5	843410.00	Máy vắt sữa do Hà Lan sản xuất.	
6	840510.10	Máy sản xuất gas	
7	840790.10	Động cơ dùng cho đầu máy xe lửa	
8	841111.10	Tua bin phân lực của động cơ máy bay có công suất 50 KN	
9	841430.00	Máy nén sử dụng trong các thiết bị đông lạnh	
10	841340.10	Bơm bê tông dùng điện	
11	842112.91	Máy làm khô quần áo dạng SKD, có dung tích 50 lít (loại lớn dùng trong khách sạn) dùng điện	
12	842410.00	Bình đập lửa của Trung Quốc (chứa cháy)	
13	842290.10	Phụ tùng của máy rửa bát dùng trong gia đình	
14	844210.00	Máy sắp chữ bản kẽm	
15	844790.00	Máy sản xuất sợi viên, ren và đồ thêu	
16	846150.10	Máy cưa gỗ	
17	847090.10	Máy đóng dấu miễn tem bưu điện, dạng CKD do Nhật Bản sản xuất, dùng điện	
18	847431.10	Máy trộn bê tông	
19	847810.11	Máy cắt thuốc lá	
39	690911.00	Bơm bằng sứ (dùng để bơm các chất lỏng có khả năng làm mòn lớn) dùng cho các mục đích kỹ thuật.	Chú giải 1(b) của Chương 84 và Chú giải (a) của nhóm 84.13
40	901890.90	Có thể phân loại "Thiết bị có chức năng như thận nhân tạo (thiết bị thẩm tách hoạt động với chức năng giống như thận dùng trong điều trị các bệnh nhân bị	Đọc Chú giải (d) của nhóm 84.21, tránh nhầm với các thiết bị và máy móc dùng để lọc hay tinh chế chất lỏng và



41	870510.00	bệnh thận)" vào nhóm 84.21 không ?. Có thể phân loại xe tải chở cần cầu vào nhóm 84.26 không ?	chất khí khác. Chú giải 1(l) của Phần XVI và Chú giải của Nhóm 84.26 <i>"Nhóm này loại trừ xe tải cần cầu của nhóm 87.05"</i>
42	841310.10	Bơm chân không dùng điện sử dụng để kéo sợi nhân tạo có thể được phân vào nhóm 84.49, nếu không thì sản phẩm này sẽ được xếp vào phân nhóm nào (8 chữ số) ?	Đọc Chú giải (b) của nhóm 84.49 thì loại bơm này phải được phân vào nhóm 84.13
43	950320.00 hoặc 950390.00	Máy khâu đồ chơi của trẻ em có được phân vào nhóm 84.49 ?, nếu không thì được phân vào phân nhóm nào (cấp 8 chữ số) ? - Tương tự máy chữ đồ chơi có được phân loại vào Chương 84 không ?, nếu không thì phân vào Chương nào	Chú giải 1(p) của Phần XVI và Chú giải của nhóm 84.49 <i>" Nhóm này loại trừ máy khâu dùng làm đồ chơi cho trẻ em (95.03)"</i> . - Chú giải (f) của nhóm 84.69 cho thấy là không thể phân sản phẩm này vào nhóm 84 vì nó chỉ phục vụ cho mục đích giải trí cho trẻ em, nên chỉ có thể phân vào chương 95.
44	90.31	Có thể phân loại máy dùng để do da và da thuộc các loại trong nhóm 84.53 không ?, nếu không thì xếp vào nhóm nào (4 chữ số) ?	Chú giải 1(m) của Phần XVI và Chú giải (g) của nhóm 84.53.
45	90.24	Các loại máy và thiết bị thử nghiệm có thể được phân vào Chương 84 không ?	Chú giải 1(m) và tất cả các Chú giải của các nhóm riêng biệt đều xếp các loại máy và thiết bị thử vào chương 90 và thường là nhóm 90.24. Ví dụ như Chú giải (f) của nhóm 94.63.
46	96032990 hoặc 960350.00	Bàn chải dùng để gắn vào máy	Chú giải (h) của nhóm 84.66.
47	85.42	Mạch tích hợp điện tử - EIC hay còn được gọi là bộ vi xử lý (được sử dụng như bộ phận xử lý trung tâm (CPU)) có thể được phân loại vào Chương 84 được không ?, nếu không thì được phân loại vào nhóm nào (cấp 4 chữ số) của chương nào ( ?	Chú giải (d) của nhóm 84.71
48	902219.00	Có thể phân loại thiết bị xử dụng tia phóng xạ X quang dùng để phát hiện tiền giả hoặc các loại tài liệu vào nhóm 84.72 không, nếu không thì phân vào	Đọc Chú giải 1(m) và Chú giải (b) của nhóm 84.72 sau đó phân loại sản phẩm này vào nhóm 90.22 của chương



49	820559.90	phân nhóm nào(ở cấp độ 8 chữ số) ? . Cái thổi thủy tinh cầm tay.	90 Xem Chú giải (a) của nhóm 84.75 sau đó xếp vào nhóm 82.05
50	848590.10	Vòng đo ngăn dầu (oil seal rings) (đệm dầu) có thể phân loại vào nhóm 84.84 không ?, nếu không thì xếp vào nhóm nào của Chương 84 ?	Chú giải (c) của nhóm 84.84.
<b>C. 85</b>		<b>Máy móc, thiết bị điện và các bộ phận của chúng, máy ghi và sao âm thanh, hình ảnh và các bộ phận phụ trợ của các loại máy nói trên.</b>	
1	850151.10	Động cơ điện xoay chiều (AC) , nhiều pha của Trung Quốc 40HP, dạng CKD có công suất 500W	
2	850213.00	Tổ máy phát điện động cơ diesel có công suất 500KVA	
3	850410.10	Chân lưu dùng cho đèn phóng	
4	850511.00	Nam châm vĩnh cửu bằng kim loại	
5	850530.00	Đầu nâng hoạt động bằng điện từ	
6	850820.00	Cửa tay (có động cơ điện)	
7	850730.00	ắc qui niken-cadmi	
8	850910.00	Máy hút bụi hiệu Traika 10 do Nga sản xuất (2 chiều hút - thổi).	
9	851090.10	Lưỡi dao cạo điện	
10	851110.90	Bugie xe máy do G7 sản xuất.	
11	851240.00	Cái gạt nước của ô tô dùng điện.	
12	851511.20	Mô hàn dùng chùm tia la de (Lazer)	
13	851660.10	Nồi nấu cơm điện chống dính do Hàn Quốc sản xuất hiệu MHJ 060 PB23, loại trên 1,8 lít nước.	
14	851650.00	Lò vi sóng Samsung loại 850W	
15	851721.90	Máy FAX văn phòng	
16	851850.00	Bộ tăng âm điện	
17	851931.00	Đầu cảm tự động đổi đĩa, hiệu Sony MDD-A50 do Nhật sản xuất.	
18	852311.10	Băng từ cassette trắng hiệu Maxell, loại 120 phút/cuộn, rộng 5mm của Cassette Video	
19	852390.20	Phím dùng để ghi âm cơ học	
20	852610.00	Thiết bị rada	
21	852812.22	Ti vi có màu độ nét cao (HDTV), dạng CKD	
22	852910.20	Ăng ten parabol	
23	853400.00	Mạch in	
24	853221.00	Tụ điện tantalum (tụ điện không đổi được thiết kế trong mạch có tần số 50/60Hz và	



		có khả năng chịu được dòng điện cảm ứng từ 1 KVA).	
25	853649.00	Rơ le dùng cho điện áp 220 vôn	
26	853661.10	Đui đèn dùng trong gia đình, loại 75W do Trung Quốc sản xuất.	
27	854389.10	Kíp mìn điện	
28	854411.30	Cuộn dây cáp bằng đồng có lớp cách điện bằng nhựa PVC	
29	844511.00	Điện cực than sử dụng cho lò nung	
30	854810.00	Phế thải của pin	
31	851830.10	Tai nghe	
32	851780.11	Modem dùng cho điện thoại	
33	854620.10	Cái cách điện bằng gốm sứ (không có thanh trượt dùng cho máy biến thế)	
34	853941.00	Đèn hồ quang	
35	851660.90	âm điện dùng để sắt thuốc (thuốc bắc)	
36	901850.00	Nam châm điện dùng cho bác sĩ nhãn khoa .	Chú giải (d) của nhóm 85.05.
37	842219.00	Máy rửa chén bát loại lớn dùng trong nhà hàng khách sạn.	Chú giải (e) của nhóm 85.09
38	900661.00	Đèn nháy sáng điện tử dùng cho máy ảnh chuyên dụng do Nhật Bản sản xuất.	Chú giải 1(m) của Phần XVI và Chú giải của nhóm 85.13
39	842240.00	Máy đóng gói có lắp thiết bị hàn điện.	Chú giải (a) của nhóm 85.15 của Chương 85. Lưu ý thuật ngữ "thiết bị hàn điện" để tránh nhầm khi phân loại
40	902140.00	Máy trợ thính cho người bị lãng tai.	Chú giải (d) của nhóm 85.18



**P.XVI  
I  
C.  
86**

**Xe cộ, phương tiện bay, tàu thuyền  
và các loại thiết bị kèm theo.  
Đầu máy, toa xe lửa hoặc xe điện và  
phụ tùng xe lửa, xe điện; các bộ phận  
đề cô định và khớp nối đường ray xe  
lửa hoặc xe điện và phụ tùng của  
chúng; trang thiết bị cơ khí (kể cả cơ  
điện) dùng cho hệ thống tín hiệu giao  
thông.**

1	860210.00	Đầu máy xe lửa chạy diesel	
2	860610.00	Toa xi téc	
3	860729.10	Má phanh của đầu máy xe lửa	
4	860390.00	Toa xe điện tự hành	
5	860800.21	Thiết bị điều khiển giao thông bằng cơ dùng cho đường sông (không dùng điện)	
6	860290.10	Đầu máy hơi nước	
7	860500.00	Toa bưu điện và toa hành lý	
8	440690.00	Tà vẹt đường xe lửa bằng bê tông, đã được thâm tẩm để chống mục.	Chú giải 1(a) của Ch 86
9	853080.13	Thiết bị điện dùng làm tín hiệu dùng cho hệ thống cảng biển và cảng sông.	Chú giải 1(c) của Chương 86
10	730210.00	Đường ray xe lửa bằng sắt	Chú giải 1(b) của Chương 86
11	902300.90	Đầu máy và toa xe lửa dùng làm mẫu và trưng bày tại hội chợ thương mại quốc tế.	Chú giải (a) của Phần Giới thiệu chung (General) của Chương 86
12		Tàu hoả bằng nhựa dùng để làm đồ chơi cho trẻ em. Số lượng: 200 bộ.	Chú giải 2(v) của Chương 39 và Chú giải (c) của Phần Giới thiệu chung (General) của Chương 86
13	860500.00	Toa xe cấp cứu	Chú giải (8) của Nhóm 86.05
14	860630.00	Toa gòng dùng trong khai thác khoáng sản (loại tự đổ)	
15	860900.00	Công ten cách nhiệt và cách điện dùng để vận chuyển hàng hoá hoặc thực phẩm để hư hỏng trên tàu hoả.	
<b>C. 87</b>		<b>Xe cộ, trừ toa xe lửa hoặc xe điện; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của chúng</b>	
1	871500.10	Xe đẩy trẻ sơ sinh nhập khẩu từ Singapore. Số lượng 200 chiếc.	
2	870322.32	Bộ linh kiện xe cứu thương ở dạng CKD, có dung tích 1500cc do Đức sản xuất 1996 xuất xứ các nước G7.	
3	870310.00	Xe ô tô dùng trong khi chơi gôn do hiệu KIA do Hàn Quốc sản xuất.	
4	871120.31	Bộ linh kiện xe máy "Dream II" ở dạng	





		SKD, do Thái Lan sản xuất, số lượng 2 công ten nơ, mỗi công ten nơ 100 chiếc. Đơn giá 1430USD/chiếc. Dung tích xi lanh 100cc
5	871200.10	Xe đạp do Việt Nam sản xuất, hiệu "LIXEHA" xuất khẩu sang thị trường EC. Số lượng: 1.000 chiếc.
6	871495.00	Yên xe đạp xuất khẩu
7	871420.00	Phụ tùng của do đẩy dành cho người tàn tật (Hàng viện trợ)
8	8704	Xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng hiệu TOYOTA (máy xăng).
9	870130.90	Máy kéo nông nghiệp cũ có công suất 25CV, loại bánh xích
10	870210.21	Xe khách mới hiệu Hyundai (25 chỗ) nhập khẩu từ Hàn Quốc. Số lượng 100 chiếc, động cơ xăng, loại xe này dùng để vận chuyển hành khách đường dài (liên tỉnh)
11	870210.10	Xe buýt hai đầu chở khách trong sân bay do Pháp sản xuất.
12		Xe đông lạnh (dung tích xi lanh 3000cc)
13	870590.00	Xe phun nước
14	870590.00	Xe chở rác
15	870600.30	Khung gầm đã lắp động cơ xe cứu thương
16	871000.00	Xe bọc thép cũ
17	870840.00	Hộp số của xe tải các loại
18	871200.20	Xe đạp đua các loại
19	870911.90	Xe tải chạy điện tự hành dùng ở cầu cảng và trong kho tàng .
20	871493.00	Máy σ xe đạp đua
21	871631.00	Rơ moóc một cầu chở dầu
22	871680.20	Xe do súc vật kéo
23	870600.20	Khung gầm đã lắp động cơ của xe cứu hoả.
24	871310.00	Xe của người tàn tật loại không vận hành cơ giới
25	870790.10	Cabin của máy kéo do Trung Quốc sản xuất.
<b>C. 88</b>		<b>Phương tiện bay, tàu vũ trụ và các bộ phận của chúng</b>
1	880212.00	Máy bay trực thăng, trọng lượng 5000kg (không tải)
2	880400.11	Dù điều khiển
3	880310.10	Cánh quạt của máy bay trực thăng
4	880260.10	Vệ tinh viễn thông



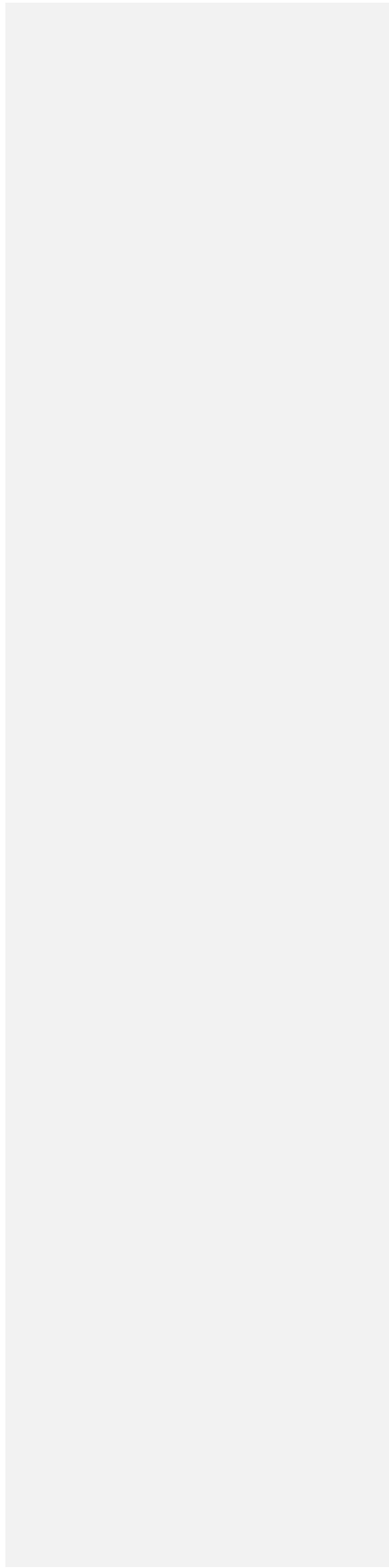
TAILIEUXNK.COM

5	880510.00	Thiết bị phóng dùng cho tàu sân bay	
6	401130.00	Lớp bom hơi mới dùng cho máy bay phản lực	
7	880190.10	Kính khí cầu	
8	95.03	Máy bay bằng nhựa dùng để làm đồ chơi cho trẻ em do Trung Quốc sản xuất.	Chú giải 2(v) của Chương 39 và Chú giải (b) của Nhóm 88.02
9	880520.10	Phương tiện huấn luyện mặt đất	
10	880390.90	Thùng nhiên liệu của máy bay	
11	841111.10	Tuabin phản lực của động cơ máy bay, có lực đẩy 50 KN do Nga sản xuất.	
12	840910.10	Van ống xả của động cơ máy bay	
<b>C. 89</b>		<b>Tàu thuyền và các kết cấu nổi</b>	
1	890200.90	Tàu đánh cá 1000 tấn DWT (DEADWEIGHT TONNAGE) trở xuống.	
2	442090.90	Thuyền buồm thể thao mẫu dùng để trưng bày làm bằng gỗ	
3	93.06	Ngư lôi các loại	Chú giải (c) của Chương 89.
4	890510.00	Tàu cuốc hay còn gọi là tàu hút nạo	
5	950621.00	Ván buồm buồm thể thao do Nhật Bản sản xuất.	Chú giải (c) của Nhóm 89.07 của Chương 89.
6	890190.90	Phà dùng để vận chuyển hàng hoá và người	Chú giải (a) của Nhóm 89.06 của Chương 89.
7	890130.90	Tàu đông lạnh (dùng để bảo quản hải sản đã đánh bắt được ngoài khơi), loại 12.000 tấn BRT.	
8	890400.90	Tàu kéo (công suất 5000CV)	
9	731600.00	Mô neo của tàu thủy bằng sắt hoặc bằng thép.	Chú giải (7) của Chương 89.
10	731210.10	Cáp thép cho tàu thuyền các loại	Chú giải (6) của Chương 89.
11	880200.00	Thủy phi cơ	
12	442190.00	Mái chèo gỗ	Chú giải (2) của Chương 89
13	950100.90	Thuyền buồm có bánh bằng gỗ dùng trẻ con có thể ngồi lên được để chơi.	Chú giải (d) của Chương 89.
14	890310.00	Thuyền câu cá loại dùng trong thể thao, loại có thể bơm hơi được	Chú giải của Nhóm 89.02
15	950619.00	Xe đi trượt băng mùa đông	Phần Giới thiệu Chung của Chương 89
16	890200.90	Tàu dùng để chế biến cá voi (giống như một nhà máy để chế biến cá voi sau khi đánh bắt được ngay trên biển), loại 1500 tấn DWT.	
17	890600.90	Tàu phá băng của Nga.	
18	890790.00	Bến tàu nổi làm bằng thép	
19	848510.00	Chân vịt tàu thủy và cánh quạt chân vịt	
20	840510.90	Máy tạo ô xy dùng để trang bị trong tàu	



TAILIEUXNK.COM

ngàn



**P.VIII**

**Dụng cụ, máy móc quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, chính xác, y tế, phẫu thuật; đồng hồ; nhạc cụ; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của chúng.**

**C. 90**

**Dụng cụ, máy móc quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, chính xác, y tế, phẫu thuật; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của chúng.**

1	900590.90	Khung ống nhòm đơn	Khi đọc tên hàng hoá, áp dụng quy tắc 1 ta thấy ngay là hàng hoá thuộc chương các dụng cụ, thiết bị quang học - chương 90. ở đây, mặt hàng này là khung của ống nhòm, ta có thể xác định được ngay nó thuộc nhóm 9005.90 - phụ tùng và các bộ phận phụ trợ (gồm cả khung, giá), nhưng 9005.90.10 là dành cho các bộ phận phụ trợ của các mặt hàng là các dụng cụ thiên văn. Vậy ta có thể xếp <i>khung ống nhòm</i> vào phân nhóm 9005.90.90 (xem phần b, chú giải 2, chương 90)
2	901380.30	Kính quang học nhìn hình nổi	Thoạt nhìn ta có thể xếp mặt hàng này vào nhóm 90.05. Theo Chú giải 4 của chương này ta phải xếp mặt hàng nói trên vào nhóm 90.13- bộ phận tinh thể lỏng chưa được lắp thành các sản phẩm, dụng cụ và đồ dùng quang học chưa được chi tiết ở nơi khác. Ta không thể xếp mặt hàng này vào phân nhóm 9013.10 (nếu nội dung của phân nhóm). Vậy mặt hàng này chúng ta phải xếp vào phân nhóm 9013.80 đó là "các dụng cụ và đồ dùng quang học khác " và mã số là 9013.80.30.
3	901730.00	Thước đo độ	Khi nghe tên loại hàng hoá



4	900930.90	Máy sao chụp nhiệt giấy trong	<p>này ta không thể nghĩ ngay đến là thuộc Chương 90. Theo Chú giải tổng quát của Chương 90 thì thước đo độ thuộc nhóm hàng 90.17- đó là dụng cụ tính toán bằng mức vạch, mức dấu hay toán học và ta có thể xếp "thước đo độ" vào phân nhóm 9017.30.00.</p> <p>Theo quy tắc 1 thì loại máy sao chụp nhiệt thuộc nhóm 90.09 - Máy photocopy có kết hợp hệ thống quang học hoặc máy dạng tiếp xúc (contact) và máy sao chụp bằng nhiệt. và ta tìm thấy máy sao chụp nhiệt thuộc phân nhóm 9009.30. Trong phân nhóm này có mã 900930.10- là máy sao chụp nhiệt loại giấy trong nhưng lại là dạng CKD. Theo bài ra thì ta không thể xếp vào mã này, vậy ta phải xếp mặt hàng trên vào mã 900930.90 là "loại khác".</p>
5	903289.10	Ổn áp	<p>Dựa vào nguyên tắc 1 và chú giải 6 của chương này ta có thể xếp mặt hàng này vào nhóm 90.32 - Dụng cụ, máy móc điều chỉnh hoặc điều khiển tự động. Trong nhóm này ta không thể xếp vào các phân nhóm 9032.10; 9032.20; 9032.81 mà ta phải xếp vào phân nhóm 9032.89 - "loại khác" trong phân nhóm này mặt hàng ổn áp ta phải xếp vào mã 903289.10 là bộ phận điều chỉnh điện áp tự động.</p>
6	903039.20	Vôn kế	<p>Dựa vào nguyên tắc 1 và 2 và chú giải tổng quát của chương ta có thể xếp mặt hàng vôn kế này vào nhóm 90.30 - "...Các dụng cụ máy</p>



7	902820.10	Đồng hồ đo nước	<p>móc khác để đo, đếm hoặc kiểm tra lượng điện..." . Trong nhóm này, ta không thể xếp mặt hàng von kế vào phân nhóm 9030.10; 9030.20 và 9030.31 mà ta phải xếp vào nhóm 9030.39 - là "loại khác" và mã của mặt hàng von kế là 903039.20.</p> <p>Cũng lý giải tương tự như trên ta xếp mặt hàng này vào nhóm 90.28 - "máy đo đơn vị khí, chất lỏng ...." và ta không thể xếp mặt hàng này vào phân nhóm 9028.10- "máy đo đơn vị khí" mà ta phải xếp vào phân nhóm 9028.20 - "máy đo chất lỏng". Trong phân nhóm này ta phải xếp đồng hồ đo nước vào mã 9028.20.10.</p>
8	902910.20	Máy đếm cây số tính tiền taxi	<p>Cũng lý giải tương tự như trên ta có thể xếp mặt hàng này vào nhóm 90.29. Máy đếm cây số để tính tiền taxi thuộc phân nhóm 9029.10 và mã cụ thể của nó là 902910.20.</p>
9	902480.10	Máy thử sợi dệt	<p>Tương tự ta có thể xếp mặt hàng này nhóm 90.24, phân nhóm 9024.80 và mã cụ thể là 902480.10.</p>
10	901050.10	Máy xem âm bản	<p>Dựa vào nguyên tắc 1 ta có thể xếp ngay mặt hàng này vào nhóm 90.10 và phân nhóm 9010.50 và mã cụ thể là 901050.10.</p>
<b>C. 91</b>		<b>Đồng hồ gian gian và các phụ tùng của đồng hồ</b>	
1	910291.90	Đồng hồ điện tử cá nhân nhập khẩu từ Thụy sĩ	<p>Theo nguyên tắc giải thích thứ nhất của Hệ thống điều hoà và đoạn 1 của chú giải phân nhóm 91.02 của Hệ thống điều hoà ta có thể xếp mặt hàng đồng hồ điện tử cá nhân này vào phân nhóm 9102.91 và mã cụ thể của nó</p>



2	910291.10	Đồng hồ điện tử bấm giây tại các hội thi thể thao	là 910291.90 Tương tự bài tập 1 trên ta có thể xếp đồng hồ điện tử bấm giây tại các hội thi thể thao vào phân nhóm 9102.91 với mã là 910291.10
3	911390.20	Dây đeo đồng hồ bằng da động vật	Dựa vào nguyên tắc phân loại của hệ thống điều hoà và chú giải nhóm 91.13 của hệ thống điều hoà là: nhóm này bao gồm tất cả các loại dây đeo, quai đeo và vòng đeo đồng hồ,..., tất cả các loại dụng cụ để giữ đồng hồ vào cổ tay; và các loại dây đeo này có thể làm bằng bất cứ loại vật liệu gì- vậy ta có thể xếp dây đeo đồng hồ bằng da động vật vào nhóm 91.13 và phân nhóm 9113.90
4	911310.00	Dây đeo đồng hồ mạ kim cương	Lý luận tương tự như trên ta có thể xếp vào nhóm 91.13, nhưng nếu dây đeo đồng hồ mạ kim loại quý thì phải xếp vào phân nhóm 9113.10 đó là - bằng kim loại quý hoặc kim loại được mạ bằng kim loại quý.
5	910591.10	Đồng hồ điện tử lắp ở những toà nhà lớn, như lắp ở nhà ga, bưu điện...	Dựa vào nguyên tắc 1 và chú giải nhóm 91.05 ta có thể xếp đồng hồ điện tử lắp ở những toà nhà lớn vào nhóm này, nhưng trong nhóm này chúng ta không thể xếp vào loại đồng hồ báo thức và đồng hồ treo tường được. Vậy ta chỉ có thể xếp vào loại đồng hồ khác- thuộc phân nhóm 9105.91 với mã là 910591.10.
6	910400.10	Đồng hồ được thiết kế để lắp trên máy bay	Theo nguyên tắc 1 và chú giải nhóm 91.04 - bao gồm tất cả các loại đồng hồ đã được lắp vỏ và máy, đặc biệt được thiết kế để lắp vào bàn điều khiển phương tiện, tay lái... của các loại phương tiện



7	910119.00	Đồng hồ đeo tay điện tử có mạ vàng	xe cộ, máy bay, tàu vũ trụ hoặc tàu thủy....Vậy ta có thể xếp loại đồng hồ này vào nhóm 9104, phân nhóm 9104.00 và mã cụ thể là 910400.10. Theo như nội dung của nhóm 91.01 ta có thể xếp ngay mặt hàng này vào nhóm 91.01. Nhưng đây là đồng hồ đeo tay điện tử nên ta có thể xếp vào phân nhóm 9101.19-- loại khác và mã là 910119.00
8	911410.00	Dây tóc của đồng hồ chuông	Theo nguyên tắc phân loại 1 và 2 của Danh mục hàng hoá và chú giải nhóm 91.14 - phụ tùng của đồng hồ cá nhân và đồng hồ khác - mà dây tóc của đồng hồ là một bộ phận điều chỉnh của đồng hồ và là phụ tùng. Vậy ta có thể xếp dây tóc của đồng hồ chuông vào phân nhóm 9114.10 với mã là 911410.00
9	911430.00	Mặt số đồng hồ nhập từ Thụy sĩ	Lý luận tương tự như trên ta có thể xếp mặt số đồng hồ vào phân nhóm 9114.30 và mã là 911430.00
10	931390.40	Dây đeo đồng hồ có gắn ngọc	Dựa vào nguyên tắc phân loại của hệ thống điều hoà và chú giải nhóm 91.13 của hệ thống điều hoà là: nhóm này bao gồm tất cả các loại dây đeo, quai đeo và vòng đeo đồng hồ,..., tất cả các loại dụng cụ để giữ đồng hồ vào cổ tay; và các loại dây đeo này có thể làm bằng bất cứ loại vật liệu gì- vậy ta có thể xếp dây đeo đồng hồ bằng da động vật vào nhóm 91.13 và phân nhóm 9113.90
<b>C. 92 Nhạc cụ; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của nhạc cụ</b>			
1	920190.00	Đàn clavico	Dựa vào nguyên tắc phân loại 1 và 3 và chú giải 2 của nhóm 92.01- nhóm này bao





2	920290.20	Đàn banjô	<p>gồm đàn clavico và các loại nhạc cụ có dây bấm phím khác như nhạc cụ có một bàn phím (giống đàn clavico). Như vậy, ta có thể xếp đàn clavico vào nhóm 92.01 với phân nhóm là 9201.90</p> <p>Đàn banjô là loại nhạc cụ có cần dài, hộp đàn tròn, dùng ngón tay để gảy, theo như nguyên tắc phân loại 3 và 4 và chú giải B.1 của nhóm 9202 ta có thể xếp vào phân nhóm 9202.90 với mã 920290.20 - các loại đàn dây để gảy.</p>
3	920410.00	Đàn công xectina	<p>Loại đàn này giống đàn áccoocđiôn thông thường nhỏ, gồm một ống hình gấp nếp kín, giữ bằng tay và chơi bằng cách ấn hai đầu lại với nhau để đẩy không khí qua các lưới gà. Theo như nguyên tắc phân loại 2 và 3 và chú giải A của nhóm 92.04 ta có thể xếp mặt hàng này vào nhóm 92.04 với phân nhóm 9204.10.</p>
4	920790.00	Đàn ghi ta điện từ dùng chơi cho các ban nhạc	<p>Thoạt nhìn ta có thể phân ngay mặt hàng này vào nhóm 92.02 nhưng khi đọc kỹ chú giải tổng quát của chương đoạn 2 mục B- và chú giải phân nhóm 92.02 và 9207 ta có thể xếp ghi ta điện từ vào nhóm 92.07 với phân nhóm 9207.90 - loại khác.</p>
5	900290.20	Đàn gảy	<p>áp dụng nguyên tắc phân loại 4 và chú giải tổng quát phần A của chương và chú giải phân nhóm ta có thể xếp loại đàn gảy này vào nhóm 92.02 - Nhạc cụ có dây khác với phân nhóm là 9202.90.</p>
6	920890.00	Còi dùng cho cảnh sát	<p>áp dụng nguyên tắc phân loại 2 và 3 và chú giải B.2 của nhóm 92.08 là: Dụng cụ tạo</p>



7 920590.00 Kèn Breton

tín hiệu âm thanh thổi bằng miệng như còi (thổi bằng miệng) làm bằng kim loại, gỗ ... tạo ra tín hiệu, ... Vậy ta có thể xếp còi vào nhóm 92.08 và phân nhóm là 9208.90.

áp dụng nguyên tắc phân loại 2 và 3 và chú giải B (2) của nhóm 92.05 ta thấy những nhạc cụ hơi khác bao gồm:.... các loại nhạc cụ hơi như kèn túi, kèn Breton .... Vậy ta có thể xếp kèn breton vào nhóm 92.05 với phân nhóm 9205.90 -- Loại khác



<b>P. XIX C. 93</b>		<b>Vũ khí đạn dược; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của chúng</b>	
		<b>Vũ khí đạn dược; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của chúng</b>	
1	930100.10 (90)	Cỗ pháo dùng cho chiến đấu trên bộ	áp dụng nguyên tắc phân loại 3(a) và chú giải 1 của nhóm 93.01 - Nhóm này bao gồm pháo và các loại vũ khí hỗ trợ cho bộ binh như tất cả các loại súng thần công đại bác, và đồ tiếp tế quân sự... Vậy ta có thể xếp cỗ pháo vào nhóm 9301, phân nhóm 9301.00
2	930200.10 (90)	Súng ngắn có hình giống bút chì	Thoạt nhìn ta có thể xếp mặt hàng này vào ba nhóm đó là 93.02; 93.03; 93.04 nhưng theo như nguyên tắc phân loại 3 và chú giải nhóm 93.02 thì ta có thể xếp loại súng này vào nhóm 93.02. Nội dung chú giải nhóm 93.02 như sau: "... Nhóm này cũng bao gồm các loại súng lục ổ quay và súng ngắn thu nhỏ; nó cũng bao gồm những vũ khí có hình giống những đồ vật khác, ví dụ như bút chì, dao díp hoặc hộp thuốc lá, nhưng với điều kiện chúng phải là những loại súng cầm tay.". Vậy ta có thể xếp loại súng này vào phân nhóm 9302.00.
3	930320.10 (90)	Súng ngắn dùng cho mục đích thể thao có hai nòng	Theo nguyên tắc phân loại 1 và chú giải 1 của nhóm 93.03 thì nhóm này bao gồm súng ngắn thể thao, săn và các mục đích bắn khác, súng trường và súng cacbin các loại, smooth-bored hoặc rifled. Súng thể thao và súng đi săn thường có trên một nòng súng...Vậy ta có thể xếp súng ngắn dùng cho mục đích thể thao có 2 nòng vào



4	930310.10 (90)	Súng dùng để bắn pháo hiệu trong các dịp lễ tết.	nhóm 93.03 với phân nhóm 9303.20. Theo nguyên tắc phân loại 1 và chú giải 3 của nhóm 9303 là nhóm này bao gồm súng bắn pháo hiệu ("bột đen") không được thiết kế hoặc có khả năng bắn đạn. Vậy ta có thể xếp mặt hàng nêu trên vào nhóm 93.03 với phân nhóm 930310.10
5	930529.10 (90)	Bộ giảm thanh của súng trường	Theo nguyên tắc phân loại 2 và 4 và chú giải 7 của nhóm 93.05 - " phụ tùng và bộ phận phụ trợ của nhóm này bao gồm:..... bộ giảm thanh...". Vậy ta có thể xếp "bộ giảm thanh của súng trường" vào nhóm 9305 và phân nhóm 930529.10
6	930400.00	Dùi cui của cảnh sát	Theo nguyên tắc phân loại 1 và chú giải 1 của nhóm 9304 -nhóm này bao gồm: dùi cui, áo cứu đuối, weighted canes và những thứ tương tự dùng cho cảnh sát, ... Vậy ta có thể xếp mặt hàng này vào nhóm 93.04 với phân nhóm 930400.00
7	930390.90	Súng bắn lao	Dựa vào nguyên tắc phân loại 2 và 4, và chú giải 8 của nhóm 93.03 ta có thể xếp mặt hàng này vào nhóm 93.03 với phân nhóm 930390.00
8	930700.00	Vỏ bao kiếm	Dựa vào nguyên tắc phân loại 1 và chú giải nhóm 9307, ta có thể xếp vỏ bao kiếm vào nhóm 93.07.
9	930629.10 (90)	Đạn súng hơi	Dựa vào nguyên tắc phân loại 2&4 và chú giải A.3 của nhóm 93.06 thì nhóm này bao gồm viên đạn nhỏ, đạn súng hơi ..... Vậy ta có thể xếp vào nhóm 93.06 với phân nhóm 930629.00
10	930690.10 (90)	Bom trên không	Dựa vào nguyên tắc phân loại 1 và chú giải D của



TAILIEUXNK.COM

nhóm 93.06 ta có thể xếp  
bom trên không vào nhóm  
93.06 với phân nhóm là  
930690.10



P. XX  
C. 94

**Các mặt hàng khác**

**Đồ dùng (giường, tủ, bàn, ghế...); bộ đồ giường, đệm, lót Đệm giường, nệm và các trang bị tương tự; đèn các loại và bộ đèn chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biển hộp được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự ; các cấu kiện nhà lắp sẵn**

1	940150.10	Ghế tựa làm bằng bằng song mây xuất khẩu đi thị trường Đông âu	Theo nguyên tắc phân loại 1 và chú giải tổng quát 1 của chương ta có thể xếp "ghế tựa làm bằng song mây" vào nhóm 94.01 và phân nhóm 9401.50
2	940290.00	Giường có đệm được lắp ráp bằng bản lề dùng để chữa bệnh	Theo nguyên tắc phân loại 1 và chú giải 8 của nhóm 94.02 - nhóm này bao gồm loại giường có đệm được lắp ráp bằng bản lề, được thiết kế đặc biệt để chữa bệnh lao phổi và các bệnh khác- Vậy ta có thể xếp loại giường này vào nhóm 94.02, với phân nhóm 940290.00.
3	940161.00	Ghế có khung bằng gỗ nhưng đã được đệm mút, được phủ một lớp nhựa mềm	Theo nguyên tắc phân loại 1 và chú giải phân nhóm 9401.61 và 9401.71 ta có thể xếp ghế có khung bằng gỗ vào nhóm 94.01 và ghế có khung bằng gỗ đã nhồi đệm vào phân nhóm 9401.61.
4	940110.90	Ghế thư ký văn phòng có khả năng nâng hoặc hạ độ cao và có thể xoay được.	Khi đọc tên mặt hàng thì ta có thể xếp mặt hàng này vào nhóm 94.01 nhưng khi đọc kỹ về mô tả hàng hoá, áp dụng nguyên tắc phân loại 2 & 4 và chú giải nhóm 94.02 thì thấy mặt hàng này có mô tả giống như những ghế dùng cho nha khoa hoặc cắt tóc ....thì ta có thể xếp mặt hàng này vào nhóm 94.01 với phân nhóm 9401.10.
5	940320.90	Xe đẩy phục vụ trên máy bay có khung bằng sắt.	Theo như nguyên tắc phân loại 2a và 3a và chú giải 1 của nhóm 9403 là Nhóm này



6	940429.00	Đệm giường bằng bông, có lớp vải bọc bên ngoài, nhập khẩu từ Trung quốc	<p>bao gồm đồ đạc cho nhà riêng, khách sạn....như ....bàn hoặc chân của nhạc cụ, xe cũi đẩy, xe đẩy phục vụ (bán hàng). Vậy ya có thể xếp mặt hàng "xe đẩy phục vụ trên máy bay có khung bằng sắt " vào nhóm 9403, với phân nhóm 9403.20.</p> <p>Theo nguyên tắc phân loại 2a và 3a và chú giải B của nhóm 9404 là: các mặt hàng thuộc bộ đồ giường và các đồ dùng tương tự được lắp lò so hoặc được nhồi hoặc được gắn gắn ở bên trong bằng bất kỳ vật liệu gì (bông, len, lông đuôi (bò ngựa), sợi tổng hợp, ...), hoặc là màng cao su hoặc plastic (có hoặc không bọc vải hoặc plastic, ...). Ví dụ như: đệm, kể cả đệm có khung sắt. Vậy ta có thể xếp "đệm giường bằng bông có lớp vải bọc bên ngoài" vào nhóm 9404 với phân nhóm 9404.29</p>
7	940490.10	Gối nhồi lông chim	<p>Cũng lý giải tương tự như trên ta có thể xếp "gối nhồi lông chim " vào nhóm 9404 nhưng phân nhóm 9404.90.</p>
8	940560.90	Biển hộp quảng cáo doanh nghiệp bằng phóc mica, có đèn chiếu sáng, thô rời	<p>Theo nguyên tắc phân loại 2a và chú giải II của nhóm 9405 là: Biển hộp được chiếu sáng, biển đề tên được chiếu sáng và các loại tương tự bao gồm đèn , biển hộp quảng cáo, biển đề tên được chiếu sáng (kể cả biển đường) và các loại tương tự như biển quảng cáo và biển đề địa chỉ bằng bất kỳ loại vật liệu nào với điều kiện có nguồn sáng cố định thường xuyên. Vậy ta có thể xếp mặt hàng này vào nhóm 9405 với phân nhóm 9405.60.</p>



9	9405.40.90	Đèn ngủ bằng gốm xuất khẩu sang thị trường Đông Âu	Theo nguyên tắc phân loại 2b và 3a và chú giải I.1 của nhóm 9405 là các loại đèn thuộc nhóm này có thể làm từ bất kỳ vật liệu gì (trừ những vật liệu được mô tả trong chú giải 1 chương 71- những kim loại quý và nửa quý....)... và nhóm này bao gồm các loại đèn thường dùng để chiếu sáng trong phòng như đèn treo, đèn chụp, đèn trần, đèn chùm, đèn tường, đèn thường, đèn bàn, đèn ngoài, đèn giường, đèn ngủ, đèn kín nước. Vậy ta có thể xếp "đèn ngủ bằng gốm" vào nhóm 9405 với phân nhóm 9405.40.
10	940510.93	Đèn chùm bằng thủy tinh dùng để trang trí nội thất, nhập khẩu từ Tiệp Khắc.	Giải thích tương tự như trên, ta có thể xếp mặt hàng này vào nhóm 9405 với phân nhóm 9405.10.
11	901849.00	Ghế của nha sĩ có lắp các thiết bị dùng trong nha khoa.	Chú giải 1(ij) của Chương 94
<b>C. 95</b>			
<b>Đồ chơi, dụng cụ dùng cho giải trí và thể dục, thể thao; phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của chúng</b>			
1	950100.11	Xe ba bánh dùng cho trẻ em.	Theo nguyên tắc phân loại 1 và chú giải A.1 của nhóm 9501 tức là nhóm này bao gồm những loại đồ chơi thường được thiết kế cho trẻ em đẩy hoặc bằng bàn đạp, tay kéo, hoặc các dụng cụ đơn giản khác mà truyền lực tới các bánh thông qua xích hoặc gậy ..... bao gồm những loại xe ba bánh của trẻ em và những loại tương tự ...Vậy xe ba bánh dùng cho trẻ em được xếp vào nhóm 9501 với phân nhóm 9501.00.
2	950390.00	Khẩu súng đồ chơi bằng nhựa.	Dựa vào nguyên tắc phân loại 1 và chú giải tổng quát của chương : "những sản phẩm của chương này, nhìn





3	950349.00	Robot bằng nhựa dùng làm đồ chơi cho trẻ em	<p>chung có thể làm từ bất kỳ vật liệu gì trừ ngọc trai nuôi cấy hay tự nhiên, đá quý hay đá nửa quý (tự nhiên, tổng hợp hoặc tái tạo), kim loại quý hoặc kim loại mạ kim loại quý. Tuy nhiên chúng có thể kết hợp một thành phần nhỏ của những loại vật liệu này. " và chú giải A.2 của nhóm 9503: "nhóm này bao gồm: súng và súng lục đồ chơi.". Vậy ta có thể xếp mặt hàng này vào nhóm 9503 với phân nhóm 9503.90.</p> <p>Theo nguyên tắc phân loại 3 &amp; 4, chú giải tổng quát và chú giải A.1 của nhóm 95.03: "đồ chơi hình con vật và loại không phải hình người, dù cho có những đặc điểm về cơ thể chủ yếu giống người (ví dụ như thiên thần, robot, quỷ, quái vật), kể cả những loại này dùng trong các biểu diễn rối". Vậy ta có thể xếp robot bằng nhựa vào nhóm 9503 với phân nhóm 9503.49.</p>
4	950590.00	Mặt nạ bằng nhựa dùng làm đồ chơi cho trẻ em.	<p>Theo nguyên tắc phân loại 3a và chú giải A.3 của nhóm 9505 các trang phục khác thường mặc trong các buổi lễ, ví dụ .., mặt nạ, tai và mũi giả, tóc giả, râu và ria giả và mũ giấy. Tuy nhiên, nhóm này loại trừ những trang phục khác thường làm bằng vật liệu dệt, thuộc chương 61 hoặc 62. Vậy ta có thể xếp "mặt nạ" vào nhóm 9505, phân nhóm 9505.90</p>
5	950590.00	Kèn trumpet bằng các tông	<p>Theo nguyên tắc phân loại 1 và chú giải A.4 của nhóm 9505 thì nhóm này bao gồm bóng ném bằng giấy hoặc</p>



6	950629.00	ống thở dưới nước dùng cho người bơi hoặc thợ lặn.	bông mọc, băng giấy màu, kèn trumpet bằng các tông, công fét ti... Vậy ta có thể xếp mặt hàng đưa ra vào nhóm 9505 với phân nhóm 9505.90. Theo nguyên tắc phân loại 1 và chú giải B.2 của nhóm 95.06 thì nhóm này bao gồm: ván lướt nước, ván lướt sóng, ván buồm và các thiết bị thể thao dưới nước, như ván trượt, cầu trượt...và mặt nạ để thở loại được dùng mà không cần ô xy và chai khí nén, và ống thở đơn giản dùng cho người bơi và thợ lặn. Vậy ta có thể xếp mặt hàng này vào nhóm 9506, phân nhóm 9506.29.
7	950699.30	Lưới dùng cho môn bóng đá	Theo nguyên tắc phân loại 3c và chú giải B.9 của nhóm 9506 ta thấy nhóm này bao gồm các loại lưới cho các môn thể thao. Vậy ta xếp mặt hàng "lưới dùng cho môn bóng đá" vào nhóm 9506, phân nhóm 9506.99.
8	950699.40	Băng đầu dùng để tập thể dục hoặc chơi các môn thể thao khác.	Theo nguyên tắc phân loại 3c và chú giải B.13 của nhóm 9506 thì nhóm này bao gồm các trang bị bảo vệ cho các môn thể thao hoặc trò chơi như mặt nạ dùng để đấu kiếm, bộ phận áo giáp che ngực, băng khuỷu tay và đầu gối..... Vậy ta có thể xếp băng đầu vào nhóm 95.06, phân nhóm 9506.99.
9	950490.00	Bàn cờ tướng bằng nhựa	Theo nguyên tắc phân loại 3c, chú giải tổng quát và chú giải 12 nhóm 9504 thì nhóm này bao gồm bàn cờ, con cờ dùng cho các môn chơi cờ vua, cờ tướng, cờ đam,..... Vậy ta có thể xếp bàn chơi cờ tướng vào nhóm 9504, phân



10	950320.00	Máy bay bằng nhựa, có khả năng chuyển động được dùng làm đồ chơi cho trẻ em	nhóm 9504.90. Theo nguyên tắc phân loại 1, chú giải tổng quát và chú giải B của nhóm 9503, nhóm này bao gồm những mẫu đồ chơi dùng chủ yếu cho mục đích giải trí như mẫu thu nhỏ hoặc hoạt động được của thuyền, máy bay, tàu hỏa, xe cộ... Vậy ta có thể xếp "máy bay bằng nhựa, có khả năng chuyển động được dùng làm đồ chơi cho trẻ em" vào nhóm 9503, phân nhóm 9503.20.
<b>C. 96 Các mặt hàng khác</b>			
1	961519.10	Lược chải đầu làm bằng sừng trâu.	Theo nguyên tắc phân loại 1, chú giải tổng quát và chú giải 2 của nhóm 96.15, ta có thể xếp mặt hàng "lược chải đầu làm bằng sừng trâu" vào nhóm 9615, phân nhóm 9615.19.
2	960190.12	Hộp đựng thuốc lá làm bằng đồi mồi.	Theo nguyên tắc phân loại 2.b và chú giải B.1 của nhóm 96.01, nhóm này bao gồm hộp đựng xì gà, thuốc lá, hộp đựng thuốc lá hít, hộp đựng phấn, thắt lưng .... Vậy ta xếp hộp đựng thuốc lá và nhóm 9601, phân nhóm 9601.90.
3	960200.90	Miếng hình tròn nhỏ bằng gelatin chưa làm cứng để dán vào đầu gậy chơi bia.	Theo nguyên tắc phân loại 2.b và chú giải II.8 (i) của nhóm 9602, nhóm này bao gồm:....miếng hình tròn nhỏ để dán vào đầu gậy chơi bia. Vậy ta có thể xếp mặt hàng vừa nêu vào nhóm 9602, phân nhóm 9602.00.
4	960310.00	Chôi chít xuất khẩu sang thị trường Đông Âu.	Theo nguyên tắc phân loại 1 và chú giải A của nhóm 9603, chôi, bàn chải, gồm các cành nhỏ hoặc các chất liệu thực vật khác buộc lại với nhau, có hoặc không có tay cầm, Vậy ta có thể xếp mặt hàng này vào nhóm



5	960329.90	Bàn chải trong máy hút bụi.	9603, phân nhóm 9603.10. Theo nguyên tắc phân loại 1, và chú giải B.(III) của nhóm 9603, nhóm này cũng bao gồm cả những loại bàn chải dùng cho các thiết bị gia đình dùng điện (ví dụ, máy đánh bóng sàn, máy hút bụi). Vậy ta có thể xếp "bàn chải trong máy hút bụi" vào nhóm 9603, phân nhóm 9603.29.
6	960500.90	Bộ đồ gồm một hộp nhựa, bàn chải, lược, kéo, nhíp, dũa móng tay, gương, , hộp dao cạo và các dụng cụ sửa sang móng tay.	Theo nguyên tắc phana loại 1 và chú giải (i) của nhóm 9605 thì nhóm 9605 thì bộ đồ vệ sinh cá nhân bao gồm: hộp nhựa, bàn chải, lược, kéo, nhíp, dũa móng tay, gương, , hộp dao cạo và các dụng cụ sửa sang móng tay. Vậy ta có thể xếp bộ đồ nêu trên vào nhóm 9605, phân nhóm 9605.00.
7	961380.00	Bật lửa dùng điện	Theo nguyên tắc phân loại 1 và chú giải 2 của nhóm 9613, ta thấy nhóm này bao gồm: bật lửa dùng điện, dòng điện từ nguồn chính hoặc một ắc quy tạo ra ngọn lửa, hoặc ở những loại nhất định, hoặc bốc cháy trong một điện trở. Vậy ta có thể xếp vào nhóm 9613, phân nhóm 9613.80.
8	961210.20	Ruy băng dùng cho máy in của máy tính	Theo nguyên tắc phân loại 1 và chú giải 1 của nhóm 9612 thì nhóm này bao gồm ruy băng đã hoặc chưa cuộn thành ống hoặc để trong vỏ ruy băng dùng cho máy chữ, máy tính, hoặc những loại máy khác có kết hợp một dụng cụ để in bằng ruy băng ...Vậy ta có thể xếp ruy băng dùng cho máy in của máy tính vào nhóm 9612, phân nhóm 9612.10.
9	961000.00	Bảng foóc mi ca (FORMICA) đã đóng khung hoàn chỉnh.	Theo nguyên tắc phân loại 2b, 3a và chú giải nhóm



10	960910.10	Bút chì có lõi bằng chì đen và vỏ bằng giấy.	<p>9610, nhóm này bao gồm bảng đá và các loại bảng, được thiết kế để viết hoặc vẽ bằng bút chì đá đen, phấn, bút dạ, ni (ví dụ như bảng đá học sinh, bảng đen và bảng thông báo nhất định.) .VẬY ta có thể xếp vào nhóm 9610, phân nhóm 9610.00.</p> <p>Theo nguyên tắc phân loại 1 và chú giải B của nhóm 9609 thì bút chì và bút chì màu có lõi chì với vỏ bằng gỗ, nhựa hoặc trong một số trường hợp có vỏ bằng giấy, vậy ta có thể xếp bút chì có lõi bằng chì đen và vỏ bằng giấy vào nhóm 9609, phân nhóm 9609.10.</p>
----	-----------	--	--



<b>P. XXI C. 97</b>	<b>Các tác phẩm nghệ thuật, đồ sưu tầm và đồ cổ.</b>		
1	970110.00	Tranh lụa cổ được vẽ bằng tay.	Theo nguyên tắc phân loại 1 và chú giải A của nhóm 9701, thì nhóm này bao gồm tranh vẽ, tranh phác hoạ và trang bột màu (tranh cổ hoặc tranh hiện đại), được làm hoàn toàn bằng tay, những tác phẩm này có thể dưới dạng tranh dầu, tranh sáp, tranh màu keo, tranh nhựa acrylic, tranh màu nước, tranh bột màu, tranh vẽ bằng phấn màu, tranh tiểu hoạ, tranh vẽ bằng bút chì, tranh vẽ bằng than củi hoặc bút máy, ...vv... được thực hiện trên bất kỳ loại vật liệu nào. Vậy ta có thể xếp tranh lụa cổ vẽ bằng tay vào nhóm 9701, phân nhóm 9701.10.
2	970190.10	Tranh ghép bằng hoa khô trên nền gỗ, đã qua xử lý hoá học.	Theo chú giải B của nhóm 97.01 thì nhóm này bao gồm tranh ghép và phù điêu tương tự, có chứa những mẫu, miếng của các loại động vật, thực vật khác nhau hoặc các vật liệu khác, được sắp xếp để tạo thành một bức tranh hoặc bức tranh trí hoặc trang trí và dán hoặc gắn bằng cách khác vào gỗ, giấy hoặc nguyên liệu dệt. Vậy ta có thể xếp mặt hàng nêu trên vào nhóm 97.01, phân nhóm 9701.90.
3	970300.00	Tượng phật bà, có tuổi trên 100 năm bằng sứ.	Theo nguyên tắc phân loại 1 và chú giải nhóm 97.03 thì nhóm này bao gồm các nguyên bản tác phẩm điêu khắc và tượng tạc làm bằng mọi vật liệu, cổ hoặc hiện đại. Vậy ta có thể xếp mặt hàng này vào nhóm 9703.



TAILIEUXNK.COM

4	970600.00	Lọ hoa bằng sứ có tuổi trên 100 năm.	Theo chú giải 3 của nhóm 9706, thì nhóm này bao gồm các loại đồ cổ có tuổi trên 100 năm , với điều kiện không thuộc các nhóm từ 9701 đến 9705, và nhóm này bao gồm lọ hoa và các sản phẩm bằng gốm khác. Vậy mặt hàng "lọ hoa bằng sứ có tuổi trên 100 năm" vào nhóm 9706.
5	970190.90	Tranh ghép bằng các nguyên liệu như hoa khô, lá, cành, đã được phơi khô, nhuộm màu và xử lý hoá học.	Theo nguyên tắc phân loại 3(B) và 3(C), và chú giải của nhóm 9701 thì ta có thể xếp " Tranh ghép bằng các nguyên liệu như hoa khô, lá, cành, đã được phơi khô, nhuộm màu và xử lý hoá học. " vào nhóm 9701, phân nhóm 9701.90.



## Bài tập và lời giải một số ví dụ về phân loại hàng hoá

Ví dụ - Phân loại mặt hàng sau đây: "áo sơ mi choàng của phụ nữ, được dệt kim, làm bằng sợi polyeste".

Bước	Người sử dụng phải:
1	Đảm chắc là các Quy tắc diễn giải chung (GIRs) đã được hiểu rõ ràng.
2	Tìm kiếm trong các trang từ iV1 đến iV5 của Danh mục HNXNKVN và tìm thấy Phần XI bao gồm "Nguyên liệu dệt và sản phẩm dệt", trong Phần đó Chương 61 liên quan đến "Quần áo và hàng may mặc sẵn, dệt kim, đan hoặc móc" nhìn có vẻ thích hợp.
3	Đọc các Chú giải của Phần XI và các Chú giải của Chương 61. Khi không có các chỉ dẫn nào đưa ra mà dựa theo đó người sử dụng có thể phân loại sản phẩm này ở nơi khác trong Danh mục, tiếp tục xem đến các nhóm 4 chữ số trong Chương 61.
4	Tìm thấy nhóm "61.06" trong đó ghi là "áo sơ mi, áo sơ mi choàng dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim, đan hoặc móc".
5	Trong nhóm này có tất cả 3 phân nhóm 8 chữ số, trong đó có 1 phân nhóm đề cập đến bông (phân nhóm 610610.00 "Bằng bông"), 1 phân nhóm đề cập đến sợi nhân tạo (phân nhóm 610620.00 "Bằng sợi nhân tạo hoặc tổng hợp") và 1 phân nhóm đề cập đến chất liệu khác (phân nhóm 610690.00 "bằng vật liệu dệt khác"). Vậy vấn đề ở đây là polyeste thuộc phân nhóm nào?. Vì thế phải tiến hành kiểm tra có Chú giải thích hợp. Chú giải 1 của Chương 54 "Sợi filament nhân tạo" nói rõ là sợi polyeste phải được phân loại là "sợi tổng hợp". Vậy sản phẩm này phải được phân loại vào phân nhóm 610620.00 - áo sơ mi, áo sơ mi choàng dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim, đan hoặc móc, bằng sợi tổng hợp.

## II. Các bài tập thực hành

### Phần I





*Yêu cầu:* Xác định nhanh vị trí của những nhóm hàng sau ở cấp độ Chương, nghĩa là xác định mã 4 chữ số. Trong bài tập này, chưa đòi hỏi học viên phải thực hiện mọi qui định mà chỉ nhằm định hướng vào các Chương có liên quan

1. Bò tót dùng cho các cuộc đấu bò;
2. Lát cá thu để xuất khẩu;
3. Tim gan lợn dùng làm thực phẩm dùng cho người;
4. Cánh gà tây;
5. Bột thịt bò dùng để nấu súp;
6. Trứng chim cút đã luộc chín;
7. Pho mát dê;
8. Bột phế liệu cá dùng cho nuôi gia súc;
9. Tinh dầu thơm của cà cuống; Và
10. Lông vịt xuất khẩu.

### Chương 1

1. Cừu thuần chủng dùng để làm giống nhập khẩu từ Mông cổ;

Lưu ý: cừu này là giống thuần chủng dùng để lai tạo, nghĩa là mục đích sử dụng chủ yếu là để làm giống

2. Cừu sống dùng để giết thịt, nặng 30 kg;

Lưu ý đến trọng lượng của đơn vị tính

3. Dê nhập khẩu từ Trung quốc, nặng 34 kg dùng để giết thịt;

4. Gà trống sống nặng 500 gram, dùng để giết thịt;

5. Chim bồ câu sống, còn non dùng để làm thực phẩm;

6. Gà tây trọng lượng 180 gram;

7. ếch, baba, rùa sống xuất khẩu sang Trung quốc, đựng trong sọt tre loại 20 kg dùng để làm thực phẩm. Số lượng 10 sọt;

8. Ngựa đua thể thao nhập từ Ba lan;

9. Khỉ và voi Ma mút xuất xứ Châu Phi nhập khẩu để phục vụ cho liên hoan xiếc quốc tế (lưu ý: loại khỉ này thường đi cùng với gánh xiếc lưu động). Số lượng 10 con;

10. Động vật chết (bò giống) trong quá trình vận chuyển đường biển, không thể giết để tiêu dùng của con người mà chỉ có thể được dùng làm phân bón. Loại bò này có xuất xứ Châu Phi trọng lượng mỗi con 50 kg. Số lượng 15 con;

11. Rắn hổ mang của người dụ rắn biểu diễn rong (Nhập từ ấn độ);

12. Lợn con dùng làm giống nhập khẩu từ Trung quốc, nặng mỗi con 3 kg. Số lượng 50 con ;

13. Lợn rừng đực (hoang dã) Đông Nam á trọng lượng 70 kg dùng để giết thịt;

14. Ngựa sống (của gánh xiếc lưu động).



## Chương 2

Để thực hiện các bài tập của chương này, học viên cần lưu ý đến đúng bản chất hàng và tình trạng của những hàng hoá này như ướp lạnh, ướp đông

1. Đùi ếch đông lạnh xuất khẩu trong thùng gỗ;
2. Gan cầm đông lạnh, dùng để làm thực phẩm;
3. Mỡ lợn, chưa nấu chảy (rán);
4. Thịt ngỗng tươi, không được cắt thành miếng;
5. Thịt trâu, bò các loại nửa con không đầu ướp lạnh;
6. Thịt heo (đùi), ướp lạnh;
7. Thịt cừ non cả con, không đầu, ướp lạnh, nhập khẩu từ úc;
8. Dạ dày bò dùng để làm vỏ xúc xích;
9. Gan bò, ướp đông;
10. Da bò ngâm muối để xuất khẩu, loại nguyên con.

## Chương 3

1. Tôm hùm đá sống (loài *Palinurus*), đựng trong sọt gỗ. Trọng lượng ròng 500 kg. Nhập khẩu từ Việt nam;
2. Mực lột nang, ướp lạnh, xuất khẩu sang Nhật bản (loài *Sepia officinalis*);
3. Sò huyết ướp đông;
4. Bột cá dùng cho người của Trung quốc;
5. Cá trích chặt đầu, tươi;
6. Cá trắm cỏ nhập khẩu từ ấn độ;
7. Cá ngừ khúc ướp đông, xuất khẩu sang Liên minh Châu Âu (EU);
8. Cá ngừ hun khói;
9. Cá Hoàng đế (nước ngọt) dùng để làm cảnh;
10. Cá hồi chiên, rán (dried salmon);
11. Cá mắt lồi, màu vàng, nhập khẩu từ Nhật bản. Số lượng 100 con, vận chuyển bằng đường hàng không (cá nước ngọt);
12. Lát thịt cá hồi Thái Bình Dương (*Oncorhynchus Nerka*), không xương ngâm nước muối, đựng trong thùng gỗ. Tổng trọng lượng 24 kg;
13. Cá Sardin (*Sardina pilchardus*), ướp đông trong sọt nhựa loại 15 kg;
14. Cá bống thệ nguyên con, ướp lạnh trong sọt nhựa để xuất khẩu (lưu ý: cá loại này chưa được tẩm gia vị).



#### Chương 4

1. Trứng vịt muối Cần thơ xuất khẩu (chưa bóc vỏ);
2. Trứng chim cú tươi dùng để làm giống ;
3. Lòng đỏ trứng chim, đã sấy khô ;
4. Sữa tươi , trong đó hàm lượng chất béo là 3%;
5. Kem tươi (Fresh cream), hàm lượng chất béo chiếm 8% trọng lượng, chưa pha thêm bất cứ chất ngọt hoặc đượ nào nhập khẩu từ Hà Lan, loại này chưa qua bất kỳ một quá trình chế biến nào cả;
6. Cánh gia cầm (gà), chưa chặt mảnh, đã được ướp lạnh ;
7. Pho mát vân xanh, nhập khẩu từ Pháp;
8. Sữa đặc có đường đã pha thêm hương liệu, hoa quả (hộp 397 gram, đựng trong thùng các tông, 1 thùng 24 hộp hiệu " Ông Thọ" xuất khẩu);
9. Mật ong tự nhiên Đắc Lắc xuất khẩu;
10. Tổ yến xào Khánh Hoà xuất khẩu, hiệu " Seabird";
11. Hãy nêu 3 tiêu chuẩn để phân loại pho mát trong nhóm 04.06.

#### Chương 5

1. Tóc (người) chưa qua tinh chế;
2. Vỏ động vật thân mềm, thô;
3. Lông đuôi của bò đực (hair obtained from ox tail);
4. Lông vịt, chưa qua chế biến;
5. Ngà voi chưa qua chế biến;
6. Mai rùa, chưa qua gia công;
7. Răng nanh lợn lòi (lợn rừng), chưa qua gia công;
8. Tinh dịch bò rừng (làm giống);
9. San hô;
10. Bột biển tự nhiên (gốc động vật);
11. Dạ dày lợn, dùng làm thức ăn đặc sản.



## **Phần II**

### **Chương 6**

1. Hành tây nhập khẩu dùng để làm giống;
2. Cây hoa hồng ghép;
3. Cây hoa Tuy líp tươi nhập khẩu từ Hà lan;
4. Lọ hoa hình bầu dục trong đó người ta để một bó hoa, chưng hàng dùng làm quà tặng;
5. Phân loại như thế nào đối với cây thông Nô-en;
6. Nấm tươi, chiều cao khoảng một cen-ti-met;
7. Địa y sấy khô để làm vị thuốc bắc.

### **Chương 7**

1. Khoai lang tươi, mới thu hoạch ở ruộng;
2. Ớt quả Jamaica đựng trong sọt tre được ướp lạnh;
3. Dưa chuột, tươi ;
4. Măng tươi;
5. Nấm mỡ tươi;
6. Cà tím tươi;
7. Rau muống khô ;
8. Cây Atiso (dùng làm nước giải khát);
9. Bắp ngô non (dùng làm rau);
10. Củ hành tây được bảo quản bằng hơi lưu huỳnh (chống héo);
11. Các chủng hàng sau sẽ được phân loại vào Chương 7 hay không, cho biết lý do:
  - Măng tây, luộc chín bằng nước và ướp đông
  - Củ từ, luộc chín bằng nước và ướp đông

### **Chương 8**

1. Hãy cho biết hoa quả ướp lạnh có được phân loại trong cùng nhóm với hoa quả tươi không ?
2. Dứa quả xuất xứ Côt đi voa, loại A;
3. Lê quả nhập khẩu từ Trung quốc ;
4. Xoài tượng xuất xứ Mali;
5. Đu đủ Braxin ;
6. Nhân hạt điều khô Đồng nai, chưa qua chế biến ;
7. Quả thanh long Sông Bé, tươi;



TAILIEUXNK.COM

8. Dừa quả tươi Philipin xuất khẩu ;
9. Mơ khô xuất khẩu;
10. Chà là ả rập ;
11. Hạt dẻ, chưa bóc vỏ;
12. Dâu tây ướp đông;
13. Quả chà là nghiền vụn có được phân loại vào đây hay không ?

### Chương 9

1. Hạt cà phê Arabica II (cà phê chè) và Robusta thô nhập khẩu từ Brazil, đóng gói bao 60 kg, loại này chưa rang, chưa khử cafein;
2. Chè Paragoay, loại hảo hạng;
3. Bột Vani do Trung quốc sản xuất;
4. Quế xay vụn;
5. Hạt tiêu Sarawak (Malayxia) và Muntok đen trắng, chưa xay xát;
6. Chất thay thế cà phê, có chứa 15 % cà phê;
7. Quế vỏ Madagasca;
8. Gừng Nigiêria;
9. Hạt thì là ả độ ;
10. Hạt cần tây ả độ ASTA;
11. Cà phê hoà tan đã khử chất Cafein do các nước G7 sản xuất;
12. Chè đen đã ủ men đóng gói bằng hộp sắt tây, trọng lượng 500 gram/hộp;
13. Cà phê sữa VINAMILK, đóng gói nhỏ để bán lẻ loại 100 gram;
14. Đinh hương Comones.

### Chương 10

1. Gạo Mỹ đã xay xát, hạt dài, 10% tấm;
2. Lúa mì trắng úc;
3. Bắp hạt vàng dùng để chăn nuôi. Thử xem ngô trắng dùng để làm giống phân loại vào phân nhóm nào vào đâu ?
4. Gạo thơm 100% loại A xuất khẩu sang Iran, giá 520 USD/tấn;
5. Nếp Ô môn;
6. Gạo dài Long An 108, 5% tấm. Thử xem thóc dùng để làm giống phân loại vào phân nhóm nào vào đâu ?
7. Lúa mạch đen;
8. Tấm gạo;
9. Hạt ngô giống lai BIOSEED 9618;



TAILIEUXNK.COM

10. Kiểu mạch;
11. Hạt lứt mới xay, bỏ trấu;
12. Kê hạt dùng để nuôi chim cảnh.

### Chương 11

1. Hàng viện trợ bão lụt do một hội từ thiện nước ngoài gửi cho nhân dân vùng bị nạn là Khoai tây bột đóng thành bánh, chỉ cần hấp qua là ăn ngay, vậy phân loại vào đâu ?

2. Malt bia do Đan Mạch sản xuất, chưa rang ;
3. Bột ngô dùng để chăn nuôi do Mỹ sản xuất;
4. Tinh bột sắn;
5. Bột mì Trung quốc;
6. Loại hàng sau có thuộc chương này hay không? Nêu rõ lý do Ngô hạt với thành phần tinh bột là 45%, thành phần cặn là 1,8% và độ lọt sàng 500 Mi-crô-met là 88,9%;
7. Bột mịn đậu Hà lan;
8. Bột mịn củ dong riềng;
9. Khoai tây lát;
10. Gluten lúa mì sấy khô.

### Chương 12

1. Đậu tương hạt dùng để làm giống;
2. Lạc nhân Trung quốc HSU- JI (loại đã vỡ mảnh);
3. Lạc vỏ Nghệ An xuất khẩu dùng để ép dầu lạc;
4. Hạt hướng dương dùng để làm giống;
5. Gỗ thân cây Sa nhân dùng để làm thuốc, được cắt thành vảy nhỏ để tiện pha chế vào các vị thuốc bắc ;
6. Hạt sen khô, sấy bằng nhiệt để chống mốc;
7. Củ cải đường tươi, ướp mát, đựng trong thùng nhập khẩu từ Bun-ga-ri;
8. Mía cây thu hoạch bằng cách đốt tại ruộng để làm tăng hàm lượng đường;
9. Rễ nhân sâm Triều tiên được bảo quản trong hộp kín;
10. Hạt bông dùng để làm giống.

### Chương 13

1. Cao (extract) cây Hublông ( Houblont)
2. Nhựa cây thuốc phiện (opium sap)



TAILIEUXNK.COM

### 3. Cam thảo

4. Công ty ABB là công ty chuyên sản xuất các loại máy biến thế. Phục vụ cho sản xuất máy điều chỉnh điện áp, họ phải nhập khẩu loại nhựa cánh kiến đỏ. Bạn thấy lô hàng nhập này có thích hợp với mục đích sản xuất hay không? Nếu đúng, ta sẽ phân loại vào đâu?

5. Hãy phân loại nhựa thông được nhập khẩu để dùng cho các dụng cụ âm nhạc? Thử đoán những dụng cụ này là loại gì? Vị trí xếp loại?

6. Chất chiết xuất quả dầu dùng pha chế thạch đông?

7. Xác định công dụng của Cánh kiến đỏ hoà tan trong cồn? Vị trí xếp loại của chúng hàng này có thuộc Chương 13 hay không?

8. Người ta có lô hàng nhập khẩu là chiết xuất từ cam thảo phục vụ làm bánh kẹo có chứa thuốc bắc, hàm lượng đường 18%. Hãy xếp loại chúng hàng trên

9. Hỗn hợp các chiết xuất thực vật để làm thơm nhà vệ sinh.

10. Hộp thảo mộc nhân tạo có mùi hoa hồng dùng để làm thơm tay dùng trong nhà vệ sinh

## Chương 14

1. Cọc tre tiện tròn đầu, độ dài 02 mét, xuất khẩu, dùng làm đồ trang trí nhà hàng

2. Song mây thô, mới được sơ chế để bảo quản trong vận chuyển đến Bun-ga-ri

3. Rễ cây nhân sâm dùng làm vị thuốc bắc bồi bổ sức khỏe

4. Bông hỗn hợp dùng để nhồi gối trong đó bông gạo chiếm tỷ lệ 65% và bông nhân tạo là 35% được phân loại vào chương nào.

5. Một hợp tác xã thông qua Công ty XNK A để xuất đi rom lúa đã nhuộm màu dùng để làm thảm, có thể phân loại rom này vào trong Chương 14 không?



**Phần III**  
**Chương 15**

1. "Mỡ gia cầm chưa rán" được phân loại trong chương nào sau đây (Chương 2/15/19/21);
2. Có thể phân loại sản phẩm chế biến ăn được có tỷ trọng bơ lớn hơn 15% vào trong Phần III được không ?
3. Dầu dừa thô Philipin;
4. Dầu hướng dương giá CIF Rotterdam, tinh chế của Nga;
5. Dầu lạc hiệu Boatsailing tinh chế, thành phần hoá học không thay đổi, đựng trong chai nhựa, loại 1 thùng 6 can, can 2 kg dùng trong nấu ăn;
6. Dầu đậu tương ở dạng thô;
7. Dầu cá hiệu "**Mecaden**" đã được tinh chế do Mỹ sản xuất;
8. Dầu thực vật thành phẩm (hạt cải) hiệu "**Tường An**" đựng trong chai nhựa loại 2 lít;
9. Mỡ cừu, chưa rán; và
10. Mỡ sườn lợn dạng nước đã được rán.





## Phần IV Chương 16

1. Nếu thực phẩm chế biến có chứa nhiều loại thịt và cá thì sẽ phân loại phân loại theo thành phần nào chiếm tỷ trọng lớn hơn có đúng không ?
2. Nước ép từ thịt gà hiệu "Lucky" đựng trong chai ( sản phẩm tinh chiết). Loại này thường được thêm muối và một số chất để bảo quản. Công dụng là dùng để nấu xúp và một số thức ăn nước. Sản phẩm này do Hồng Kông sản xuất. Số lượng 100 thùng.
3. Cá trích hộp nhãn hiệu "Hạ long", trọng lượng 250gr, trong có dầu và có chứa gia vị vừa để bảo quản, vừa để ăn.
4. Pho mát để kẹp vào giữa cá tuyết (codfish). Thành phần:
  - Pho mát : 74 %
  - Miếng cá tuyết mềm : 26 %  
(Cá tuyết nghiền 22 %)
  - Tinh bột, Sorbitol, muối, hương vị: 4 %Sản phẩm này không được đóng hộp.
5. Cơm gà hải sản đông lạnh, đóng thành gói dùng để bán lẻ. Thành phần như sau:
  - Gạo nấu chín cho thêm gia vị: 62 %
  - Thịt gà: 12 %
  - Thịt cua: 7 %
  - Tôm(Pandan): 7 %
  - Rau: 12 %
6. Trứng cá hồi muối dùng cho ăn điểm tâm đựng trong gói.
7. Các loại tôm đông đã luộc chín và bóc vỏ đóng trong túi, trọng lượng 200 gram
8. Hãy phân loại mặt hàng thức ăn hiệu " La Hay" trong có chứa:
  - Thịt gà nấu ca-ri chiếm tỷ trọng 10%
  - Xúc xích lợn chiếm tỷ trọng 12%
  - Khoai tây thái lát chiếm tỷ trọng 32%
  - Đậu Hà lan luộc để nguyên hạt 48%
9. Chả bò cuốn gồm thịt bò và gia vị có được phân loại vào chương này hay không ?
10. Kheo chân cừu, trong nước sốt bằng rượu vang, muối, gia vị và nước tương mà gi đóng hộp sẽ được phân loại vào vị trí nào ?
11. Cá thu đóng hộp nhãn hiệu Hạ long. Nếu cá thu loại được hun khói (được làm chín trước khi hoặc trong quá trình hun khói) có được phân vào Chương 16 không, tại sao ?
12. *Paella Valenciana* đóng trọng hộp thiếc. Thành phần:
  - + Thịt gà (không phải gà tây và không có xương) 34,5%
  - + Rau các loại: 3,0%
  - + Gạo : 62,5%



TAILIEUXNK.COM

13. Thức ăn thuần chất, đựng trong bình bằng thủy tinh ở dạng bột nhão và dùng để làm thức ăn cho trẻ em. Sản phẩm này có thành phần như sau:

- + Thịt bò :20 gram
- + Cà rốt : 15 gram
- + Khoai tây: 10 gram
- + Cà chua: 5 gram
- Tổng trọng lượng : 50 gram.

14. Trứng cá chép, được tẩm mì chính, gia vị màu, đựng trong lọ thủy tinh. Trọng lượng ròng 125 gram.

### Chương 17

1. Đường mía thô do Cuba sản xuất, đóng bao trọng lượng 50 Kg;
2. Kẹo cao su hiệu "DOUBLEMEAN" do Mỹ sản xuất;
3. Kẹo chống ho có chứa chiết suất cam thảo với tỷ lệ đường sa-ca-rô;
4. Đường sản xuất tại châu Âu dùng để uống cà phê, đóng hộp 400 viên, trọng lượng 200 gam;
5. Sô-cô-la Thụy Sĩ có tỷ trọng bơ ca cao 18%, đường 20%, hạnh nhân 28% và các chất phụ trợ khác;
6. Nước tương glu-cô dùng để truyền cho bệnh nhân bị mất nước;
7. Người ta nói rằng mật mía sẽ được phân xếp vào nhóm 17.03, vậy bạn hay lý giải những cơ sở để đưa ra vị trí xếp loại này căn cứ vào những cơ sở thể hiện trong phần lý luận của Phần hay của Chương, nếu cần, có thể sử dụng cả các chương khác để minh họa;
8. Bạn hay định nghĩa bằng các tài liệu khoa học các loại đường lac-tô-da, sa-ca-rô, man-tô, gluy-cô, frúc-tô;
9. Mật mía thu được từ quá trình tinh chế đường;
10. Mật ong nhân tạo có thể phân loại vào Chương 04 được không ?
11. Bã mía và phế liệu từ quá trình sản xuất đường sẽ được phân loại vào Chương nào và cụ thể là Phân nhóm nào ?

### Chương 18

1. Ca cao hạt rang;
2. Kẹo đường có chứa ca cao. Loại không có nhân;
3. Kem Sô cô la chế biến theo thực đơn của Mỹ;
4. Bánh kem nhiều lớp trong đó có một lớp ca cao, tỷ lệ về trọng lượng là 49,5% là ca cao;
5. Bánh bích qui trong có nhân gồm sô cô la và hạnh nhân, đóng hộp trọng lượng 250 gam;
6. Rượu mùi sô cô la, độ cồn 40oC, sản xuất tại Nhà máy rượu Hà nội;



TAILIEUXNK.COM

7. Người ta hiểu thế nào là "mảnh vụn phế liệu của ca cao" ?
8. Bột ca cao có trộn thêm bột sữa được gói sẵn trọng lượng trên 2 kg;
9. Sữa chua hiệu "**Con bò**", có tỷ lệ 60% ca cao;
10. Bơ ca cao; và
11. Các sản phẩm sau đây: Kẹo có chứa ca cao, Ete đường, viên ngậm chống ho có bọc đường được phân loại vào chương nào trong số các chương sau đây : 18 / 29 / 17.

### Chương 19

1. Mì, gà ăn liền thập cẩm hiệu "Hạnh phúc" xuất khẩu sang Cộng hoà Séc (gói 85 gram, thùng 100 gói), loại không có trứng;
2. Bánh Snack tôm, loại cua mặn do Thái Lan sản xuất (gói 100 gram);
3. Bánh qui mặn ngọt các loại, loại đựng trong hộp sắt tây do Thái Lan sản xuất ;
4. Bột dinh dưỡng hiệu "**Ceralac**" (400 gram/ hộp) do Hồng Kông sản xuất, (trong đó tỷ trọng ca cao 30 %) dùng cho trẻ em;
5. Mỳ ống Spagetty (kiểu Italia) do các nước ASEAN sản xuất (loại có trứng);
6. Bánh mì giòn;
7. Bánh đa nem xuất khẩu ;
8. Bông ngô;
9. Kem trứng làm từ lòng trắng trứng và đường có được phân loại vào Chương này hay không;
10. Ốc sên dạng chế biến thành từng nhân, nằm trong từng vỏ ốc, toàn bộ để trong một hộp bọc giấy kín để dễ hâm nóng. Thành phần gồm 48% thịt ốc sên và những gia vị và chất độn chiếm tỷ lệ 52%; và
11. Cơm gà nấu ca ri ăn liền đông lạnh làm từ gạo đã nấu chín có kèm theo các thức ăn như thịt gà, đóng trong túi ni lon kín 250 gam. Trong đó tỷ trọng thịt gà chiếm 30,4% do Singapore sản xuất.

### Chương 20

1. Nước cà chua ép có tỷ trọng theo chiết suất khô dưới 7%, sản xuất ở Mỹ, đóng hộp 200ml;
2. Nước táo ép đóng chai 1000ml, hiệu "**Con chim**";
3. Nước cam ép ướp đông hiệu "**FANTA**";
4. Dứa hộp xuất khẩu;
5. Bắp ngô non xuất khẩu (dùng làm rau), đã luộc chín, đóng trong hộp 200 gam;
6. Chế phẩm rau quả, được làm giàu Vi-ta-min, đóng trong hộp 4 định suất, dùng cho trẻ em từ 06 tháng tuổi đến 12 tháng tuổi;



TAILIEUXNK.COM

7. Hãy xếp loại củ từ đã được luộc bằng nước và ướp lạnh, đóng bao 400 gam;
8. Bơ chiết suất từ "quả lạc" (peanut butter), loại bơ này có thành phần chính là một chất bột nhão được làm ra bằng cách xay xát và nghiền lạc nhân đã được rang, có hoặc không có muối hoặc các loại dầu thêm vào, đóng trong hộp kín 150 gr, xuất khẩu sang Tây Âu;
9. Chè đen đã được ướp hương sen;
10. Bánh nhân hoa quả (hoa quả được chế biến với bột nhão);
11. Lát khoai tây được nấu chín trong dầu và sau đó được ướp đông và đóng trong gói kín dùng để làm thức ăn, nhãn hiệu " **Knodel**" và " **Klosse**" do Đức sản xuất; và
12. Tâm sen bọc đường, đóng trong bao ni lông xuất khẩu sang thị trường E.U.

## Chương 21

1. Cà phê cô đặc;
2. Bột ngọt hiệu " **MIWON**" được đóng thành gói loại 454 gram, thùng 40 gói, để bán lẻ, Indonexia;
3. Ma gi dùng để ăn chay;
4. Kem Sôcôla;
5. Nước mắt ;
6. Kẹo Chewing Nicotin, dạng thanh bao gồm 2 hoặc 4 mg Nicotin kết với nhựa trao đổi iông, Pôlyme tổng hợp, Các bô nát Nát ri, Sorbitol và hương liệu, nói chung có vị khói thuốc lá, cho người muốn bỏ thuốc lá sử dụng;
7. Hộp Trà sâm uống liền nhập khẩu từ Hàn quốc;
8. Nước sốt làm từ trai hên với thành phần như sau:
  - Trai đã luộc chín và xắt nhỏ: 30%; - Đường: 1,9%
  - Tinh bột : 40%; - Gia vị cay: 0,1%
  - Sốt đậu Hà lan: 8%
9. Hãy xếp loại sản phẩm sau:

Chế phẩm tổng hợp thực phẩm đồng nhất, được đóng thành gói để bán lẻ có trọng lượng 240 Gr, có thành phần:

  - Thịt: 30%; - Cá: 20%;
  - Rau: 45% ; - Hoa quả: 5%

Nếu trọng lượng của một đơn vị của mặt hàng trên là 280 gam thì ta sẽ phân loại ra sao ?  
Hãy giải thích lý do ?
10. Viên ăn kiêng làm từ các loại cây thảo mộc; và
11. Men dùng để sản xuất bia.

## Chương 22



TAILIEUXNK.COM

1. Rượu "**REMY MARIN**", loại thùng 12 chai; 0,7 lít/chai do ý sản xuất;
2. Rượu Vốtka nhập khẩu từ Nga, chai loại 0,75 lít;
3. Nước khoáng tự nhiên, loại đựng trong chai nhựa PET ,loại chai 500- 600 ml, thùng 12 chai;
4. Nước giải khát "**ENERGY REDBUL**" (hiệu **Hai con bò húc**) do Thái lan sản xuất, thùng 24 lon \* 250 ml;
5. Nước ngọt "**COKE, FANTA, SPRITE**";
6. Bia lon **TIGER** (1 thùng 24\*330 ml) ướp lạnh;
7. Bia **DAB** Đức; loại bình 5 lít, 2 bình/ thùng;
8. Rượu vang hiệu **MARTINI BIANCO** 1 lít 1 chai, Pháp sản xuất 12 độ, có ga nhẹ;
9. Nước uống nhân sâm (Ginseng drink) (loại nước uống bổ cho sức khỏe)  
Thành phần:
  - Chiết suất từ cây nhân sâm: 1%; - Cồn: 0,4%
  - Chiết suất thuốc: 8%; - Nước: 80,6%
  - Mật ong: 2%
  - Đường Fructoza: 8%
10. Rượu "**JONHNE WALKER RED LABEL**" loại thùng 24 chai, chai 0,7 lít;
11. Đồ uống Snow Lotus ( Sen tuyết) bao gồm nước tinh lọc, mật ong, đường glucôza, chè, hoa sen tuyết, cây lô hội và vi khuẩn cấy đóng trong chai loại 1 lít dùng để giải khát do Hàn Quốc sản xuất.

### Chương 23

1. a. Khô dầu có được xếp loại vào Chương này hay không ?  
b. Nếu là khô dầu ở dạng viên thu được từ quá trình chiết xuất dầu hương dương thì phân loại vào phân nhóm nào ?
2. Hỗn hợp đầu cá và râu mực được xay thành bột, đóng bao 30 kg dùng để chăn nuôi;
3. Hộp thức ăn với thành phần cơ bản là cá, có trọng lượng 100 gam/hộp dùng cho mèo;
4. Bã ép củ cải đường thu được từ quá trình tinh chế đường;
5. Chúng ta có thể phân loại "bã rượu vang" Chương 22 được không ?, nếu không thì xếp vào đâu (cấp độ 8 chữ số) ?
6. Thức ăn để nuôi chim và cá cảnh các loại;
7. Cặn dầu từ quá trình xử lý dầu cọ có thể phân loại vào các Nhóm từ 23.04 đến 23.06 được không ? Nếu không thì phân loại vào đâu ?
8. Tóp mỡ lợn; và
9. Giấm được phân loại vào đâu ?

### Chương 24



1. Phế liệu thuốc lá cọng;
2. Lá thuốc lá chưa tước cọng, chưa qua chế biến, loại DB 9 Zimbabwe sản xuất;
3. Xi gà hiệu "**LAHABANA**", loại xén 2 đầu;
4. Thuốc lá điều hiệu "**555**" và "**JET**";
5. Bột thuốc lá;
6. Thuốc lá nhai;
7. Xi gà sản xuất ở một nước châu Phi có tấm thuốc phiện;
8. Lá thuốc lá được lên men trước khi đưa sấy để đóng thùng xuất khẩu sẽ được xếp loại vào vị trí nào? hãy phân tích và nêu rõ cơ sở đi đến phân loại như thế;
9. Thuốc lá dùng trong y học được đóng gói dùng để bán lẻ phục vụ cho mục đích hạn chế thói quen hút thuốc lá có được phân loại vào trong Chương 24 không?
10. Cây Canabít đã được sấy khô ( một loại ma túy) có được phân loại vào Chương này không?
11. Có thể phân loại Nicôtin vào Chương 24 không?.



## Phần V Chương 25

1. Xi măng trắng P 500 (PC 40) do Trung Quốc sản xuất hiệu "**TWO RED BULLS**";
2. Xi măng đen P500 Thái lan hiệu "**Kim Cương**" ;
3. Xi măng chịu lửa ;
4. Clanker sản xuất xi măng;
5. Vì sao lưu huỳnh tinh chế được phân xếp vào nhóm 25.03.90 và cao lanh lại được phân vào 25.07;
  6. Đất màu;
  7. Cao lanh (KAOLIN) đặc chế;
  8. Đất sét chịu lửa;
  9. Đá Granit dạng khối xuất khẩu;
  10. Amiăng ở dạng tấm dùng làm bộ thắng (phanh);
  11. Phần vẽ dùng khi chơi Bi-a đóng trong hộp nhỏ để bán lẻ;
  12. Phần vẽ của thợ may; và
  13. Quặng ô xít sắt có chứa mica tự nhiên.
14. Trong số các sản phẩm sau đây sản phẩm nào được phân loại vào Chương 25: cát tự nhiên, được phẩm các loại, đất màu có chứa 80% trọng lượng  $Fe_2O_3$ , đá quý, hồ phách, đá ốp, phần vẽ của thợ may, đá lát đường, đồ gốm vỡ và thạch anh.

## Chương 26

1. Sợi silicát được phân loại vào Chương nào ?, nêu lý do.
2. Loại quặng gì là cơ bản phục vụ cho lò phản ứng hạt nhân ? Vị trí phân xếp loại ?
3. Vảy vàng đãi từ mỏ khai thác ở Cao bằng, còn lẫn tạp chất gồm một số loại quặng kim loại khác ?
  4. Vì sao quặng pi-rit sắt đã nung lại được xếp vào nhóm 26.01.20 ? Phân tích lý do ? Nếu chưa nung thì phân xếp vào đâu ?
  5. Hỗn hợp quặng gồm quặng mô-lip-đen chiếm tỷ lệ 32%, quặng măng-gan 28%, quặng sắt 20% và các loại tạp chất quặng 20%;
  6. Xi của công nghiệp luyện kim dùng như nguyên liệu phụ trợ để làm nguyên liệu trải đường nhằm làm tăng độ ổn định cho mặt nền;
  7. Muối ăn;
  8. Cát tự nhiên đioxit silic;
  9. Thạch anh;
  10. Thạch cao dùng trong y tế, mỹ thuật; và
  11. Sunphát bari tự nhiên.



## Chương 27

1. Dầu thô Bạch thổ và Đại hùng;
2. Dầu Mazút (FO);
3. Benzen để dùng trong phòng thí nghiệm;
4. Than bùn đóng bánh;
5. Hắc ín (nhựa đường);
6. Xăng MOGAS 92 và 83, xuất xứ Singapore;
7. Nhiên liệu Naphtha, xuất xứ Cô oét;
8. Dầu hoả;
9. Dầu gốc SN 700, SN 150;
10. Xăng máy bay (nhiên liệu bay) JET A1;
11. Khí đốt từ dầu mỏ, hoá lỏng, tự nhiên, khai thác từ mỏ Đại hùng;
12. Điện xuất khẩu sang Lào;
13. Métan tự nhiên (ở dạng khí);
14. Dầu DIESEL (DO); và
15. Chế phẩm bôi ngoài da dùng cho người hiệu SKY, đóng trong hộp nhựa màu mận chín, trọng lượng 80 gam, sản xuất tại Úc.





## Phần VI Chương 28

1. Ô xít kẽm;
2. Chì đỏ;
3. A-xít bô-ric tự nhiên có thể phân xếp vào phân nhóm nào ?
4. Hãy cho ví dụ về những loại các bon không thể xếp loại vào Chương 28 ? Giải thích;
5. Các nguyên tố hoá học riêng biệt có thêm chất ổn định tạo thuận lợi cho việc vận chuyển có được phân loại vào Chương 28 không ?
6. Ô-xít bạc được xếp vào Chương nào ? hãy lý giải ?
7. Hãy xếp loại xia-na-mit can-xi (calcium cyanide) ?
8. Các búa can xi;
9. Thủy ngân;
10. Ni-trat kiềm (potassium nitrate);
11. Khối nhiên liệu đã bức xạ của lò phản ứng hạt nhân được phân loại vào nhóm nào của Chương 28 ?
12. Silíc đã được kích tạp đã được cắt thành hình đĩa dùng trong ngành điện tử được phân loại vào nhóm nào ?, tại sao ?

## Chương 29

1. Long não;
2. Chất nhuộm a-li-da-rin là một hợp chất hữu cơ, sử dụng như chất tạo màu ?
3. Rượu êtylen có thể phân loại vào Chương này được không, nếu không thì phân loại vào Chương nào ?, tại sao ?
4. Chất pa-ra-fin clo có tính chất của sáp nhân tạo, ở thể rắn ? nếu ở thể lỏng thì phân vào đâu ( cấp nhóm) ?
5. Vitamin C ;
6. Kháng sinh penixilin (penicillin) được phân loại vào Chương 29 hay Chương 30 ?
7. A-xê-tat của a-ni-lin (aniline acetate);
8. Enzim có thể được phân loại vào Chương 29 có được không ?, nếu không thì phân loại vào nhóm nào của chương nào (28 / 29/ 30/ 35) ?
9. A-xít stê-a-ric (stearic acid) có độ thuần khiết 92%;
10. Các hợp chất có chức ni tơ được phân loại vào nhóm nào ( nhóm 29.15 / 29.16 / 29.17 / 29.18 / 29.21);
11. Hãy chỉ ra các chất sau đây đâu là chất dẫn xuất đã halogen hoá của hydrocacbon thuộc nhóm 29.03: Bezen, toluen, clorua etylen, trichloroetylen, a xít acrylic và vinyl axetat.



### Chương 30

1. Xi măng dùng để hàn răng (dùng trong nha khoa);
2. Thạch cao đã được nghiền mịn dùng trong nha khoa (phân loại ở cấp nhóm);
3. Phân xếp loại túi thuốc cấp cứu;
4. An-bu-min từ máu chưa được chế biến để phòng bệnh hay chữa bệnh sẽ được phân xếp vào đâu ? Nếu chế biến để phòng bệnh hay chữa bệnh thì sẽ phân xếp vào đâu ?
5. Dầu bạc hà hiệu Con ó, sản xuất tại Singapore, lọ dung tích 5 ml;
6. Chỉ khâu phẫu thuật làm từ ruột động vật, có tính năng tự tiêu ?
7. Dung dịch hấp quang dùng để chụp, chiếu điện kiểm tra dạ dày của bệnh nhân, có pha đường với tỷ lệ 15%;
8. Plastic dùng để làm chân tay giả được phân loại vào chương nào trong các chương sau đây: chương 30 / 39 / 90.
9. Hộp nước sâm với tỷ lệ nhân sâm là 25%, đường là 10%, còn lại là những chất khác;
10. Thuốc Phi-la-tốp uống, mỗi ống 20ml, do Xi nghiệp Dược phẩm I sản xuất.

### Chương 31

1. Phân U rê Indonexia , đóng gói trong bao loại 50 kg;
2. Phân NPK Hàn quốc (phân có chứa 3 thành phần Nito, Phốt pho và Kali);
3. Phân Kali đỏ Nga (Clorua Kali);
4. Phân DAP Mỹ (Ammonium dihydrogenorthophosphate);
5. Phân bón lá sinh học nông nghiệp Bayolan;
6. Phân Ammonium Sunphát dạng rời ;
7. Phân su pe lân Văn Điển;
8. Phân bón từ cá tự nhiên ;
9. Nitrát natri; và
10. Hỗn hợp đất để trồng cây trong chậu gồm đất mùn và nguyên tố làm phân bón (tỷ lệ 26%).

### Chương 32

1. Thủy tinh thu được từ thạch anh nung chảy được phân loại vào nhóm nào;
2. Thuốc nhuộm được đóng gói để bán lẻ được phân loại vào nhóm nào trong số các nhóm sau đây: 32.01, 32.07, 38.08, 32.12 và 32.13;
3. Mực tàu;
4. Mực in (màu đen);



TAILIEUXNK.COM

5. Sơn chịu nhiệt, làm từ polyme vinyl hoà tan trong các dung môi không có nước, do Nhật Bản sản xuất;
6. Phân tích sự khác biệt giữa sơn thuộc nhóm 32.08 và sơn thuộc nhóm 32.09 ?
7. Bảng mực in của máy chữ xách tay;
8. Hãy phân xếp loại " Chất liệu nhựa tự nhiên được sử dụng ở một số nước như ma-tit lấp kính";
9. Chế phẩm dùng để phủ tường như ma-tit;
10. Nước tẩy dùng cho đánh máy (dùng để tẩy vết mực) được đóng trong lọ nhỏ để bán lẻ, sử dụng để chữa lỗi đánh máy (cấp nhóm).

### Chương 33

1. Tinh dầu nguyệt quế ấn độ;
2. Hương cây các loại;
3. Các loại tinh dầu sau đây đều là tinh dầu của các loại quả họ chanh: tinh dầu cam, bưởi, quế, hoa nhài, trà và cam.
4. Tinh dầu gừng;
5. Có thể phân loại xà phòng bột vào Chương 33 không ?
6. Tinh dầu bạc hà Trung quốc;
7. Lọ nước hoa "**Roger Galois**" Pháp;
8. Dầu gội đầu hiệu Palmolive;
9. Brillantine dùng để thoa tóc;
10. Kem đánh răng hiệu "**Colgate**" nhập khẩu từ Mỹ;
11. Nước súc miệng;
12. Phấn rôm hiệu "**Johnson's Baby**";
13. Kem cạo râu, cạo mặt;
14. Kem dưỡng da, xà bông sạch da, kem chống nắng ;
15. Dầu bưởi có pha chất giữ mùi;
16. Dầu chuối;
17. Dầu tắm, nước thơm dùng để tắm cho trẻ em hiệu "**OLAY**" ; và
18. Hương liệu thơm **JA SMIN SUPEREME** dùng để sản xuất mỹ phẩm.

### Chương 34

1. Xà phòng thơm ở dạng bánh dùng cho vệ sinh;
2. Dầu nhờn POWER TROKE 2T ( hộp 0,7 lít 8\* 24 hộp /thùng do hãng BP sản xuất), dùng để bôi trơn xe máy các loại;
3. Có thể phân loại sáp thực vật đã được pha màu vào nhóm 34.04 được không ?



TAILIEUXNK.COM

4. Xà phòng chứa chất diệt nấm, đóng bánh, trọng lượng 100 gam;
5. Dầu tắm và chải lông cho chó;
6. Chế phẩm chống rỉ trong đó 80% là dầu hoả và 20% la-nô-lin;
7. Nến tẩy mùi bằng sáp parafin dùng cho phòng ăn, đóng thành viên hình trụ cao 10 cm, sản xuất tại Pháp;
8. Hương muỗi do Viện Y học nhiệt đới sản xuất;
9. Phân tích những chỉ tiêu gì cho phép ta xác định chất tẩy rửa bề mặt được xếp loại vào Chương này hay vào chương nào khác thích hợp; và
10. Xi đánh giày.

### Chương 35

1. Keo tinh bột đã ê-te hoá;
2. Keo casein dùng trong công nghiệp;
3. Túi cấp cứu khẩn cấp trong có Máu khô do tổ chức Chữ thập đỏ quốc tế viện trợ cho các vùng bị thiên tai, có thể sử dụng ngay tại thực địa bằng pha chế đơn giản, và Huyết thanh khô;
4. Thiếp chúc mừng năm mới làm bằng tấm giê-la-tin (gelatin) màu trắng đục có được phân loại vào Chương 35 không, nếu không thì phân loại vào đâu ?
5. Men có thể được phân loại vào Chương 35 không, nếu không thì vào chương nào ?
6. Anbumin trứng gà chưa được sấy khô dùng cho người;
7. Chế phẩm từ enzym dùng trước khi thuộc da được phân loại vào Chương này được không ?
8. Hãy phân loại dextrin.

### Chương 36

1. Bột thuốc phóng tên lửa đẩy ( propellent powder ) của tàu vũ trụ;
2. Kíp nổ điện;
3. Chất hêc-da-mê-ti-len tê-tra-min (hexamethylenetetramin) ở dạng thanh dẹt dùng làm nhiên liệu đốt cháy ?
4. Nhiên liệu cháy ở thể lỏng đựng trong bình chứa cỡ nhỏ, dung tích 250 cm<sup>3</sup>;
5. Đạn đã tháo hạt nổ dùng cho súng AK, để trong hộp băng kim loại;
6. Pháo hoa nhiều màu dùng cho lễ hội công cộng;
7. Người ta quan niệm lưu huỳnh là chất liệu cơ bản cho mọi loại thuốc nổ, thuốc phóng, hay xem xét và cho ý kiến về quan niệm trên ?
8. Pháo hiệu dùng để báo hiệu trong điều kiện sương mù ?



### Chương 37

1. Phim chụp X quang H90 R7 dùng trong y tế, hiệu CURIX;
2. Phim AGFA Đức in ngay ở dạng phẳng có phủ lớp nhạy sáng;
3. Phim chế bản dùng trong ngành in;
4. Giấy ảnh SFA khổ 650 mm ( ở dạng cuộn ) hiệu FUJI;
5. Bản kẽm in OFFSET, chuyên dùng ngành in dày 0,03 mm, đã tráng, nhập khẩu từ Nhật bản hiệu KONICA;
6. Phim kĩ thuật hiệu FUJI dùng trong điện ảnh, chưa lồng tiếng khổ 40 mm;
7. Hoá chất rửa ảnh ( BZ9 ET 72 BL-R) (hiện ảnh);
8. Hoá chất làm âm bản kẽm đóng gói bán lẻ.

### Chương 38

1. Thuốc trừ sâu thành phẩm KARATE 2.5 đóng gói dùng để bán lẻ do Trung Quốc sản xuất, có thể sử dụng ngay được;
2. Thuốc trừ cỏ SOFIT 300 EC;
3. Hoá chất trợ nhuộm vải (ALOP PRINT PBA);
4. Thuốc nhuộm ngành dệt;
5. Hoá chất thuộc da;
6. Phụ gia dầu nhờn (PARANOX) có chứa dầu mỏ;
7. Dầu làm mềm dẻo cao su;
8. Hoá chất phòng cháy;
9. Dung môi pha sơn KETONE ACETATE;
10. Thuốc diệt nấm;
11. Phụ gia ổn định nhựa ( IMPACK MODIFIER B22);
12. Bột huỳnh quang (kích hoạt );
13. Dầu phanh thủy lực;
14. Chất chống đông lạnh trong thiết bị lạnh;
15. Thuốc HEXAGON ONE-STEP PREGNANCY 05/1997 (dùng để chuẩn đoán thai sớm );
16. Hoá chất xét nghiệm SIDA: SERODIA-HIV 4/1997;
17. Phụ gia sản xuất bê tông ;
18. Nhang muỗi RAID BLACK COIL ;
19. Thuốc trừ nấm ANVIL 5 SC;
20. Thuốc tẩy uế, khử trùng;
21. Thuốc trừ mối " PYRAMIN"; và
22. Bình thuốc xịt muỗi " RAID MAX".



## Phần VII Chương 39

1. Hạt nhựa PVC ( Polyme Clorua Vinyl) , ở dạng bột, chưa được pha trộn với bất cứ chất gì do Nhật Bản sản xuất;
2. Thanh nhựa có kích thước (5\*40\*1800 ) mm do Đài loan sản xuất;
3. ống nước nhựa PVC phi 12 vòi loại cứng, đường kính ngoài 20cm, có 3 lớp, làm từ protylen;
4. Bao bì để sản xuất bánh kẹo bằng PVC, có kích thước (75\*55\*1000) mm cuộn nhập khẩu từ Singapore, ở dạng cuộn;
5. Tấm PVC đã được gia cố bg giấy khổ 2 mét, dày 0,7mm Đài loan sản xuất;
6. Bồn tắm bằng plastic dài 1,7 m có bộ xả do Singapore sản xuất, loại đôi;
7. Thùng nhựa có cách nhiệt, do Mỹ sản xuất loại 30 lít, dùng trong vận chuyển hàng hoá ;
8. Bộ cửa ra vào có cánh gấp bằng nhựa xuất xứ ASEAN;
9. Bộ gương nhà tắm; giá treo khăn, hộp đựng xà phòng, giá treo gương, trục gắn giấy vệ sinh và hộp đựng giấy bằng plastic do Thái Lan sản xuất, hiệu TOTO;
10. Tủ đựng quần áo làm bằng nhựa (375\* 445\*565) mm xuất xứ ASEAN ;
11. Xe ô tô nhựa dùng làm đồ chơi của trẻ em, không có gắn động cơ;
12. Búp bê nhựa của Nga ( hình người);
13. ống nhựa PVC Tiền phong, đường kính (phi) 110\*5 mm có ren 2 đầu, loại cứng; và
14. Ghế nhựa cho trẻ em có thắt lưng buộc ngang bằng chất liệu cao su tổng hợp, khoả bản đồng bằng cơ chế dập.

## Chương 40

1. Bộ lốp xe tải mới, bằng cao su, loại 825-16 hiệu Syam, Thái lan;
2. Bộ lốp máy bay AIRBUS 310;
3. Mũ cao su tự nhiên RSS2, Mã laixia;
4. Cao su hỗn hợp với các loại nhựa tự nhiên, chưa lưu hóa ở dạng tấm ;
5. Cao su lưu hóa xốp , ở dạng tấm dùng làm tấm trải sàn hình chữ nhật;
6. Dây cao su;
7. Săm ô tô con và ô tô tải các loại cao su, hiệu Bridgestone, Đài Loan sản xuất;
8. Găng tay phẫu thuật bằng cao su (lưu hóa) sản xuất tại Đức ;
9. ống nước làm bằng cao su có gia cố kim loại đường kính 4cm ;
10. Băng tải cao su có gia cố kim loại;
11. Băng chuyền dệt liên tục có phủ cao su ( V-belts ), không có đường rãnh, có chu vi 200 cm;
12. Bóng cao su loại nhỏ, dùng làm đồ chơi cho trẻ em;



[TAILIEUXNK.COM](http://TAILIEUXNK.COM)

13. Lớp xe 350-10 mới của xe Vestpa do ý sản xuất; và
14. Mủ cao su Butadien (BR).



## Phần VIII

### Chương 41

1. Da vụn và phế liệu từ gia thô (chưa qua xử lý);
2. Da bò và trâu, nguyên con, tươi;
3. Da rắn Hổ mang ấn độ, ngâm trong dung dịch muối, chưa được thuộc, nhập khẩu dùng để làm ví da của phụ nữ;
4. Da sống của cừu nhập khẩu từ úc , đã được cạo lông và được ngâm trong dung dịch muối;
5. Da cá sấu nhập khẩu từ Thái Lan ( loại này đã được xử lý bằng chất thuộc da gốc thực vật trước khi thuộc ta-nanh);
6. Da vụn từ da bò đã thuộc;
7. Da bò đã được thuộc dầu, nguyên con;
8. Sợi da cừu đã được thuộc, ở dạng cuộn;
9. Da kỳ đà Tây Nguyên xuất khẩu đã được thuộc bằng chất thuộc gốc thực vật trước khi thuộc ta nanh;
10. Da bò đã được thuộc và được tráng phủ một lớp plastic, có nổi vân;
11. Da sống của con Sơn dương Trung Quốc, ngâm trong dung dịch muối, đã được cạo lông, đã được cạo lông;
12. Da trăn Tây nguyên xuất khẩu dùng để làm hàng mỹ nghệ, đã được thuộc bằng chất thuộc gốc thực vật trước khi thuộc ta nanh;

### Chương 42

1. Roi da bò thuộc dùng để điều khiển súc vật;
2. Dây dắt chó làm từ da bò đã được thuộc;
3. Cặp học sinh mặt ngoài làm bằng da bò đã thuộc, mặt trong làm bằng vật liệu dệt;
4. Bao súng bằng da bò (chỉ mặt ngoài);
5. Túi xách đựng nữ trang làm bằng da trăn thuộc. Nhập khẩu từ Thái Lan hiệu "Pierre Cardin", khoá mạ vàng 18K;
6. Găng tay hở ngón hiệu "NIKE" làm bằng da dê thuộc dùng trong thể thao;
7. Thất lưng da tổng hợp hiệu "Crocodile" của Thái Lan;
8. Băng chuyền làm bằng da bò (dùng cho máy ép mía công nghiệp chuyên dụng trong nhà máy đường);
9. Hộp đựng son phấn của phụ nữ thường mang theo khi đi du lịch, làm bằng da trăn thuộc, khung bằng nhôm, độn vật liệu dệt làm căng bề mặt, nhập khẩu từ Hồng Kông (lưu ý: mặt ngoài được làm bằng plastic);
10. Găng tay đi xe máy, để hở các đầu ngón, làm bằng da tổng hợp ;





TAILIEUXNK.COM

11. Bộ đồ yên cương ngựa, làm bằng da tổng hợp, cỡ nhỏ dùng cho ngựa con thuần chủng, phục vụ giải trí của công viên;
12. Ba lô du lịch có mặt ngoài làm bằng da tổng hợp;
13. Găng tay thường làm bằng da lông của thỏ (đã thuộc ta nanh), dùng để chống lạnh;
14. Da dùng làm mặt trống; và
15. Mũ bảo hộ bằng da bò đã thuộc, dạng thô.

### Chương 43

1. Da lông cừu Ashtrakhan và Caracun đã thuộc ta nanh, nguyên con;
2. Da lông chồn Vizôn, còn nguyên con (loại thô);
3. Quần áo bộ bằng lông chồn Vizôn của Trung Quốc;
4. Đồ phụ trợ hàng may mặc bằng da lông của cừu Tây Tạng;
5. Da lông thô của hải ly Bắc Cực, nguyên con, không có đầu, ở dạng tấm;
6. Quần áo làm bằng da lông nhân tạo do Đài loan sản xuất;
7. Da lông của cây hương Tây Nguyên xuất khẩu sang Đài Loan;
8. Da lông nhân tạo nhập khẩu từ Nhật Bản dùng để gia công quần áo, ở dạng cuộn thành những tấm lớn;
9. Mũ làm bằng da lông chồn của phụ nữ;
10. Khăn lông cáo của Hàn Quốc;
11. Lông vịt dùng để nhồi vào gối (đã được xử lý);
12. Da A-stra-khan đã thuộc hay được chế biến hoàn chỉnh, ghép thành tấm tạo miếng da dài và thu hẹp khổ; và
13. áo măng tô làm bằng da cừu toàn phần, được thuộc da bằng qui trình thuộc bằng chất thuộc khoáng sản cùng những chất liệu như muối, khoáng chất, trứng.



## Phần IX Chương 44

1. Gỗ cây sồi loài Quereusspp, chưa bóc vỏ;
2. Than gáo dừa xuất khẩu sang Trung Quốc;
3. Vỏ bào và dăm gỗ của cây thông;
4. Bột gỗ dùng làm hương thơm phục vụ lễ hội;
5. Tà vệt đường ray xe lửa loại đ được thấm tẩm dầu;
6. Mùn cưa đã đóng thành khối, được tăng cường liên kết bằng keo hoá học;
7. Than hoạt tính;
8. Báng súng trường làm bằng gỗ;
9. Bàn gỗ lim dùng trong văn phòng không có ngăn kéo, xuất khẩu;
10. Khung tranh bằng gỗ được phủ sơn mài xuất khẩu sang Đài loan;
11. Thùng tô nô đựng rượu nho bằng gỗ sồi, có đai sắt, làm từ tấm ván cong;
12. Cán để làm chổi quét bằng gỗ;
13. Ván tạp dùng để làm cốp pha xây dựng;
14. Hộp đựng đồ kim hoàn(không có kim hoàn ở bên trong), được khảm trai;
15. Vò đồng hồ treo tường, làm bằng gỗ thông;
16. Xe ô tô thể thao thu nhỏ, bằng gỗ dùng để làm đồ chơi cho trẻ em ;
17. Đồ kim hoàn giả làm bằng gỗ, được mạ kim loại quý;
18. Tàu hút xì gà làm bằng gỗ, được khảm trai;
19. Bút chì đen;
20. Gỗ đai thùng (gỗ thông);
21. Đế ngoài và gót giày bằng gỗ; và
22. Gỗ gu đã được xe theo chiều dọc chưa bào, có độ dày 12 cm, chưa được ghép mộng.

## Chương 45

1. Nút chai rượu bằng lie tự nhiên;
2. Lie tự nhiên, sơ chế;
3. Lie đã được ép;
4. Giày dép có mũ làm bằng vật liệu dệt và đế ngoài làm bằng lie;
5. Lie kết dính ở dạng khối;
6. Lie được ép đặc, cắt thành những tấm hình tròn, trên có trang trí nhiều hình vẽ, dùng làm đế đặt cốc hay ly rượu; và
7. Trong bộ chuyển đổi điện, có một số đế đệm khớp làm bằng lie đã tẩm chất hoá học để tăng độ chịu ma sát.



## Chương 46

1. Bàn ghế làm bằng song mây xuất khẩu sang thị trường EU, đánh véc ni ba lớp;
2. Bàn ghế làm bằng tre đã được chuốt;
3. Chiếu cói Tiền Hải - Thái Bình, được lót mouse và viền vải sạt;
4. Thảm cói chùi chân Tiền Hải - Thái Bình dệt hình trống đồng - phần dệt bằng chất liệu dệt, xuất khẩu sang thị trường Nga;
5. Nón lá nhãn hiệu "Bài thơ Huế", được quét dầu bóng;
6. Sàng tre, cạp bằng song mây;
7. Chụp đèn hình tháp, cạnh thẳng, giữa là phần trống để lắp đèn, bằng mây đan;
8. Đệm cói Nga Sơn - Thanh Hóa có phần được nhuộm màu;
9. Rèm tre dùng để trang trí nội thất xuất khẩu, độ dài 2,5 mét;
10. Giỏ mây đan để làm giỏ đựng hoa quả;
11. Đũa tre, được chuốt mịn, đựng trong túi bìa trong tiệm ăn;
12. Cốt tre để làm bê-tông ;
13. Dép cói, dùng để đi trong nhà; và
14. Cốt ép được tẩm dầu để tăng độ chống thấm.



## Phần X Chương 47

1. Bột giấy từ gỗ cây tùng , chưa tẩy trắng (sản xuất bằng phương pháp hóa học kiềm natri) nhập khẩu từ Trung Quốc;
2. Bìa giấy tái sinh từ giấy krap (bao bì), chưa được tẩy trắng;
3. Bột giấy từ xơ dính hạt bông;
4. Bột giấy từ gỗ, sản xuất bằng phương pháp nửa hóa học (semi-chemical);
5. Bột giấy sản xuất bằng phương pháp hóa học, sun phát, đã được tẩy trắng từ gỗ bạch đàn;
6. Tấm pa-nô bằng sợi, thấm tẩm chất không thấm nước;
7. Trong các văn phòng, ở bản thanh toán các chi phí văn phòng phẩm, người ta thấy có dòng ghi "đặc biệt" và tại đó người ta ghi đã thu được phế liệu trừ nhựa. Hãy dự đoán loại phế liệu đó là gì ? làm từ những sản phẩm hay chất liệu gì ? Vị trí phân loại trong Chương ?
8. Bột giấy dùng để chế tạo tấm ép dùng cho cặp để tài liệu xách tay;

## Chương 48

1. Giấy in báo ở dạng cuộn;
2. Giấy thơm;
3. Giấy ảnh Kodak, ở dạng cuộn, rộng 700mm;
4. Giấy thấm tẩm chất thử phản ứng dùng để chuẩn đoán bệnh;
5. Giấy mỏng lau mặt và làm khăn ăn;
6. Giấy dùng để làm bao ở dạng cuộn, không tráng (đã được tẩy);
7. Bìa Kraft, có trọng lượng 175g/m<sup>2</sup>, chưa được tẩy;
8. Giấy thấm xà phòng thơm, hiệu "Lucky";
9. Giấy than "Hồng Hà" xuất khẩu;
10. Giấy cuộn thuốc lá ở dạng cuộn , rộng 4cm;
11. Tấm phủ tường làm bằng giấy giả vân gỗ;
12. Tấm dùng để phủ sàn được cắt theo nhiều kích cỡ khác nhau;
13. Giấy dầu nhập khẩu từ Trung Quốc ở dạng cuộn (được quét hắc ín);
14. Tã lót cho trẻ sơ sinh làm bằng giấy;
15. Thùng carton, trơn;
16. Album ảnh;
17. Cuốn sợi dệt làm bằng giấy;
18. Bìa cứng dùng để đựng hồ sơ;
19. Một bộ khay, đĩa, chén làm bằng giấy ép;
20. Sổ sách kế toán;



TAILIEUXNK.COM

21. Túi xách du lịch làm bằng giấy, mặt ngoài làm bằng nhựa;
22. Mũ giấy đã được trang trí;
23. Giấy can;
24. Giấy giả da gốc thực vật;
25. Giấy tự copy (tự nhân bản); và
26. Giấy nghệ thuật.

### Chương 49

1. "Tạp chí Kinh tế Viễn đông (FEER)". Số lượng 100 cuốn, nhập khẩu từ Hồng Kông (phát hàng 1 tháng 4 số), đóng trong thùng;
2. Sách kinh tế (1 Bộ sách "Kinh tế học" gồm có hai tập của David Begg. Dùng để làm giáo trình giảng dạy cho giáo viên các trường thuộc khối kinh tế. Số lượng 100 cuốn. Khổ sách 210 x 297 cm;
3. Sách khoa học kỹ thuật;
4. Truyện tranh của trẻ em;
4. Bản đồ thủy văn ở dạng quyển;
5. Bản vẽ kỹ thuật nhà máy lọc dầu;
6. Báo "South China Post" nhập khẩu từ Đài Loan, được đóng trong thùng, phát hành hàng ngày. Số lượng 150 tờ;
7. Tờ gấp giới thiệu công ty nhập khẩu phục vụ cho triển lãm hàng công nghiệp và tiêu dùng. Số lượng 5000 bản, đóng trong thùng;
8. Tem bưu điện, tem thư;
9. Bộ bài để chơi giải trí;
10. Tạp chí Y khoa;
11. Sách giáo khoa học ngoại ngữ;
12. Sách thiếu nhi;
13. Catalogue quảng cáo phụ tùng;
14. Lịch in Hồng Kông;
15. Tờ giới thiệu kỹ thuật, dạng tờ đơn;
16. Từ điển Anh -Anh bằng hình ảnh của đại học Oxford - Anh ấn hành. 70% số trang là hình ảnh in màu minh họa và giải thích trên hình ảnh. Số lượng 150 cuốn. Đóng trong thùng cartông; và
17. Mẫu quyển séc, khổ 7cm x 18cm, có vân chìm, trên bề mặt có màu in biểu tượng của cơ quan phát hành, khung để người dùng séc ký làm bằng giấy dễ nhạy cảm, chống làm giả, chưa dùng.



## Phần XI

### Chương 50

1. Vải dệt từ tơ vụn, không pha với loại sợi khác;
2. Vải dệt từ tơ khác có tỷ trọng phế liệu tơ chiếm 90%, không pha với loại sợi khác;
3. Sợi tơ xe từ phế liệu tơ, nhập khẩu từ Hàn Quốc, chưa được đóng gói;
4. Kén tầm để quay tơ;
5. Phế liệu tơ đã được chải sớng;
6. Sợi tơ xe xuất khẩu sang Trung Quốc, đã được đóng gói để bán lẻ;
7. Sợi tơ dùng làm chất liệu dệt, được phủ một lớp plat-tic mỏng để tăng độ chống thấm nước;
8. Tơ thô xuất khẩu sang Lào (chưa được xe), đóng trong bao nặng 25 Kg;
9. Tơ từ ruột tầm; và
10. Vải dệt từ tơ khác có tỷ trọng phế liệu tơ chiếm 90%, có pha với loại sợi khác.

### Chương 51

1. Lông cừu xén, đã chải sạch;
2. Phế liệu lông cừu;
3. Phế liệu lông của dê Tây Tạng;
4. Lông lạc đà á Rập;
5. Lông cừu tái sinh;
6. Sợi xe làm từ lông cừu đã chải sạch, chưa tẩy trắng, chưa được đóng gói để bán lẻ, tỷ trọng lông cừu 50%;
7. Sợi xe làm từ lông bò Tây Tạng đã chải sạch, đã tẩy trắng;
8. Sợi xe từ lông động vật họ thỏ đã được đóng gói để bán lẻ, dùng để trang trí;
9. Vải dệt từ sợi xe lông cừu tự nhiên, tỷ trọng lông cừu là 80%, được pha với sợi tổng hợp (vải loại này đã được chải sớng);
10. Vải lông cừu dệt từ sợi xe, đã được chải sớng, tỷ trọng lông cừu là 95%, trọng lượng 300gram/m<sup>2</sup>, nhập khẩu từ Úc, đóng trong kiện. Số lượng 100 kiện, ở dạng tấm;
11. Sợi xe lông đuôi bò Tây Tạng;
12. Sợi xe lông cừu có tỷ trọng lông cừu 80% (loại này đã được chải 13. song và tẩy trắng);
13. Lông lạc đà đã được chải sạch và chải sớng, đã được đóng gói để bán lẻ; và
14. Hãy chỉ ra các sản phẩm sau đây đều là lông động vật loại mịn: lông dê thông thường, lông dê Tây Tạng và lông cừu.



## Chương 52

1. Bông thấm nước thô (chưa được chải sạch và chải sóng);
2. Bông tái sinh;
3. Chỉ khâu đóng thành gói để bán lẻ (làm từ bông, có tỷ trọng bông 95%, tẩy trắng);
4. Sợi bông xe từ sợi chưa chải sóng, chưa tẩy trắng;
5. Sợi bông xe đơn từ sợi đã chải sóng, từ 714,29 Decitex trở lên, đã tẩy trắng;
6. Sợi bông xe, mỗi sợi xe dưới 125 Decitex (trên 80 số metric), đã tẩy trắng;
7. Sợi bông xe từ sợi chưa chải sóng, chưa tẩy trắng, dưới 714,29 Decitex, nhưng không dưới 232,56 decitex;
8. Vải bạt dệt từ sợi bông, dệt trơn, tỷ trọng bông là 95%, chưa tẩy trắng;
9. Vải bạt dệt từ bông, đã in hoa, dệt trơn;
10. Vải Denim dệt từ bông, dệt từ sợi xe đơn có màu khác nhau;
11. Vải bạt đã nhuộm, làm từ bông, có trọng lượng 250 gram/m<sup>2</sup>;
12. Vải dệt từ bông, trọng lượng bông 70%, pha chủ yếu với sợi nhân tạo, đã tẩy trắng, dệt trơn;
13. Chỉ thêu từ sợi bông xe; và
14. Vải chéo 4 sợi, kể cả chéo 2 mặt, làm từ bông, tỷ trọng bông 92%, trọng lượng 240 gram/m<sup>2</sup> (đã nhuộm).

## Chương 53

1. Vải dệt bằng sợi giấy, xuất xứ Nhật Bản;
2. Vải dệt từ sợi lanh, tẩy trắng, tỷ trọng lanh 75%;
3. Sợi dứa xe Bến Tre dùng để xe thành các sản phẩm;
4. Sợi dứa thô Bến Tre, ngâm nước;
5. Sợi đay xe, sợi đơn (Thái Bình) xuất khẩu sang Trung Quốc;
6. Sợi gai dầu xe;
7. Lanh thô;
8. Phế liệu lanh;
9. Sợi xizan thô;
10. Gai dầu thô;
11. Phế liệu gai;
12. Sợi giấy xe;
13. Đay ngâm;
14. Sợi gai dầu thô; và
15. Vải dệt từ sợi lanh, tỷ trọng lanh 90%, tẩy trắng.



### Chương 54

1. Hãy chỉ các sản phẩm sau đây đâu là sợi tổng hợp: Sợi polyamid, sợi tơ viscô, sợi axetat xenlulo, sợi nilông, sợi polyeste, sợi acrylic;
2. Sợi xe từ sợi Filament tổng hợp có độ bền cao, làm từ nilon, dưới 67 decitex;
3. Chỉ khâu từ sợi filament nhân tạo đóng gói để bán lẻ;
4. Sợi xe xoắn từ sợi tơ visco filament nhân tạo, dưới 67 decitex;
5. Vải dệt bằng sợi xe filament có độ bền cao, nhân tạo, từ sợi tơ visco;
6. Vải dệt từ sợi có độ bền cao bằng polyamit;
7. Sợi xe filament nhân tạo, được đóng gói để bán lẻ;
8. Sợi xe xoắn 100 vòng m<sup>2</sup>, từ sợi tơ axetat xenlulo;
9. Sợi filament đơn tổng hợp, kích thước mặt cắt 0,9mm nhập khẩu từ Nhật Bản, đóng trong kiện loại 10 kg. Số lượng kiện 100;
10. Sợi xe nhẵn từ sợi filament tổng hợp, làm từ polyeste, chưa được đóng gói để bán lẻ.

### Chương 55

1. Vải dệt bằng sợi stape acrylic tổng hợp có chủ yếu với lông cừu;
2. Vải dệt từ sợi staple polyeste tổng hợp có pha với lông cừu nhập khẩu từ úc;
3. Vải dệt từ sợi staple polyeste, dệt trơn, tỷ trọng sợi tổng hợp 75%, trọng lượng 200 gram/m<sup>2</sup>, đã nhuộm, có pha với bông;
4. Xơ filament tổng hợp từ polyeste (các filament song song có cùng chiều dài bằng chiều dài của xơ (3m), xoắn 5 vòng/1m;
5. Xơ filament nhân tạo từ tơ visco (các filament song song có cùng chiều dài bằng chiều dài của xơ (3m), xoắn 5 vòng/1m;
6. Sợi xe đơn từ sợi tổng hợp, chưa đóng gói để bán lẻ, tỷ trọng sợi polyamit 90%;
7. Sợi staple tổng hợp từ modacrylic, đã chải sạch;
8. Sợi staple nhân tạo, đã chải sạch;
9. Chỉ khâu làm từ sợi staple tổng hợp được đóng gói để bán lẻ;
10. Vải dệt từ sợi polyeste, dệt trơn, đã nhuộm, pha với bông, tỷ trọng sợi polyeste 70%, đóng gói để bán lẻ;
11. Vải dệt với cấu trúc hai sợi song song và một sợi vắt đan ngang bằng kim loại làm ánh kim ;
12. Chỉ thêu làm từ sợi staple tổng hợp, tỷ trọng loại sợi này là 75%, đóng gói để bán lẻ;
13. Sợi xe từ sợi staple nhân tạo pha sợi bông, tỷ trọng sợi staple chiếm 92%, chưa đóng gói để bán lẻ;
14. Phế liệu từ sợi staple nhân tạo; và
15. Sợi staple nhân tạo , chưa chải sạch , làm từ sợi tơ visco.





### Chương 56

1. Dây thừng bằng đay, đã được tết;
2. Dây thừng xoắn, để đóng kiện, làm từ Polyethylen;
3. Chỉ catgut giả bằng sợi nhân tạo;
4. Lưới đánh cá bằng sợi tổng hợp;
5. Lưới đánh cá bằng sợi bông;
6. Sợi dệt kim loại chưa xoắn;
7. Chỉ được bọc bằng vật liệu dệt;
8. Ni chưa thấm tẩm làm từ lông cừu;
9. Khăn vệ sinh làm bằng bông ni (chưa được thm tẩm chế phẩm thơm);
10. Dây bện từ sợi đay Manila, bọc ngoài bằng cao su;
11. Tã lót cho trẻ sơ sinh được thấm các chế phẩm vệ sinh và nước hoa;
12. Mica tự nhiên có một lớp bồi bằng ni; và
13. Bột đá mài tự nhiên có nền làm từ ni đã được cắt thành từng miếng hình vuông.

### Chương 57

1. Thảm đay đã dệt hoàn chỉnh bằng khung dệt thủ công, nút đơn, làm thành từng chiếc;
2. Thảm len lông cừu đã sẵn sàng để bán lẻ, đóng trong bao ni-lông;
3. Tấm phủ sàn làm từ sợi dừa (xơ dừa), đi cùng với một tấm lót bằng chất liệu cao su mỏng;
4. Thảm làm từ sợi tổng hợp, chưa làm sẵn thành chiếc, không may chân;
5. Tấm trải sàn "Kelem" bằng sợi đay;
6. Thảm làm từ sợi bông, đã chân, đã làm sẵn thành chiếc; và
7. Tấm trải sàn làm bằng ni, đã làm thành chiếc, được cắt thành hình chữ nhật.

### Chương 58

1. Vải lông cừu có dệt tuyết và nhung kẻ, nhập khẩu từ úc;
2. Vải nhung từ sợi tổng hợp đã cắt tuyết;
3. Vải nhung kẻ từ sợi nhân tạo;
4. Vải nhung kẻ đã cắt tuyết, làm từ sợi bông;
5. Vải sa lợt (gause) từ bông;
6. Ren máy từ sợi nhân tạo;



TAILIEUXNK.COM

7. Ren gia công bằng tay;
8. Thảm dệt tay kiểu Gobelis, Flender đã được làm thành chiếc;
9. Nhãn, móc làm từ hàng dệt và
10. Dải trang trí dạng tấm không thêu.

### **Chương 59**

1. Vải mảnh dùng làm lớp lót cho lớp xe ô tô, làm từ nylon, đã được thấm tẩm cao su;



TAILIEUXNK.COM

2. Vải sơn chưa cắt thành hình mẫu;
3. Mạng đèn măng xông;
4. Vải dệt kim trắng cao su;
5. Bấc dệt dùng cho đèn, bếp dầu, bật lửa;
6. Tấm phủ tường bằng hàng dệt, đã được thấm tẩm dầu;
7. Vải can đã sơn vẽ dùng làm phong sân khấu;
8. Vải dùng để rây, sàng đã làm sẵn thành sản phẩm;
9. Vải dệt hồ chất keo dính dùng để làm bìa sách;
10. Vải dệt gia cố bằng kim loại dùng cho các mục đích kỹ thuật;
11. Băng chuyền vải dệt được thấm tẩm cao su có mặt cắt hình thang, không có đường rãnh, chu vi 100cm;
11. Vải lọc dùng trong công nghệ ép dầu;
12. Ống dẫn chất lỏng mềm bằng hàng dệt; và
13. Vải dệt gắn với bộ phận nổi dùng cho máy sản xuất giấy. Trọng lượng 750gram/m<sup>2</sup>.

## Chương 60

1. Vải dệt tuyến xoắn làm từ bông;
2. Vải dệt kim, rộng 25cm, tỷ trọng chỉ cao su 7%;
3. Vải dệt kim, dệt sợi dọc từ lông cừu;
4. Vải bông xù được dệt kim;
5. Vải dệt kim, rộng 55cm, tỷ trọng chỉ cao su 17%;
6. Vải dệt đan được tẩm chất liệu plastic; và
7. Vải dệt đan được làm từ những chỉ tằm hay phủ chất liệu plastic.

## Chương 61

1. Quần áo cũ các loại được phân loại vào nhóm nào trong số các nhóm sau đây: 61.09, 62.09 và 63.09;
2. áo khoác ngoài dùng cho trẻ em bằng bông;
3. áo choàng mặc khi đi xe được móc làm bằng sợi nhân tạo của bé gái;
4. Bộ Com-lê được dệt kim bằng sợi tổng hợp của đàn ông;
5. áo khoác thể thao bằng bông dùng cho nữ giới được móc;
6. Quần dài có dây đeo của nam giới làm bằng len lông cừu, móc;
7. Quần váy của phụ nữ được làm bằng sợi tổng hợp, đan;



TAILIEUXNK.COM

8. áo sơ mi cho phụ nữ bằng sợi tổng hợp, dệt kim;
9. Bộ áo ngủ của nam, bằng bông, dệt kim;
10. áo choàng tắm bằng sợi nhân tạo, dệt kim;
11. áo chui đầu bằng sợi tổng hợp, đan;
12. Bộ đồ may sẵn cho trẻ sơ sinh, dệt kim, làm bằng len lông cừu;
13. Bộ quần áo trượt tuyết, móc, làm bằng bông dùng cho đàn ông;
14. Quần áo bơi cho trẻ em gái bằng sợi tổng hợp dệt kim;
15. Bít tất dài, bằng sợi bông cho nam giới;
16. Găng tay hở ngón đã phủ cao su, đan;
17. Găng tay thường làm bằng len lông cừu, đan;
18. Khăn san dệt kim;
19. Nơ con bướm đan làm bông sợi tổng hợp;
20. Mạng che mặt làm bằng sợi bông, dệt kim;
21. Nịt chân dùng cho người bị giãn tĩnh mạch; và
22. Khi phân loại sản phẩm áo quần hoặc đồ phụ trợ bao gồm hai hoặc nhiều vật liệu dệt thì phải tham khảo đến (Chú giải 2(A) của Phần XI, Chú giải phân nhóm 2(A) của Phần XI và Chú giải 8 của Chương 61).

## Chương 62

1. áo chống gió gia công xuất khẩu sang Đài Loan, dùng đàn ông, làm bằng bông, không dệt kim, đan hoặc móc. Đóng trong thùng giấy. Số lượng: 500 bộ/thùng;
2. Quần áo đồng bộ của phụ nữ, làm bằng sợi tổng hợp, không dệt kim, đan hoặc móc;
3. Váy phụ nữ không dệt kim, đan hoặc móc, làm bằng len lông cừu;
4. áo may ô và các loại áo lót khác của nam giới, làm bằng bông không dệt kim, đan hoặc móc;
5. Khăn tay tơ không dệt kim, đan hoặc móc của phụ nữ;
6. Cà vạt tơ nhập khẩu từ Hàn Quốc, không dệt kim, đan hoặc móc;
7. Bộ phận rời của quần áo, không dệt kim, đan hoặc móc;
8. Khăn choàng vai bằng sợi tổng hợp, không dệt kim, đan hoặc móc;
9. Đệm vai và đệm lót, không dệt kim, đan hoặc móc;
10. Quần áo bơi cho trẻ em gái làm bằng sợi nhân tạo, không dệt kim, đan hoặc móc;
11. Tã lót của trẻ em bằng vật liệu dệt được phân loại vào chương nào trong số các chương sau đây: Chương 61, 62 và 63; và
12. Găng tay làm bằng PVC được phân loại vào chương nào ?



### Chương 63

1. Quần áo đã qua sử dụng;
2. Khăn lau bát, lau nhà;
3. áo cứu đuối trên máy bay;
4. Vải vụn cũ, đã được phân loại;
5. Đệm hơi bằng sợi tổng hợp;
6. Chăn du lịch loại nhỏ dùng cho trẻ em, làm bằng len lông cừu;
7. Khăn trải giường, dệt kim làm bằng bông;
8. Khăn trải dùng cho bộ trà, làm bằng vải xù xoắn từ bông;
9. Diềm giường gia công, đan, bằng sợi tổng hợp;
10. Khăn trải dùng cho bộ đồ thủy tinh bằng vải lạnh;
11. Màn ngủ bằng sợi tổng hợp dệt kim;
12. Bộ chỉ trang trí dùng để trang trí thảm được đóng thành gói để bán lẻ;
13. Tã, lều trại bằng sợi bông dùng để đi cắm trại; và
14. Buồm cho thuyền lướt ván bằng sợi tổng hợp.



## **Phần XII**

### **Chương 64**

1. Giày dép đã qua sử dụng các loại;
2. Giày chỉnh hình bằng Plastic;
3. Giày trượt ba tanh nhập khẩu;
4. Giày cổ cao đến đầu gối có mũ giày và đế ngoài bằng cao su, được gia công xuất khẩu sang Hàn Quốc. Không thấm nước;
5. Giày có đế ngoài bằng cao su và mũ giày bằng nguyên liệu dệt sử dụng để đánh bóng chuyên. Loại này được gia công để xuất khẩu;
6. Mũ giày bằng nguyên liệu dệt;
7. Các loại dây kéo hoàn chỉnh, răng được làm bằng đồng của giày nhập khẩu để gia công;
8. Giày đi trong nhà, đế ngoài bằng da dê thuộc ta nanh và mũ giày bằng nguyên liệu dệt;
9. Gót giày làm bằng gỗ;
10. Đế ngoài của giày bằng cao su; và
11. Giày ống trượt tuyết việt dã, đế ngoài bằng cao su mũ bằng da dê thuộc ta nanh.

### **Chương 65**

1. Thân mũ bằng tre được tết, chưa được làm vành, chưa có lót và trang trí;
2. Mũ nỉ có thân mũ hình chuông;
3. Mũ các loại đã qua sử dụng;
4. Mũ bằng amiăng;
5. Mũ của cúp bê;
6. Mũ bảo hộ bằng plastic;
7. Lưới bao tóc, dệt kim, bằng vật liệu dệt;
8. Mũ trùm đầu làm bằng da lông của loài chồn Vizon đã thuộc ta nanh. Xuất xứ Trung Quốc;
9. Cột mũ làm bằng giấy;
10. Mũ rom tết chống đạn;
11. Mũ bê-rê làm bằng nỉ dệt kim; và
12. Mũ của cúp bê làm đồ chơi cho trẻ em được phân loại vào chương nào trong số các chương sau đây: Chương 62, 65 và 95.

### **Chương 66**

1. Dù che trong vườn;



TAILIEUXNK.COM

2. Gậy chống bằng plastic;
3. Ba toong bằng plastic;
4. ô tô che dùng để làm đồ chơi cho trẻ em;
5. Gậy dùng để đo lường làm bằng nhựa ;
6. Roi da bò thuộc dùng để điều khiển;
7. Hộp dùng để đựng ô (không có ô) làm bằng nhựa;
8. Khung ô làm bằng sắt (chỉ một mình khung);
9. Dù che dùng để quảng cáo hiệu "Cocola" , có cán kiểu ống lồng làm bằng sắt;
10. Tay cầm bằng thép không rỉ dùng để sản xuất dù che nắng của trẻ em; và
11. Chuôi kiếm bằng plastic.

### Chương 67

1. Hoa nhân tạo bằng nhựa;
2. Lông vịt;
3. Quả cầu lông làm từ lông vịt do Indônexia sản xuất, đựng trong hộp giấy, mỗi hộp có 10 quả;
4. Lẵng hoa giấy;
5. Lẵng hoa và Quả bằng vải gia công xuất khẩu;
6. Lông mi và lông mày giả làm bằng nhựa tổng hợp;
7. Bộ tóc giả hoàn chỉnh làm từ vật liệu dệt tổng hợp;
8. Mũ lông vịt bện;
9. Tóc đã được chải mượt;
10. Chổi phát trần làm bằng lông vịt;
11. Hoa nhân tạo làm bằng gỗ;
12. Hoa làm bằng thủy tinh thổi; và
13. Đệm giường làm bằng lông mao.



### **Phần XIII**

#### **Chương 68**

1. Đá lát lề đường xuất khẩu sang Đài Loan;
2. Đá granit để xây tượng đài, đóng trong sọt tre, xuất khẩu sang Đài Loan;
3. Đá dăm dùng trong xây dựng (đổ bê tông);
4. Đá phiến Bình Định xuất khẩu sang Hồng Kông, đã gia công dùng để ốp tường;
5. Đá mài hình bánh xe (lắp vào máy) làm từ kim cương tự nhiên dùng trong công nghệ làm hàng thủ công mỹ nghệ;
6. Giấy dầu lợp mái nhà của Trung Quốc, ở dạng cuộn, số lượng 100 cuộn;
7. Xi măng Porland đen hiệu "Bim Sơn" xuất khẩu sang Lào, số lượng 1.000 tấn;
8. Đá Rubi chưa được gia công;
9. Tượng sư tử bằng đá cẩm thạch dùng để làm đồ chơi cho trẻ em;
10. Đá dùng để hàn răng;
11. Sợi amiăng đã được gia công;
12. Quần áo làm từ sợi amiăng;
13. Sợi các bon nhập khẩu từ Nhật Bản;
14. Vật liệu dệt đã phủ bột mài;
15. Vật liệu mài dùng để lót và làm đệm phanh trong xe máy;
16. Mica đã chế biến ở dạng tấm;
17. Tượng nghệ thuật đúc bằng thạch cao;
18. Đá in litô đã gia công dùng cho các mục đích in ấn;
19. Đá dùng làm vật liệu cách điện; và
20. Bảng đá dùng để vẽ.

#### **Chương 69**

1. Bồn tắm và phụ kiện bằng sứ của nhập khẩu từ Thái Lan;
2. Bê xi sứ Trung Quốc;
3. Bộ đồ ăn dùng trên máy bay bằng sứ;
4. Đồ dùng trong phòng thí nghiệm bằng sứ;
5. Tượng bằng gốm dùng để trang trí;
6. Tấm lát lò sưởi bằng sứ đã tráng men, hình chữ nhật, xuất xứ Trung Quốc, có kích cỡ 6cm x 4cm;
7. Ngói lợp mái bằng gốm tráng men, có màu xanh đậm, nhập khẩu Ấn Độ dùng để trùng tu lại các công trình kiến trúc cổ;
8. Ngói lót bằng sứ dùng để chống nóng trong xây dựng dân dụng;
9. Bình cổ cong (chịu lửa) có tỷ trọng alumin ( $Al_2O_3$ ) 65%;





TAILIEUXNK.COM

10. Gạch khối làm từ bột hóa thạch silic;
11. Đồ kim hoàn giả làm bằng sứ;
12. Gốm kim loại, chưa gia công;
13. Ống lót trượt, không có thanh trượt bằng gốm sứ dùng để sản xuất máy biến thế xuất xứ ASEAN;
14. Vỏ đồng hồ treo tường làm bằng gốm sứ;
15. Khuy áo bằng gốm;
16. Răng giả; và
17. Đá mài bằng gốm hình bánh xe.

## Chương 70

1. Vỏ bóng đèn thủy tinh Rạng Đông dùng cho đèn điện thấp sáng;
2. Bộ đồ ăn của Séc bằng pha lê chì;
3. Kính (bằng thủy tinh) đồng hồ báo thức loại "*Timing*" do Đài Loan sản xuất nhập khẩu để gia công. Đựng trong 20 thùng, 1000 chiếc/thùng;
4. Ruột phích nước "Rạng đông";
5. Sợi thủy tinh thô;
6. Ống nghiệm thủy tinh bằng thạch anh;
7. Mảnh thủy tinh dùng để trang trí nội thất;
8. Bơm tiêm (ống tiêm) dưới da bằng thủy tinh, loại chỉ dùng một lần và không có kim tiêm. Đựng trong hộp loại 12 chiếc nhập khẩu từ Đức;
9. Kính an toàn của ô tô tải đã tôi cứng;
10. Gương soi thủy tinh có khung;
11. Thủy tinh phế liệu;
12. Thủy tinh cán ở dạng tấm có cốt thép;
13. Kính dùng làm tường ngăn nhiều lớp;
14. Hạt thủy tinh có đường kính 0,5mm; và
15. Nút chai thủy tinh.



## Phần XIV Chương 71

Hãy chỉ ra trong số các kim loại sau đây đâu là kim loại quý: vàng, đồng, nhôm, bạc, bạch kim, thiếc và kẽm;

Đồng hồ mạ vàng có được phân loại vào Chương 71 không? và nêu lý do tại sao?. Nếu phân loại thì sẽ phân vào chương nào?

Hãy chỉ ra trong số các sản phẩm sau đây đâu là "các đồ vật nhỏ dùng để trang sức cá nhân" và đâu là "các sản phẩm cá nhân thuộc loại bỏ túi thông thường, loại để trong túi xách tay hoặc mang theo người": Hộp đựng thuốc lá bằng bạc, dây đeo đồng hồ bằng vàng, trâm cài, huy chương vàng, hoa tai vàng, hộp đựng kẹo cao su bạc, ghim cài cà vạt bằng bạch kim, vòng đeo tay bằng bạc, mặt dây chuyền bằng đá quý và hộp so phần bằng kim loại quý;

1. Kim loại thường phủ bạc (chưa được gia công quá mức bán thành phẩm);
2. Vàng ở dạng thỏi, không phải dạng tiền tệ;
3. Một hợp kim có chứa 10% trọng lượng bạch kim có được xem là một hợp kim của bạch kim không;
4. Bạc thỏi bán thành phẩm;
5. Ngọc trai thiên nhiên, chưa xâu thành chuỗi hoặc nạm dát;
6. Bột kim cương;
7. Đồ kim hoàn giả bằng đồng (trâm cài tóc và ghim cài tóc do Đài Loan sản xuất);
8. Ngọc trai nuôi cấy nước ngọt đã được gia công;
9. Ru đi (bạch kim) ở dạng thanh đã gia công;
10. Đá quý dùng trong phòng thí nghiệm;
11. Trâm cài bằng bạc do Đài Loan sản xuất;
12. Bộ đồ ăn bằng vàng;
13. Khuy bằng vàng; và
14. Hãy phân loại kim cương công nghiệp, chưa được gia công.



## Phần XV

### Chương 72

1. Hợp kim sắt -mangan, hàm lượng các bon 5%;
2. Phế thải gang tái xuất;
3. Hạt gang kính;
4. Dây thép không rỉ ở dạng cuộn;
5. Thép không hợp kim, hình chữ U kéo nóng qua khuôn, có chiều cao 70mm;
6. Dây thép không hợp kim phủ kẽm;
7. Thép không gỉ ở dạng thỏi ;
8. Thép không gỉ cán mỏng, chiều rộng 700mm, chiều dày 15mm, chưa được gia công quá mức cán nóng, ở dạng cuộn;
9. Thép không gỉ cán mỏng, có chiều rộng 500mm, chiều dày 3mm, chưa được gia công quá mức cán nguội (ép nguội);
10. Thanh thép không gỉ được cán nóng, xoắn không đều;
11. Dây thép hợp kim bằng thép silic-mangan;
12. Khung của ô bằng sắt;
13. Bàn làm việc bằng thép không gỉ;
14. Bộ phận cố định và khớp nối của đường ray xe lửa bằng sắt; và
15. Thép không hợp kim mới chỉ gia công ở mức cán nóng, dạng thanh, chứa 1% cacbon, đã được luyện, loại tròn.

### Chương 73

1. Tà vẹt sắt dùng để xây dựng đường sắt;
2. Tệp lá bằng thép hợp kim;
3. Chậu rửa và bồn rửa bằng thép không gỉ Robinet, tráng men do Trung Quốc sản xuất, khổ 1,7m;
4. Bình xối nước vệ sinh và phụ tùng của nó bằng thép không gỉ của Trung Quốc;
5. Bì nghiền bằng sắt dùng để xay (đã được rèn dập nhưng chưa quá mức gia công);
6. Lò sưởi và phụ tùng của hệ thống lò sưởi trung tâm bằng gang sản xuất tại Nhật Bản;
7. Lò hâm thức ăn bằng thép không gỉ, loại dùng gas;
8. Bộ đồ ăn bằng thép không gỉ;
9. Lò xo cuộn các loại bằng thép dùng cho xe cộ;
10. Đinh xoáy bằng sắt có đường kính 8mm ;
11. Dây thép gai tráng kẽm dùng làm hàng rào , loại dây đôi xoắn bằng thép;
12. Xích xe đạp bằng thép;



TAILIEUXNK.COM

13. Bộ giàn giáo bằng sắt dùng trong xây dựng;
14. Bể chứa bằng sắt dùng để chứa xăng dầu, dung tích 1000 lít;
15. Thùng phuy bằng sắt dùng để chứa xăng dầu, có dung tích 200 lít;
16. Lan can cầu thang sắt;
17. ống dẫn loại sử dụng cho đường ống dẫn dầu khí bằng thép hợp kim;
18. Đinh rệp (đinh án) bằng thép ;
19. Kim khâu bằng thép;
20. Miếng cọ nồi bằng thép;
21. Bếp ga hiệu Rinnai và hiệu Hitachi, Nhật Bản sản xuất, loại 2 bếp, 1 lò nướng, nút bấm, ngắt gas tự động, chống khét, Model 4000NA, 4000NF;
22. Cửa sổ lá sách bằng sắt, loại 16 lá, khổ 10 x 145,8 cm;
23. Bộ vòi tắm hoa sen làm bằng sắt mạ crôm do ý sản xuất.

#### Chương 74

1. Lò xo đồng ;
2. Cáp đồng có tiết diện 1000mm<sup>2</sup>;
3. ống nối bằng đồng đã tinh chế;
4. Lưới chống muỗi bằng đồng;
5. Đồ trang bị trong nhà vệ sinh bằng đồng do ý sản xuất;
6. Khuy áo bằng đồng, không được phủ bằng vật liệu dẹt;
7. Cực dương làm bằng đồng dùng trong kỹ thuật điện phân;
8. Vây đồng;
9. Thỏi đồng tinh chế nhập khẩu từ Ấn Độ;
10. Dây đồng hợp kim (với kẽm) có tiết diện 15mm;
11. Bulong đồng;
12. Vỏ đồng hồ treo tường bằng đồng hợp kim, đã được mạ vàng;
13. Đồ chơi hình con vật bằng đồng hợp kim cho trẻ em;
14. Bộ ghế nhồi đệm có khung bằng đồng không có bàn, dùng trong văn phòng;
15. Ngòi bút máy bằng đồng hợp kim; và
16. Đồ kim hoàn giả làm bằng hợp đồng (ghim cài cà vạt), được phủ một lớp vàng mỏng.

#### Chương 75

1. Phên niken;
2. Niken sten;
3. Phế liệu niken;
4. Bột niken;



TAILIEUXNK.COM

5. Thanh niken không hợp kim (trong đó niken chiếm 99,2%, cobalt 0,4% và kim loại khác 0,4%);
6. ống dẫn niken hợp kim;
7. Dây niken không hợp kim, ở dạng cuộn, tiết diện 5mm;
8. Niken không hợp kim, chưa được gia công;
9. Lưới niken;
10. Bu lông niken;
11. Lò xo của đồng hồ bằng niken hợp kim; và
12. Đồ dùng trong nhà vệ sinh bằng niken.

### Chương 76

1. Tro và phế liệu từ quá trình sản xuất nhôm, có chứa chủ yếu là nhôm;
2. Khung cửa sổ nhôm của Trung Quốc;
3. Can nhôm dùng để đựng axit sunphuric (không thể gấp lại được);
4. Cáp nhôm có tiết diện 800mm<sup>2</sup>, chưa được cách điện, có lõi đồng do Trung Quốc sản xuất;
5. Hạt trang trí cắt từ nhôm lá mỏng;
6. Sợi vải tráng nhôm của Nhật Bản;
7. Bộ đồ ăn bằng nhôm (nĩa, thìa, cốc,...);
8. Thùng nhôm dùng để chứa gas nén;
9. Miếng dùng để cọ rửa bằng nhôm dùng trong nhà bếp;
10. ống nối đôi bằng nhôm hợp kim;
11. Dây điện bằng nhôm đồng trục được cách điện bằng một lớp men của Đài Loan sản xuất có tiết diện tròn 200mm<sup>2</sup>;
12. ống nhôm loại có dễ uốn hay còn có thể gọi là linh hoạt (flexible) bằng nhôm;
13. Hộp đựng thuốc lá bằng nhôm;
14. Công ten nơ bằng nhôm được thiết kế đặc biệt và trang bị cho các toa xe dùng trong vận tải đa phương thức;
15. Hộp đựng dụng cụ bằng nhôm; và
16. Nhôm lá mỏng, dày 0,1mm, đã được bồi và ép hình.

### Chương 78

1. Đạn chì đúc dùng cho súng hơi;
2. Cục chì đúc dùng để làm lưới đánh cá (nằm rờ);
3. ống chì có thể xếp lại được dùng để đựng chất màu;



TAILIEUXNK.COM

4. Cáp điện nhôm cách điện có lớp vỏ bọc bên ngoài bằng chì;
5. Tấm chì hình chữ nhật để lợp mái nhà;
6. Ống dẫn khí bằng chì;
7. Lá chì mỏng được mạ một lớp thiếc mỏng dùng để làm hộp đựng tơ;
8. Chì nguyên chất ở dạng thỏi;
9. Bột chì ; và
10. Tấm chì dùng để áp vào ngực của thợ lặn khi làm việc.

### **Chương 79**

1. Tấm khuôn tô bằng kẽm;
2. Can chứa nước bằng kẽm;
3. Bán kẽm in;
4. Tấm kẽm dùng để làm vỏ của ác qui khô;
5. Vây kẽm ;
6. Hộp rỗng bằng kẽm dùng làm bao bì dược phẩm;
7. Kẽm ở dạng thỏi, chưa xử lý bề mặt; và
8. Máng kẽm dùng trong xây dựng.

### **Chương 80**

1. Tro thiếc từ quá trình sản xuất thiếc;
2. Hợp kim thiếc chì dùng để sản xuất đồ chơi;
3. Ống thiếc mềm dùng để đựng kem đánh răng và chất màu;
4. Ca thiếc; và
5. Thanh thiếc.

### **Chương 81**

1. Vanadi bột;
2. Titan bột chưa gia công;
3. Măng gan phế liệu;
4. Ma giê lá;
5. Vônfram dây;
6. Coban có chứa Crôm dùng trong nha khoa; và
7. Ăngtimoan ở dạng bột.



## Chương 82

1. Lưỡi dao cạo râu hiệu "Croma" của Đức sản xuất;
2. Kéo thợ may;
3. Thìa cà phê được mạ bạc;
4. Cái gạt bút chì ;
5. Máy xay cà phê loại cơ khí cầm tay (không có động cơ);
6. Clê (không điều chỉnh được);
7. Bàn là sắt không dùng điện (dùng than);
8. Cưa tay dùng để cưa sắt;
9. Xẻng sắt dùng trong nông nghiệp;
10. Liềm cắt cỏ;
11. Dao có lưỡi cố định dùng để làm vườn có tay cầm bằng gỗ;
12. Dao cắt kính của Trung Quốc;
13. Dụng cụ dùng để làm ren ống nước của thợ lắp đặt nước;
14. Bộ đồ sửa móng tay, móng chân ;
15. Xà beng sắt dùng để đục đá;
16. Kéo phẫu thuật;
17. Clê bằng đồng dùng để làm đồ chơi cho trẻ em;
18. Cưa tay có gắn động cơ điện (thao tác bằng tay);
19. Ê tô thao tác bằng tay;
20. Kim dùng để khâu tay;
21. Dụng cụ dùng để phun thuốc trừ sâu của Trung Quốc (vận hành bằng tay);
22. Dao cạo an toàn bằng nhựa không có lưỡi đi kèm;
23. Tông đơ cắt tóc vận hành bằng tay;
24. Tông đơ cắt tóc điện; và
25. Kẹp gấp đường mạ vàng (sugar tongs).

## Chương 83

1. Khoá móc bằng sắt ;
2. Khoá chân chống xe máy;
3. Bản lề sắt;
4. khay đựng giấy bằng hợp kim nhôm dùng trong văn phòng;
5. Tụ đựng hồ sơ bằng sắt;
6. Khung ảnh;
7. Giá để mũ bằng thép hợp kim;
8. Kẹp giấy bằng sắt;



TAILIEUXNK.COM

9. Biển ghi tên bằng thép inóc;
10. Chuông xe đạp bằng thép;
11. Kết an toàn;
12. Hạt trang trí bằng hợp kim nhôm;
13. Then cửa hai cánh;
14. Khung thép hợp kim dùng để đỡ chuông nhà thờ;
15. Chuông chùm;
16. Chuông hoà âm của đồng hồ treo tường;
17. Xe ô tô kiểu đạp chân của trẻ em bằng sắt; và
18. Ghim vẽ bằng đồng (drawing pin).





**Phần XVI**  
**Chương 84**

1. Hệ ròng rọc chạy bằng mô tơ điện do Mỹ sản xuất;
2. Máy ủi toàn năng dạng CKD do ý sản xuất. Số lượng 50 bộ;
3. Máy đóng cọc dùng trong xây dựng;
4. Máy cấy dùng trong nông nghiệp do Nga sản xuất;
5. Máy vắt sữa do Hà Lan sản xuất;
6. Máy sản xuất khí;
7. Động cơ dùng cho đầu máy xe lửa;
8. Tua bin phản lực của động cơ máy bay có công suất 50 KN;
9. Máy nén sử dụng trong các thiết bị đông lạnh;
10. Bơm bê tông dùng điện;
11. Máy làm khô quần áo dạng SKD, có dung tích 50 lít (loại lớn dùng trong khách sạn) dùng điện;
12. Bình dập lửa của Trung Quốc (chứa cháy);
13. Phụ tùng của máy rửa bát dùng trong gia đình;
14. Máy sắp chữ bán kềm;
15. Máy sản xuất sợi viền, ren và đồ thêu;
16. Máy cưa gỗ;
17. Máy đóng dấu miến tem bưu điện, dạng CKD do Nhật Bản sản xuất, dùng điện;
18. Máy trộn bê tông;
19. Máy cắt thuốc lá;
20. Máy bán kem tự động có kèm theo thiết bị làm lạnh;
21. Vòng bi các loại;
22. Chân vịt tàu thủy do Nga sản xuất;
23. Vạn hạ áp suất;
24. Máy viết séc dạng CKD do Mālai sản xuất;
25. Máy sản xuất sợi quang học dùng điện do Nhật Bản sản xuất;
26. Máy khoan hoạt động bằng hơi nén, dạng quay;
27. Lò sưởi của hệ thống lò sưởi trung tâm không dùng điện bằng gang do Hàn Quốc sản xuất;
28. Lò hâm thức ăn loại dùng gas nhập khẩu từ Nhật Bản(không dùng điện);
29. Máy hút bụi dùng trong văn phòng (dùng điện), hiệu National, loại có công suất 1500W;
30. Máy chiết xuất nước hoa quả;
31. Máy khuyến tán để chiết xuất đường từ hoa quả;



TAILIEUXNK.COM

32. Máy khâu để đóng bao bì hiệu Sakura, Model 9300, loại có các bộ phận tự động, trọng lượng kể cả mô tơ và bàn đạp là 50 kg do Nhật Bản sản xuất;
33. Máy in phun mực dùng cho máy vi tính do Đài Loan sản xuất;
34. ống dẫn bằng thép không hợp kim đặc biệt, có nối, được hàn, có tiết diện tròn với đường kính 400mm, liên kết với nồi đun sưởi trung tâm để dẫn nước nóng;
35. Máy trị liệu bằng ô zôn;
36. Máy tạo ô xy dùng cho tàu ngầm;
37. Van ống xả của động cơ máy bay.
38. Tàu đẩy dùng để phóng tàu vũ trụ;
39. Bơm bằng sứ (dùng để bơm các chất lỏng có khả năng làm mòn lớn) dùng cho các mục đích kỹ thuật;
40. Có thể phân loại "Thiết bị có chức năng như thận nhân tạo (thiết bị thẩm tách hoạt động với chức năng giống như thận dùng trong điều trị các bệnh nhân bị bệnh thận)" vào nhóm 84.21 không ?
41. Có thể phân loại xe tải chở cần cầu vào nhóm 84.26 không ?
42. Bơm chân không dùng điện sử dụng để kéo sợi nhân tạo có thể được phân vào nhóm 84.49, nếu không thì sản phẩm này sẽ được xếp vào phân nhóm nào (8 chữ số) ?
43. Máy khâu đồ chơi của trẻ em có được phân vào nhóm 84.49 ?, nếu không thì được phân vào phân nhóm nào (cấp 8 chữ số) ?
  - Tương tự máy chữ đồ chơi có được phân loại vào Chương 84 không ?, nếu không thì phân vào Chương nào ?
44. Có thể phân loại máy dùng để do da và da thuộc các loại trong nhóm 84.53 không ?, nếu không thì xếp vào nhóm nào (4 chữ số) ?
45. Các loại máy và thiết bị thử nghiệm có thể được phân vào Chương 84 không ?
46. Bàn chải dùng để gắn vào máy;
47. Mạch tích hợp điện tử - EIC hay còn được gọi là bộ vi xử lý ;  
(được sử dụng như bộ phận xử lý trung tâm (CPU)) có thể được phân loại vào Chương 84 được không ?, nếu không thì được phân loại vào nhóm nào (cấp 4 chữ số) của Chương nào ?
48. Có thể phân loại thiết bị xử dụng tia phóng xạ X quang dùng để phát hiện tiền giả hoặc các loại tài liệu vào nhóm 84.72 không, nếu không thì phân vào phân nhóm nào(ở cấp độ 8 chữ số) ?
49. Cái thổi thủy tinh cầm tay; và
50. Vòng đo ngăn dầu (oil seal rings) (đệm dầu) có thể phân loại vào nhóm 84.84 không ?, nếu không thì xếp vào nhóm nào của Chương 84 ?

## Chương 85

1. Động cơ điện xoay chiều (AC) , nhiều pha của Trung Quốc 40HP, dạng CKD có công suất 500W;



TAILIEUXNK.COM

2. Tổ máy phát điện động cơ diesel có công suất 500KVA;
3. Chấn lưu dùng cho đèn phóng;
4. Nam châm vĩnh cửu bằng kim loại;
5. Đầu nâng hoạt động bằng điện tử;
6. Cửa tay (có động cơ điện);
7. Ắc qui niken - cadimi;
8. Máy hút bụi hiệu Traika 10 do Nga sản xuất (2 chiều hút - thổi);
9. Lưỡi dao cạo điện;
10. Buggy xe máy do G7 sản xuất;
11. Cái gạt nước của ô tô dùng điện;
12. Mỏ hàn sử dụng chùm tia la ze (Lazer);
13. Nồi nấu cơm điện chống dính do Hàn Quốc sản xuất hiệu MHJ 060 PB23, loại trên 1,8 lít nước;
14. Lò vi sóng Samsung loại 850W;
15. Máy FAX văn phòng;
16. Bộ tăng âm điện;
17. Đầu cam tự động đổi đĩa, hiệu Sony MDD - A50 do Nhật sản xuất;
18. Băng từ cassette trắng hiệu Maxell, loại 120 phút/cuộn, rộng 5mm của Cassette Video;
19. Phim dùng để ghi âm cơ học;
20. Thiết bị rada;
21. Tivi có màu độ nét cao (HDTV), dạng CKD;
22. Ăng ten parabol;
23. Mạch in;
24. Tụ điện tantalum (tụ điện không đổi được thiết kế trong mạch có tần số 50/60Hz và có khả năng chịu được dòng điện cảm ứng từ 1 KVA);
25. Rơ le dùng cho điện áp 220 vôn;
26. Đui đèn dùng trong gia đình, loại 75W do Trung Quốc sản xuất;
27. Kíp mìn điện;
28. Cuộn dây cáp bằng đồng có lớp cách điện bằng nhựa PVC;
29. Điện cực than sử dụng cho lò nung;
30. Phế thải của pin;
31. Tai nghe;
32. Modem dùng cho điện thoại;
33. Cái cách điện bằng gốm sứ (không có thanh trượt dùng cho máy biến thế);
34. Đèn hồ quang;
35. Ấm điện dùng để sát thuốc (thuốc bắc);
36. Nam châm điện dùng cho bác sĩ nha khoa;
37. Máy rửa chén bát loại lớn dùng trong nhà hàng khách sạn;
38. Đèn nháy sáng điện tử dùng cho máy ảnh chuyên dụng do Nhật Bản sản xuất;
39. Máy đóng gói có lắp thiết bị hàn điện ; và



TAILIEUXNK.COM

40. Máy trợ thính cho người bị lãng tai.



## Phần XVII

1. Tàu chở công ten nơ;
2. Sà lan;
3. Máy bay Boeing 707;
4. Thủy phi cơ;
5. Ngư lôi;
6. Tàu nghiên cứu khoa học;
7. Xe đạp các loại;
8. Xe máy;
9. Cụm phanh của tàu hoả;
10. Xe tang lễ;
11. Khung gầm xe tải có gắn động cơ;
12. Khinh khí cầu dùng trong công tác dự báo thời tiết;
13. Tàu đẩy và tàu kéo;
14. Động cơ Diesel của thuyền máy;
15. Bộ phận làm nóng bằng điện dùng cho tàu hoả;
16. Xe chạy trên đường ray (loại xe tự hành bằng năng lượng của chính mình và được trang bị động cơ diesel hoặc động cơ đốt trong);
17. Toa xe tàu hoả dùng để chở tù nhân;
18. Vô lăng của xe tải;
19. Xà lan chở bùn sau khi được chuyển từ tàu cuốc;
20. Tàu chiến; và
21. Tàu tuần tra cao cấp của Hải quan sử dụng chống buôn lậu.

## Chương 86

1. Đầu máy xe lửa chạy diesel;
2. Toa xi téc;
3. Má phanh của đầu máy xe lửa;
4. Toa xe điện tự hành;
5. Thiết bị điều khiển giao thông bằng cơ dùng cho đường sông (không dùng điện);
6. Đầu máy hơi nước;
7. Toa bưu điện và toa hành lý;
8. Tà vẹt đường xe lửa bằng bê tông, đã được thắp tấm để chống mục;
9. Thiết bị điện dùng làm tín hiệu dùng cho hệ thống cảng biển và cảng sông;
10. Đường ray xe lửa bằng sắt;
11. Đầu máy và toa xe lửa dùng làm mẫu và trưng bày tại hội chợ thương mại quốc tế;



TAILIEUXNK.COM

12. Tàu hoả bằng nhựa dùng để làm đồ chơi cho trẻ em. Số lượng: 200 bộ;
13. Toa xe cấp cứu;
14. Toa gờng dùng trong khai thác khoáng sản (loại tự đổ); và
15. Công ten cách nhiệt và cách điện dùng để vận chuyển hàng hoá hoặc thực phẩm dễ hư hỏng trên tàu hoả.

### Chương 87

1. Xe đẩy trẻ sơ sinh nhập khẩu từ Singapore. Số lượng 200 chiếc;
2. Bộ linh kiện xe cứu thương ở dạng CKD, có dung tích 1500cc do Đức sản xuất 1996 xuất xứ các nước G7;
3. Xe ô tô dùng trong khi chơi gôn do hiệu KIA do Hàn Quốc sản xuất;
4. Bộ linh kiện xe máy "Dream II" ở dạng SKD, do Thái Lan sản xuất, số lượng 2 công ten nơ, mỗi công ten nơ 100 chiếc. Đơn giá 1430USD/chiếc. Dung tích xi lanh 100cc;
5. Xe đạp do Việt Nam sản xuất, hiệu "LIXEHA" xuất khẩu sang thị trường EC. Số lượng: 1.000 chiếc;
6. Yên xe đạp xuất khẩu;
7. Phụ tùng cửa do đẩy dành cho người tàn tật (Hàng viện trợ);
8. Xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng hiệu TOYOTA (máy xăng);
9. Máy kéo nông nghiệp cũ có công suất 25CV, loại bánh xích;
10. Xe khách mới hiệu Hyundai (25 chỗ) nhập khẩu từ Hàn Quốc. Số lượng 100 chiếc, động cơ xăng, loại xe này dùng để vận chuyển hành khách đường dài (liên tỉnh);
11. Xe buýt hai đầu chở khách trong sân bay do Pháp sản xuất;
12. Xe đông lạnh (dung tích xi lanh 3000cc);
13. Xe phun nước;
14. Xe chở rác;
15. Khung gầm đã lắp động cơ xe cứu thương;
16. Xe bọc thép cũ;
17. Hộp số của xe tải các loại;
18. Xe đạp đua các loại;
19. Xe tải chạy điện tự hành dùng ở cầu cảng và trong kho tàng;
20. Máy ơ xe đạp đua do Nhật Bản sản xuất;
21. Rơ moóc một cầu chở dầu;
22. Xe do súc vật kéo;
23. Khung gầm đã lắp động cơ của xe cứu hoả;
24. Xe của người tàn tật loại không vận hành cơ giới; và
25. Cabin của máy kéo do Trung Quốc sản xuất.



### Chương 88

1. Máy bay trực thăng, trọng lượng 5000kg (không tải);
2. Dù điều khiển;
3. Cánh quạt của máy bay trực thăng;
4. Vệ tinh viễn thông;
5. Thiết bị phóng dùng cho tàu sân bay;
6. Lớp bơm hơi mới dùng cho máy bay phản lực;
7. Kính khí cầu;
8. Máy bay bằng nhựa dùng để làm đồ chơi cho trẻ em do Trung Quốc sản xuất;
9. Phương tiện huấn luyện mặt đất;
10. Thùng nhiên liệu của máy bay;
11. Tuabin phản lực của động cơ máy bay, có lực đẩy 50 KN do Nga sản xuất; và
12. Van ống xả của động cơ máy bay.

### Chương 89

1. Tàu đánh cá 1000 tấn DWT (DEADWEIGHT TONNAGE) trở xuống;
2. Thuyền buồm thể thao mẫu dùng để trưng bày làm bằng gỗ ;
3. Ngư lôi các loại ;
4. Tàu cuốc hay còn gọi là tàu hút nạo;
5. Ván buồm buồm thể thao do Nhật Bản sản xuất;
6. Phà dùng để vận chuyển hàng hoá và người;
7. Tàu đông lạnh (dùng để bảo quản hải sản đã đánh bắt được ngoài khơi), loại 12.000 tấn BRT;
8. Tàu kéo (công suất 5000CV);
9. Mỏ neo của tàu thủy bằng sắt hoặc bằng thép;
10. Cáp thép cho tàu thuyền các loại;
11. Thủy phi cơ;
12. Mái chèo gỗ;
13. Thuyền buồm có bánh bằng gỗ dùng trẻ con có thể ngồi lên được để chơi;
14. Thuyền câu cá loại dùng trong thể thao, loại có thể bơm hơi được;
15. Xe đi trượt băng mùa đông;
16. Tàu dùng để chế biến cá voi (giống như một nhà máy để chế biến cá voi sau khi đánh bắt được ngay trên biển), loại 1500 tấn DWT;
17. Tàu phá băng của Nga;
18. Bến tàu nổi làm bằng thép;
19. Chân vịt tàu thủy và cánh quạt chân vịt; và



TAILIEUXNK.COM

20. Máy tạo ô xy dùng để trang bị trong tàu ngầm.





## Phần XVIII

### Chương 90

1. Khung ống nhôm đơn;
2. Kính quang học nhi nhiều hình nổi;
3. Thước đo độ;
4. Máy sao chụp nhiệt giấy trong;
5. Ồn áp;
6. Vôn kế;
7. Đồng hồ đo nước;
8. Máy đếm cây số tính tiền taxi;
9. Máy thử sợi dệt; và
10. Máy xem âm bản.

### Chương 91

1. Đồng hồ điện tử cá nhân nhập khẩu từ Thụy sĩ;
2. Đồng hồ điện tử bấm giây tại các hội thi thể thao;
3. Dây đeo đồng hồ bằng da động vật;
4. Dây đeo đồng hồ mạ kim cương;
5. Đồng hồ điện tử lắp ở những tào nhà lớn như lắp ở nhà ga, bưu điện.;
6. Đồng hồ được thiết kế để lắp trên máy bay;
7. Đồng hồ đeo tay có mạ vàng;
8. Dây tóc của đồng hồ chuông;
9. Mặt số đồng hồ nhập từ Thụy sĩ; và
10. Dây đeo đồng hồ có gắn ngọc.

### Chương 92

1. Đàn clavico;
2. Đàn violon dùng chơi cho dàn nhạc giao hưởng;
3. Kèn ãcmonica có bàn phím, dạng khác;
4. Đàn ghi ta điện tử dùng cho các ban nhạc;
5. Đàn gảy;



TAILIEUXNK.COM

6. Còi dùng cho cảnh sát; và

7. Kèn túi.



## **Phần XIX**

### **Chương 93**

1. Vũ khí dùng cho mục đích an ninh, quốc phòng của Chính phủ;
2. Súng lục của các chiến sĩ an ninh, biên phòng;
3. Súng ngắn thể thao dùng cho các cơ quan được phép sử dụng của Chính phủ. phủ;
4. Súng dùng để bắn pháo hiệu trong các dịp lễ, tết;
5. Nòng súng trường;
6. Dùi cui của cảnh sát;
7. Súng bắn tên của người bẫy thú trong rừng;
8. Vô bao kiếm;
9. Đạn súng hơi; và
10. Tên lửa dùng cho mục đích an ninh, quốc phòng do chính phủ nhập khẩu.



## Phần XX

### Chương 94

1. Ghế ngồi bằng song mây xuất khẩu đi thị trường Đông Âu;
2. Ghế ngồi để cắt tóc;
3. Ghế có khung bằng gỗ nhưng đã được đệm mút;
4. Ghế bằng gỗ làm giả cỏ, xuất khẩu ra nước ngoài;
5. Xe tập đi của trẻ em làm bằng tre;
6. Đệm giường bằng bông, có bọc vải, nhập khẩu từ Trung Quốc;
7. Gối nhồi lông chim;
8. Biển hộp quảng cáo đã được đề tên, chiếu sáng tại các cửa hiệu;
9. Đèn ngủ bằng gốm xuất khẩu sang Pháp;
10. Bộ đèn chùm dùng để trang trí nhập khẩu từ Tiệp Khắc; và
11. Ghế của nha sĩ có lắp các thiết bị dùng trong nha khoa. (90.18)

### Chương 95

1. Xe ba bánh dùng cho trẻ em;
2. Búp bê nhập khẩu từ nước Nga;
3. Con Lật lật bằng nhựa do Nga sản xuất;
4. Bàn chơi bia;
5. Ông già tuyết làm bằng nhựa dùng trong ngày lễ nô en;
6. La kết dùng để chơi bóng bàn;
7. Bóng dùng để chơi môn bóng đá;
8. Băng đầu dùng để tập thể dục hoặc chơi các môn thể thao khác;
9. Cổ bài chơi tú lơ khơ bằng giấy bia; và
10. Con chó bằng bông, có gắn động cơ có khả năng đi được, nhập khẩu từ trung quốc.

### Chương 96

1. Lược làm bằng sừng trâu;
2. Tròng hạt dùng để cầu kinh làm bằng gỗ;
3. Vỏ thuốc con nhện;
4. Bàn chải dùng để giặt;
5. Khuy áo làm bằng thép không rỉ;



TAILIEUXNK.COM

6. Phần dùng cho thợ may;
7. Ruy băng dùng cho máy vi tính;
8. Bảng fóoc mi ca đã đóng khung hoàn chỉnh dùng cho văn phòng hoặc dùng cho mục đích dạy học;
9. Bật lửa ga, có khả năng bơm lại; và
10. Bút máy học sinh.



## **Phần XXI**

### **Chương 97**

1. Tranh được ghép bằng hoa khô đã nhuộm màu và qua xử lý;
2. Tranh phong cảnh được vẽ bằng bột màu;
3. Bộ sưu tập bướm các loại;
4. Bộ sách ký sử thời nhà Lê;
5. Bộ bàn ghế bằng gỗ thời nhà Nguyễn;
6. Tượng phật bà bằng gỗ; và
7. Tác phẩm nghệ thuật được ghép bằng cành cây, lá cây làm đồ lưu niệm đã qua các khâu xử lý.